ARC MOANG 33

征婦吟演歌

CHINH PHỤ NGÂM (A)

HÁN VĂN — ĐẶNG TRẦN CÔN

DIỄN CA — Phan Huy-Ích — ~~Đoàn Thị Điểm~~

Hoang Xuân-Hãn phiên âm và viết

Phần Hán văn là theo bản (a) 征婦吟 (長盛堂) có lẽ khắc vào khoảng đời Thành-thái, và có chữa theo bản (b) viết cũ. Hai bản phần lớn giống nhau. Nhưng cũng có nhiều chữ khác (xem sau) và lại có một ít câu ở a có mà b thiếu, hoặc trái lại ở b có mà a không.

Phần diễn ca cũng theo bản 長盛堂

So sánh với bản c 隆和號 (1902) khắc lại tại 柳文堂 (1922) bản Vũ Hoạch

d Nguyễn Đỗ Mục

e Tôn Thất-Lương

BULAC

Thiên địa phong-trần,
Hồng-nhan đa truân.
Du-du bỉ thương hề, thùy tạo nhân?
Cổ-bề thanh động Trường-an nguyệt,
Phong-hỏa ảnh chiếu Cam-tuyền vân.
Cửu-trùng án kiếm, khởi đương tịch;
Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.
Thanh-bình tam bách niên thiên-hạ,
Tùng thử nhung-y thuộc vũ-thần.
Sứ-tinh thiên-môn thôi hiểu phát,
Hành-nhân trọng pháp, khinh li-biệt.
Cung-tiễn hề tại yêu.
Thê-noa hề biệt quyết.

Giữa khoảng trời đất, gió thổi bụi bay;
Kẻ hồng-nhan chịu nhiều bề khốn-khổ.
Ông Xanh xa-xa kia ơi, ai đã gây nên duyên-cớ ấy.
Tiếng trống lệnh làm rung bóng trăng ở Trường-an;
Ánh lửa hiệu chiếu rừng mây ở Cam-tuyền.
Vua đang dở tiệc, chống gươm đứng dậy,
Nửa đêm cấp-tốc truyền hịch cho tướng-quân.
Thiên-hạ thái-bình trong ba trăm năm nay,
Từ bây giờ, trao áo nhung cho quan võ.

Sứ nhà vua sai tới, giục mờ sáng phải đi.
Kẻ lên đường trọng phép vua, mà khinh sự li-biệt.
Cung tên thì đeo lưng.
Vợ con níu tay áo thì dứt ra.

Thơ này là theo Trương Vĩnh Ký

nét đỏ này bản viết Bác-cô

đồ : TK

征婦吟

天地風塵。
紅顏多屯。
悠悠彼蒼兮誰造因。
鼓鼙聲動長~~城~~安月。
烽火影照甘泉雲。
九重按劍起當席。
半夜飛檄傳將軍。
清平三百年天下。
從此戎衣屬武臣。
使星天門催曉發。
行人重法輕離別。
弓箭兮在腰。
妻孥兮別袂。

因 拔 屬

b. 姻 b:安

b: 赤 sai

THỜI CHINH CHIẾN

Cơn gió bụi

1 Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,
2 Khách má hồng nhiều nỗi truân-chuyên. 屯邅
3 Xanh kia thăm-thẳm tầng trên!
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?
4 Trống trường-~~thành~~ an lung-lay bóng nguyệt, 城 域
5 Khói Cam-tuyền mờ-mịt thức mây.
Chín lần gươm báu ~~trao~~ chống tay;
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.

Nước thanh-bình ba trăm năm cũ,
Áo nhung trao quan vũ từ đây. 是 này
10 Sứ trời sớm giục đường mây;
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.
Đường giong-ruổi, lưng đeo cung tiễn;
Buổi tiễn đưa lòng bận bìn thê-noa. 絆 bận 絆

---

3 a 因, b: 姻 — 4. a 城, b: 安 — 9. a 後 b 從

(1) a. Nhè ... thuở khi ...

(5) Các bản đều : ~~Trường~~-thành ~~là~~ sai (An)

(7) Các bản đều làm ra : trao ~~tay~~ chống

12. Sá : kể đến.

14. Bịn : khắc-mắc trong lòng, vì nghĩ tới việc gì, vật gì.

Liệp-liệp tinh kỳ, xuất tái sầu,
Huyên-huyên tiêu cổ, từ gia oán.
Hữu oán hề phân huề,
Hữu sầu hề khế-khoát.
Lương-nhân nhị thập, Ngô-môn hào,
Đầu bút nghiễn hề, sự cung đao.
Trực bả liên thành hiến Minh-thánh,
Nguyện tương xích kiếm trảm Thiên-kiêu.
Trượng-phu thiên lý, chí mã cách.
Thái-sơn nhất trịch khinh hồng-mao.
Tiện từ khuê-khổn tùng chinh-chiến.
Tây-phong minh tiên xuất Vị-kiều.
Vị-kiều đầu, thanh-thủy câu,
Thanh-thủy biên, thanh-thảo đồ.

Cờ tinh, cờ kỳ bay rộn-ràng thắm lòng sầu ra ải.
Tiếng sáo, tiếng trống inh-ỏi, tiếng lẫn oán lìa nhà.
Có oán mà phải chia tay,
Có sầu mà phải vĩnh-biệt.

Chàng hai mươi tuổi, là một kẻ hào dòng Ngô-môn,
Vứt bút nghiên mà theo việc cung đao.
đưa/ Chực đưa dây thành liền hiến đấng vua;
Thề đem thanh gươm dài chém giặc trời.
Chí trượng-phu là đi xa nghìn dặm, một bọc thây trong da ngựa;
Ném núi Thái nhẹ như lông hồng.
Chàng bèn từ giã nhà cửa trẩy đi đánh giặc.
Giữa cơn gió tây lạnh, quất roi ngựa, ra lối cầu sông Vị.
Đầu cầu sông Vị, có ngòi nước trong,
Bên bờ nước trong, có đường cỏ xanh.

h lại có chữ hề 兮 ở 征夫吟

清水邊青草途
渭橋頭清水溝
西風鳴鞭出渭橋
便辭閨閫從征戰
泰山一擲輕鴻毛
丈夫千里志馬革
願將尺劍斬天驕
直把連城獻明聖
投筆硯兮事弓刀
良人二十吳門豪

有愁兮契闊
有怨兮分攜
喧喧簫鼓辭家怨
旆旆旌旗出塞愁

theo b c

Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
15 Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.

chí nam nhi

18 Chàng tuổi trẻ, vốn dòng hào-kiệt,
~~Xếp~~ Nếp bút nghiên theo việc đao cung. (xếp)
20 Thành liền mong tiến bệ rồng, (liền 敵 連)
~~21~~ Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.
Chí làm trai: dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái-sơn nhẹ nhõ hồng-mao. (tựa)

II. TIỄN BIỆT

Giã nhà mang bức chiến-bào, (đeo) (tựa 揩 扨) (招→搭)
25 Thét roi cầu Vị, ào-ào gió thu. (thét)

Lúc tiễn-biệt

~~26~~ Ngòi đầu cầu nước trong như lọc, (ngoài) (外 外) (外→洲)
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.

26, b,c 渭揩, a. 橋   20, d 敘, a b c 直   (18) Nếp. các bản đều chữ Xếp. Nhẽ là tự xếp.

(21) ~~Nhẹ nhõ a: bao bằng độ~~ nhẹ nhõ. a: bằng độ. Cái bài viết nhẹ tựa. nghĩa là nhẹ. như kỳ thủy ý chữ Hành là Kêu

(24) Mang ~~a: đeo~~ a viết chữ chiêu 招 có thể là chữ 扨 đeo hay 搭 mang. c viết đeo. Như chữ đeo kỳ thủy thì.

24 Thét. a: tiếng; ào ào a: 道 vào. Các bản đều đọc thét, như kỳ thủy thì.

Tống quân xứ hề, tâm du-du.
Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu;
Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như chu.
Thanh thanh hữu lưu-thủy, Mạc tẩy thiếp tâm sầu,
Thanh thanh hữu phương-thảo, Bất vong thiếp tâm ưu.
Ngữ phục ngữ hề, chấp quân-thủ;
Bộ nhất bộ hề, khiên quân nhu.
Thiếp tâm tùy quân tự minh-nguyệt;
Quân tâm vạn lý thiên-sơn tiễn.
Trịch li-bôi hề, vũ Long-tuyền;
Hoành chinh-sáo hề, chỉ hổ-huyệt.
Vấn tùng Giới-tử liệp Lâu-lan.
Tiếu hướng Man-khê đàm Mã-Viện.

Tại chỗ đưa chàng kia, lòng thiếp giằng-giặc buồn.
Chàng lên đường bộ chăng? Thiếp giận không được như ngựa câu chàng cỡi;
Chàng theo tới dòng nước chăng? Thiếp giận không được như chiếc thuyền chàng đi.
Có nước trong leo-lẻo, Nhưng không gột nổi lòng thiếp sầu.
Có cỏ thơm xanh xanh, Nhưng không quên được lòng thiếp lo.
Nói chuyện rồi lại nói, thiếp cầm tay chàng.
Bước đi một bước, thiếp níu áo chàng.
Lòng thiếp theo chàng như vừng trăng sáng theo chàng dọi.
~~Lòng chàng lâm [illegible] ra ngoài vạn dặm như tên bắn ở Thiên-san.~~
Chàng [illegible] chén rượu li-biệt mà múa gươm Long-tuyền;
Cầm ngang ngọn giáo trận, mà trỏ hang-hổ.
Chàng bảo rằng theo Giới-tử đi săn chúa Lâu-lan.
Chàng cười mà đi thẳng tới chốn Man-khê nói chuyện cùng Mã-viện.
Lòng chàng lăm ra ngoài vạn dặm, bắn tên đến giặc ở núi Thiên-sơn.

+30 35 40

笑向蠻溪談馬援。
云從介子猶樓蘭。
橫征槊兮指虎穴。
擲離杯兮舞龍泉。
君心萬里千山箭。
妾心隨君似明月。

步一步兮~~攀~~牽君襦。
語復語兮執君手。
不忘妾心憂。
青青有芳草。
~~不~~莫洗妾心愁。
清清有流水。
君臨流兮妾恨不如舟。
君登途妾恨不如駒兮。
送君處兮心悠悠。

Đưa chàng lòng dặc-dặc buồn,
29+30 Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
31+32 Nước có chảy mà phiền chẳng ~~tả~~ giã
33+34 Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
35 Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.

Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi,
Dạ ~~chàng xa muôn~~
~~Lòng~~ chàng ra tìm cõi Thiên-san.
Múa gươm, rượu tiễn chưa tàn,
40 Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.
Săn Lâu-lan, rằng theo Giới-tử,
Tới Man-khê bàn sự Phục-ba.

30. ~~a 不, b 莫~~ — 31 b: 有, a không có — 33 a 攀, b: 牽 — 38 a 云, b: 去 (sai)
c: thêm

29. Cỏ a: tường; Mà a: lòng. — 30 Cỏ a: xanh; mà dạ chẳng khuây a: dạ nhớ không quên — 31 nhủ lại cầm tay a: tay lại trao liền
32. dây dây lại dừng a: lại vin áo chàng.
34. ~~...~~ a: Dạ chàng xa muôn; c: sót chữ lòng
cõi nghìn non
~~38 Tới a: Đông~~

35. a: Đặt chén tiễn, múa Long-tuyền
37 Săn . a: Đăng
38 Tới - a: Đông Dóng

Quân ~~phi~~ xuyên tráng-phục hồng như hà;
Quân kỵ kiêu-mã bạch như tuyết.
Kiêu-mã hề loan-linh;
Chinh-cổ hề nhân hành.
Tu-du trung hề đối diện;
Khoảnh-khắc lý hề phân trình.
Phân trình hề Hà-lương;
Bồi-hồi hề lộ-bàng.
Lộ-bàng nhất vọng hề, bái ương-ương.
Tiền ~~quân~~ xa bắc Tế-liễu;
Hậu ~~quân~~ kỵ tây Trường-dương.
Kỵ ~~quân~~ xa tương ủng quân lâm tái;
Dương-liễu na tri thiếp đoạn-trường.
Khể-khể lạc-mai thanh tiệm viễn,
Hành hành chinh-bái sắc hà mang.

Chàng mặc bộ áo đỏ như ráng;
Chàng cưỡi ngựa ~~bay~~ kiêu[9] trắng như tuyết.
Ngựa ~~bay~~ kiêu rung tiếng ~~đạc~~ nhạc;
Trống trận ~~giục~~ nhịp người đi.
Gặp mặt nhau trong giây phút,
Chốc lát đã chia ~~đàng~~ đường.
Chia đường ở ~~chân Hà-lương~~[10] trên cầu Hà-lương.
Thiếp bồi-hồi đứng bên ~~đàng~~ đường;
Đứng bên ~~đàng~~ đường, ngóng trông cờ bái[11] bay phới-phới.
(Cỗ xe[12] ~~xe~~ ~~Đội quân~~ đi trước, ~~[illegible]~~ tiến phía bắc, đã đến Tế-liễu;[13]
Quân kỵ ~~Đoàn ngựa~~ đi sau còn ở phía tây, tại Trường-dương.[14]
(Cỗ xe và quân ~~Quân~~ kỵ hộ-tống Chàng ~~đã ra~~ đi ra ải;
Dẫy ~~Cây~~ dương-liễu kia có biết rằng thiếp đau đứt ruột hay?
(Quân) Lúc đi, tiếng (địch thổi ~~[illegible]~~[15] như ~~tiếng~~ thấy hoa) ~~Mơ~~ rung vang xa,
Cờ ~~bái~~ trận kéo từng hàng, sắc trông sao (mà) bộn-rộn?

行行征旆色何忙。
去去落梅聲漸遠。
楊柳那知妾斷腸。
騎軍相擁君臨塞。
後騎西長楊。
前軍北細柳。
路旁一望兮旗央央。
徘徊兮路旁。
分程兮河梁。
頃刻裡兮分程。
須臾中兮對面。
鉦鼓兮人行。
驕馬兮鸞鈴。
君騎驍馬白如雪。
君披莊服紅如霞。

Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.

chàng xuất chinh

45+46 Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
47+48 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà-lương chia ghẽ đường này
50+51 Bên đường trông lá cờ bay ngùi-ngùi.
~~Quân~~ Xe trước đã gần ngoài dinh Liễu,
Kỵ sau còn ngất nẻo Trường-dương.
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
55 Liễu dương biết thiếp đoạn-trường này chăng?
Tiếng địch ~~giọi~~ trổi nghe chừng đồng-vọng,
Hàng cờ đi trông bóng phất-phơ.

40 a: 披, b: 穿 — a: 莊, b: 壯 — b: 兮紅, a: 紅 — 41 b: 兮白, a: 白 — 43 b: 征, a: 鉦
48 a: 旆, b: 旗 — 51 a: 運, b: 車 a c 軍
39 Ráng c: sương
43. a: ghẽ . b: rẽ — 44. lá a: bóng. — 45 Xe các bản đều viết: quân —
gần b: tới — 46. Kỵ b: ngựa. — Ngất b: ở — 59. ~~Tiếng địch ruổi~~ (sai)
b: Tiếng địch ruổi xa chừng lăng-lắc
60. a: Hàng cờ bay bóng ngất mờ mờ.

Vọng vân khứ hề, Lang biệt thiếp;
Vọng sơn qui hề, thiếp từ Lang.
Lang khứ trình hề, mông vũ ngoại;
Thiếp qui xứ hề, tạc dạ phòng.
Qui khứ lưỡng hồi cố:
Vấn thanh dữ sơn thương.
Lang cố thiếp hề Hàm-dương,
Thiếp cố Lang hề Tiêu-tương.
Tiêu-tương yên ~~cách~~ trở Hàm-dương thụ,
Hàm-dương thụ cách Tiêu-tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang! Mạch thượng tang!
Thiếp ý, quân tâm, thùy đoản trường?

Ngóng mây ~~đi~~, ~~biệt chừng~~ Chàng đi ~~biệt~~ thiếp;
Ngóng núi, lui về, thiếp những nhớ Chàng.
Đường Chàng đi (ngoài) xa, trong mưa phùn;
Chốn thiếp trở về là phòng cùng nhau ở tối hôm qua.
Người về kẻ đi, hai bên cùng ngảnh lại:
Chỉ thấy mây biếc ~~xanh~~ và núi ~~xanh biếc~~ xanh.
Chàng ~~ở Hàm-Dương~~ ngóng lại thiếp ở Hàm-dương
Thiếp ~~ở Tiêu-tương~~ ngóng lại Chàng ở Tiêu-tương
Khói Tiêu-tương cách cây Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách sông Tiêu-tương.
Cùng ngóng nhau mà không thấy nhau,
Chỉ thấy đám dâu xanh-xanh trên đường.
~~Dâu trên đường~~ Những dâu trên đường, những dâu trên đường!
Ý thiếp và lòng Chàng, bên nào dài ngắn?

妾意君心誰短長。
陌上桑陌上桑。
青青陌上桑。
相顧不相見。
咸陽樹隔瀟湘江。
瀟湘烟~~隔~~隔咸陽樹。
妾顧郎兮瀟湘。
郎顧妾兮咸陽。
雲青~~與~~山兮蒼。
歸去~~兮~~两回顧。
妾歸處兮昨夜房。
郎去程兮濛雨外。
望山歸兮妾思郎。
望雲去兮郎別妾。

a:瀟 b:阻 — b:兮 — b:兮 b:兮 — b:兮 — b:雲 có khi là 雲 nên B. C

Dấu chàng theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi, ngẩn-ngơ nỗi nhà.
Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về phòng cũ chiếu chăn.
Đoái trông nhau đã cách ngăn,
Tuôn màu mây biếc ~~trải ngàn~~ hằn núi xanh.
Chốn Hàm-kinh chàng còn ngảnh lại,
Ngác Tiêu-tương thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu-tương cách Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?

Cùng trông lại

55 垠 痕 咸京 灣 60 覺休

56. a:山, b:雲 — 60. a:烘, b:兮 — 63 a:隔, b:阻

55. Ngấn. Cái bản làm ra ngàn

51 ~~a: Phất tay theo~~ lớp Dấu Chàng a: Phất tay. — 53. Đi a: trẩy 56 Tuôn a: nhuộm

— trải a: cùng — hằn. Cái bản làm ra ngấn. Hằn là vết

1 = chừng 垠 2 = ngấn 痕 (58) Ngác. Cái bản làm ra bến. Ngác là sông

b:雲

Tự tùng biệt hậu phong sa lũng.
Minh-nguyệt tri quân hà xứ túc.
Cổ lai chinh-chiến trường,
Vạn lý vô nhân ốc.
Phong khẩn-khẩn đả đắc nhân nhan ~~tụy~~ tiều,
Thủy thâm thâm khiếp đắc mã đề xúc.
Thú-phu chẩm cổ ~~Ngọa~~ ~~Long-sa~~ long-sa
Chiến-sĩ bão yên miên ~~Hổ-lục~~ hổ-lục
Kim triêu Hán hạ Bạch-đằng thành,
Minh nhật Hồ khuy Thanh-hải khúc
Thanh-hải khúc, thanh-sơn cao phục đê,
Thanh-sơn tiền, thanh-khê đoạn phục tục.
Thanh-sơn thượng, tuyết mông đầu,
Thanh-khê hạ, thủy một phúc.
Khả lân đa thiểu thiết-y nhân
Tư qui đương thử sầu nhan súc

Từ sau khi lìa nhau, Chàng tới lũng gió lùa, cát cuốn.
Đêm trăng sáng, [biết] Chàng nghỉ ở nơi đâu?
Xưa nay, trên bãi chiến-trường,
Suốt vạn dặm không có nhà ở.
Gió ngùn-ngụt đập vào mặt ~~người~~, làm người ~~bạc~~ tiều-tụy.
Nước sâu-sâu làm vó ngựa sợ không giám bước, ~~mau~~ mau.
Kẻ đi thú gối trống-trận mà nằm [trên bãi] ~~Long-sa~~ bãi cát.
Chiến-sĩ ôm yên [ngựa] ~~mã~~ ngủ ở cồn ~~Hổ-lục~~ mả.
Sáng nay, quân Hán ~~đánh lấy~~ [tới] thành Bạch-đằng.
Ngày mai, quân Hồ rình ~~cướp~~ ~~bãi~~ [góc] Thanh-hải.
Góc Thanh-hải, núi xanh cao lại thấp;
Trước núi xanh, khe xanh dứt lại nối.
Trên núi xanh, tuyết phủ đầu,
Dưới khe xanh, ~~ngựa~~ nước ngập bụng.
Biết bao kẻ mão áo sắt đáng thương thay!
Nhớ nhà muốn về; Khi ấy mặt sầu nhăn-nhó.

思歸當此愁顏變
可憐多少鐵衣人
青溪下水沒腹
青山上雪蒙頭
青山前青溪斷復續
青海曲青山高復低
明日胡窺青海曲
今朝漢下白登城
戰士抱鞍眠虎陸
戍夫枕鼓臥龍沙
水深深怯得馬蹄促
風緊緊打得人顏悴
萬里無人屋
古來征戰場
明月知君何處宿
自從別后風沙隴

b: 後 — c: 憔 — b.ng 敖 — c: 縮 — Ngao-ngao: trống ào ào nghe thảm thiết — b: 日 — c: 濛 — b: 促

NỘI ~~KL CẢNH~~

~~Bước gian nan và đi~~ Thương chàng vất vả

THƯƠNG SỐ

Chàng từ đi vào nơi gió cát
Đêm trăng nầy, nghỉ mát phương nao? — a: 持, c: 忙 沫 沬 — 賠→賠
Xưa nay chiến-địa dường bao,
Nội không muôn dặm, xiết sao dãi-dầu.
Hơi gió lạnh, người rầu mặt dạn, — c: sầu
Dòng nước sâu, ngựa nản chân bon. — c: 忡 giận
Ôm yên, gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng; ngủ cồn rêu xanh.
Nay Hán xuống Bạch-thành đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải dòm qua.
Hình khe thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao. — 組→紐
Sương đầu núi, buổi chiều như gội,
Nước lòng khe, nẻo lội còn sâu.
Thương người áo giáp bấy lâu, — c: não
Lòng quê qua đó, mặt sầu chẳng khuây. — c: rầu

69. a 后, b: 後 — 73 a: 悴, b: 憔 — 76 a 虎陸, b: nguyên 鬼塚 sau chữa — 77 a 朝, b: 日 — 81 b 蒙, a: 濛

82. b 氷, a 水 — 84 b: 促, b 變

(66) nghỉ mát. Các bản đều chép thế. Tôi đoán nghỉ mát, tức là ngủ. Còn nghỉ mát không [illegible] hợp lí.

Cẩm-trướng quân-vương tri dã vô?
Gian-nan thùy vị họa chinh-phu.
Liệu tưởng lương-nhân kinh-lịch xứ,
Tiêu-quan giốc, Hãn-hải ngung.
Sương-thôn vũ-điếm, [Hổ lạc xà khu.
Phong xan lộ túc, [Tuyết hĩnh băng tu
Đăng cao vọng vân sắc,
Yên đắc bất sinh sầu

Tự tùng biệt-hậu đông nam khứ,
Đông nam tri quân chiến hà đạo.
Cổ lai chinh-chiến nhân,
Tính mệnh khinh như thảo.
Phong-nhận hạ, ôn-ôn hiệp khoáng chúa ân thâm,
Thỉ-khắc trung, lịch-lịch hoành quả tráng sĩ yểu
Kỳ-sơn cựu trủng nguyệt mang-mang
Phì-thủy tân-phần phong niểu-niểu.

Đức vua trong trướng gấm biết hay không?
Ai vẽ cảnh gian-nan ~~cho~~ của kẻ chinh-phu để vua hay.
(Thiếp) ~~Suy tưởng~~ nghĩ đến chỗ Chàng đi qua:
Là ~~Xó~~ Tiêu-quan hay là góc Hãn-hải;
Làng sương, quán mưa; [Xóm hổ, vùng rắn.
Ăn ~~giữa~~ gió, ngủ trong ~~sương~~ mốc; [Tuyết ngập chân, giá bám râu.
Thiếp trèo lên cao mà ngóng sắc mây.
Làm sao mà không sinh sầu được?

Từ sau khi lìa nhau, Chàng đi về cửa ải ở Đông-nam.
Phía Đông-nam, biết Chàng đánh (giữa) ở chốn nào.
Xưa nay, những người đi trận,
Tính-mệnh ~~khinh~~ rẻ như cỏ.
Dưới (gươm giáo sắc, giáo nhọn) ~~mưa nhọn lưỡi sắc~~ mà vẫn (không rung mình) như ~~cặp~~ ôm bông trong người ~~ấm~~ ấm,
đó là nhờ ơn ~~chúa~~ sâu của chúa.
Trong chốc lát, ngọn mác đưa qua sáng nhoáng, mệnh tráng sĩ yểu
Mồ cũ ở núi Kỳ, trăng dọi mờ mờ;
Mả mới ở sông Phì, gió thổi ~~hiu hắt~~ ngùn-ngụt.

淝水新墳風裊裊。
祈山舊塚月忙忙。
時刻中歷歷横槊壯士夭。
鋒刃下溫溫挾纊主恩深。
性命輕如草。
古來征戰人。
東南知君戰何道。
自從別後東南徼。 c: 墩

安得不生愁。
登高望雲色。
風餐露宿雪脛氷鬚。
霜村雨店虎落蛇區。
蕭關角瀚海隅。
料想良人經歷處。
艱難誰爲畫征夫。
錦帳君王知也無。

Trên trướng gấm thấu hay chăng nhé?
Dạng chinh-phu ai vẽ cho nên. mặt c: dạng
Tưởng chàng giong-ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn-hải, thì miền Tiêu-quan. c. quan-san 関山
Đã trải trở đòi ngàn xà hổ,
Lại lạnh-lùng những chỗ (lỗ) sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
Sợ cho tình nàng
Từ đi (trẩy) sang đông-nam khơi nẻo, c: ngất
Biết nay chàng tiễn-thảo nơi đâu.
Những người chinh-chiến mấy lâu,
Nhẹ xem tính-mệnh như màu cỏ cây.
Nực hơi ấm ơn dày từ trước,
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu.
Non Kỳ quạnh-quẽ (vời) trăng treo c: 墓只 mộ cũ
Bến Phì gió thổi đìu-hiu mấy gò.

85 a 知, b 識 — 88 a 関山角瀚海隅, b: 蕭関角瀚海隅 — 98 a: 槊 b: 戈 — 99 a 祈山, b: 祁連

Phong niểu-niểu không xuy tử-sĩ hồn,
Nguyệt mang-mang tưởng chiếu chinh-nhân mạo.
Chinh-phu mạo, thùy đan thanh?
Tử-sĩ hồn, thùy ai điếu.
Khả liên tranh-đấu cựu sơn-xuyên,
Hành-nhân quá thử tình đa thiểu.
Cổ lai chinh-chiến kỷ nhân hoàn,
Ban Siêu qui-thời mấn dĩ ban.
Liệu tưởng Lương nhân trì-sinh ngoại
Tam xích kiếm, nhất nhung an.
Thu-phong sa-thảo, Minh-nguyệt quan san.
Mã đầu minh-đích, Thành-thượng duyên can.
Công-danh bách mang tỷ,
Lao-khổ vị ưng nhàn

Gió ngùn-ngụt thổi sương hồn tử-sĩ,
Trăng mơ-mờ tưởng dọi mặt chinh-phu.
Mặt chinh-phu, ai tô-vẽ?
Hồn tử-sĩ, ai viếng thăm?
Khá thương non sông cũ trải qua chiến-tranh;
Kẻ đi qua đó có tình thương xót nhiều hay ít?
Xưa nay đi đánh trận, mấy người được trở về.
Khi Ban Siêu về, mái tóc đã có đám bạc. (ở mang-tai)
Thiếp suy nghĩ đến chàng dong-ruổi ở ngoài,
cùng ba thước gươm, một cỗ yên ngựa.
Gió thu lướt cỏ trên bãi cát, Trăng sáng dọi núi ở cửa quan;
Mũi tên bay veo bên đầu ngựa, Sào mà (vượt) lên thành.
Cướp công danh giữa trăm bề bận-rộn,
Chịu lao-khổ chưa được nghỉ-ngơi.

勞苦未應閑。
功名百忙裏。
馬頭鳴鏑城上緣竿。
秋風沙草明月關山。
三尺劍一戎鞍。
料想良人馳騁外。
班超歸時鬓已斑。
古來征戰幾人還。
行人過此情多少。
可憐爭鬥舊山川。 b:江山
死士魂誰哀弔。
征人貌誰丹青。
月茫茫曾照征人貌。
風裊裊空吹死士魂。

Hồn tử-sĩ gió ù-ù thổi,
Mặt chinh-phu trăng dõi-dõi soi.
Chinh-phu tử-sĩ mấy người,
Nào ai vẽ mặt, nào ai gọi hồn. c: mạc 莫
Dấu binh lửa nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua thú chạnh thương. c: 始 đó 戍
Phận trai già cõi chiến-trường c: 境 lối
Chàng Ban tóc đã điểm sương mới về. 超 超屢逢 Siêu mái tóc
Tưởng chàng trai (chơi) nhiều bề nắng-nỗ, c: 1B nhưng
Ba thước gươm, một cỗ nhung an. c: 部 bộ
Hồng pha gió bãi trăng ngàn,
Mày reo đầu ngựa, sào dan mặt thành. a: 標 c: 槊
Ủng công-danh trăm đường rộn-rã,
Những nhọc-nhằn nào đã nghỉ-ngơi. c: 已宜

IV Nỗi nhớ nhung than cách trở

101. a: 空 b: 曾 — 103/104 a: 誰, b: 兮誰 — 108 a: 鬓, b: 頭 — 112 a 頭, b: 前

1-chất 1. Mũi tên có hai cái cánh ↑ như hai mày

Lao dữ nhàn, thùy dữ ngôn,
Quân tại thiên-nha, thiếp ỷ môn.
Ỷ môn cô thiếp kim-sinh phận,
Thiên-nha khởi quân bình-sinh hồn.
Bình-sinh hồn, tự tín tương tùy ngư-thủy bạn,
Kim sinh phận, na kham tương cách thủy-vân thôn.
Thiếp thân bất tưởng vi chinh-phụ,
Quân thân khởi học vi Vương-Tôn.
Hà sự Giang-nam dữ giang-bắc,
Linh nhân sầu hiểu hựu sầu hôn.
Nhất cá thị: phong-lưu thiếu-niên khách,
Nhất cá thị: thâm-khuê thiếu-niên hôn.
Khả ~~liên~~ [khâm] tương niên thiếu,
Thiên lý cách hàn-huyên!

~~Khó nhọc~~ [Lao-khổ] hay ~~thong dong~~ [nghỉ-ngơi], biết nói cùng ai.
Chàng ~~thì~~ ở góc trời, thiếp ~~thì~~ tựa cửa ~~trông đợi~~ (mong đợi).
Tựa cửa vốn là phận đời này của thiếp;
Còn Chàng có phải mang kiếp ~~[illegible]~~ [xưa nay] ở góc trời đâu.
Kiếp xưa nay ~~là mong cùng~~ [chắc rằng] theo nhau như cá với nước.
Phận đời này sao chịu nổi sự cách trở như nước với mây.
Thân thiếp không ngờ làm người chinh-phụ,
Thân Chàng há đâu lại bắt chước làm gã Vương-Tôn.
Thế mà cớ sao lại chia ra ~~đ~~ người [ở] phía bắc sông, kẻ phía nam sông;
Khiến thiếp buổi sáng sầu lại buổi chiều sầu.
Một ~~kẻ thì~~ [bên] là khách ~~thiếu niên~~ phong[-lưu] tuổi trẻ,
Một ~~người thì~~ [bên] là gái khuê-phòng còn tơ.
Sao chịu nổi! ~~Khá thương thay cho~~ hai kẻ thiếu-niên ~~ta~~
Xa cách nhau nghìn dặm, khi ấm khi lạnh đều riêng ~~[illegible]~~ [rẽ].

千里各寒暄。
可憐(堪)兩少年。
一夕是深閨少年婚。
一夕是風流少年客。
令人愁曉叉(更)愁昏。
何事江南與江北。
君身豈學爲王孫。
妾身不想爲征婦。
今生分、那堪相隔水雲村。
平生塊、自信相隨魚水伴。
天涯豈君平生塊。
倚門固妾今生分。
君在天涯妾倚門。
勞與閑誰與言。

Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chàng vay! c: đâu
Những mong cá nước vui-vầy, c: cùng nhau
Bao ngờ đôi ngả nước mây cách vời. c: nào ngờ mây nước bỗng đâu
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh-phụ,
Chàng há từng học lũ Vương-tôn.
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thì hôm những rầu. c: ~~dãi dầu~~ 熇油
Phát phong-lưu đương chừng niên-thiếu, 發 c: 樸 phác ? (1) 想
Sánh nhau cùng dan-díu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan-sơn để cách, hàn-huyên bao đành!

124 a: 叉, b: 更 _ 126 b 深閨, a: 風流 _ 127 a: 憐, b: 堪.

(1) ~~Có kẻ [illegible]~~ ra 扑, hay 朴 thứ là 樸 (chàng)

b 更 2 a 風流 c b 堪

Ức tích dữ quân tương-biệt thì,
Liễu-điều do vị chuyển hoàng-ly.
Vấn quân hà nhật qui?
Quân ước đỗ-quyên đề.
Đỗ-quyên dĩ trục hoàng-ly lão,
ý? Thanh-liễu lâu tiền ngữ y-nhi.

Ức tích dữ quân tương-biệt trung,
Tuyết mai do vị thức đông-phong.
Vấn quân hà nhật qui?
Quân chỉ đào-hoa hồng.
Đào-hoa dĩ bạn đông-phong khứ,
Lão-mai giang thượng hựu phù-dung.

Dữ ngã ước hà xứ?
Nại ước Lũng-tây sầm.

Nhớ xưa, lúc cùng Chàng lìa nhau,
Cành liễu còn chưa có tiếng hót của chim hoàng-oanh.
Hỏi Chàng ngày nào về,
Chàng hẹn đến ngày chim đỗ-quyên kêu.
Nay, đỗ-quyên đã theo hoàng-oanh cùng già,
Trên cây liễu xanh ở trước lầu, chim én đã líu-lo.

Nhớ xưa, lúc cùng Chàng lìa nhau,
Cây mai trắng còn chưa biết gió đông.
Hỏi Chàng ngày nào về,
Chàng bảo đến ngày hoa đào đỏ.
Nay, hoa đào cùng gió đông đã qua,
Cây mai già bên sông, lại đã đầy hoa phù-dung.
Cung Thiếp hẹn đợi nơi nào?
Chàng liền hẹn ở núi Lũng-tây.

130+131 132+133 140 135 | 136+137 138+139 (145) 140 140 | 142+143

憶昔

與君相别時
栁條猶未囀黄鸝
問君何日歸
君約杜鵑啼
杜鵑已逐黄鸝老
青栁樓前語鷓鴣

憶昔與君相別中
雪梅猶未識東風
問君何日歸
君指桃花紅
桃花已逐(伴)東風去
老梅江上又芙蓉

b: 伴 c: 雪

與我君約何處所
乃約隴西岑

c: 我
b, c: 所

Trách lời hẹn (sai)

136+7 ~~130+131~~ Thuở lâm-hành, oanh chưa ~~nhàm~~ liễu hót — c: bén 綿
138+9 ~~132+133~~ Hỏi ngày về, ước nẻo quyên ca.
140 Nay quyên đã giục oanh già,
Ý-nhi lại gáy trước nhà líu-lo. — c: véo-von
142+3 ~~136+137~~ Thuở đăng-đồ, mai chưa dạn gió,
144+5 ~~138+139~~ Hỏi ngày về, chỉ độ đào bông. 130
140 Nay đào đã quyến gió đông, — c: ~~rước~~
140 Phù-dung lại nở bên sông ba-sòa. — c: Tuyết mai trắng bãi, Phù-dung đỏ bờ.

148+9 ~~142+143~~ Hẹn cùng ta Lũng-tây nham ấy, — c: sầm

130, 131 b. 鸝, a: 鸎 (sai) — 139 a 逐, b nguyên 伴 sau chữa — 141 a: 處, b: 所

1 = quen lắm (nhẵn mặt) — 2 = quên

nhật-trung hề bất lai,
Trụy diệp đầu ngã trâm.
Trữ lập không thế khấp,
~~Hàn giang khởi mộ triều~~. Hoang-thôn huyên ngọ-cầm.

~~Tích niên ký tín khuyến quân hồi~~ Dư ~~quân~~ ngã ước hà sở?
Diệc ~~Tại~~ ước Hán-dương kiều.
Nhật vãn hề bất lai,
Cốc phong xuy ngã bào.
Trữ lập không thế khấp,
Hàn giang khởi mộ-triều.

Tích-niên ký tín khuyến quân hồi,
Kim-niên ký tín khuyến quân lai.
Tín lai nhân vị lai,
Dương-hoa linh-lạc ủy thương-đài.

D ~~Đứng~~ ~~Bóng trưa~~ Trưa ngày rồi mà Chàng chẳng tới.
Lá rụng ~~quanh~~ gắt ~~quanh~~ quanh trâm thiếp.
Thiếp đứng trông, luống trào nước mắt khóc.
Trong xóm bỏ hoang, tiếng chim ~~kêu~~ ban trưa kêu ồn.

Cùng thiếp hẹn chỗ nào?
Chàng cũng ~~lại~~ hẹn ở cầu Hán-dương.
Ngày ~~tối~~ muộn rồi mà Chàng chẳng tới.
Gió đông thổi ~~bay~~ tung áo thiếp.
Thiếp đứng trông, luống trào nước mắt khóc.
Mặt sông quạnh-quẽ, nước triều ~~lên~~ ban tối dâng lên.

Năm xưa, gửi tin khuyên chàng ~~t~~ về.
Năm nay, gửi tin khuyên chàng ~~tới lại tới lại~~ tới.
Tin tới chàng, mà chàng chưa thấy tới;
Hoa dương rơi tan-tác xuống đám rêu xanh.

150 ~~145~~ ~~146 + 148 147~~ 155 ~~148~~ + 149 150 ~~151 + 152 153~~ 160 1 2 3 ~~156 157~~

楊花零落委蒼苔。
信來人未來。
今年寄信勸君來。
昔年寄信勸君回。

b: 流→冷

寒江起暮潮。
竚立空涕泣。
谷風吹我袍。
日晚兮不來。
乃約漢陽橋。
與我約何所。

b: 亦

b→君

荒郁喧午禽。
竚立空涕泣。
墜葉兜我簪。
日中兮不來。

b.c: 村

b→流淚

150 144 Sớm đã trông nào thấy hơi tăm. c: Suốt ngày 常

151,2 ~~145~~+146 ~~Ngẩn~~ Nhìn ngừng, lạ rụng cạnh trâm, c 岸涛

153 ~~147~~ Lặng trưa nghe rực tiếng cầm lao-xao. chưa thấy c: dây trống - rậy 朝廊貼→昕, 吠 荒村喃午

154,5 ~~148 149~~ Hẹn nơi nao? Hán-dương cầu nọ, c: nào Hẹn cùng ta

~~150~~ Trưa Đêm lại tìm nào có tiêu-hao. 欽 c: Đêm a: 昕→朧 Chiều

157,8 ~~151+152~~ nhẫn ~~Ngẩn~~ Nhìn ngừng, gió thổi áo bào, 羹

159 ~~153~~ Bãi hôm tuôn dẫy nước triều mênh-mông. 140 氿

162 ~~155~~ Tin thường lại, người không thấy lại, c: quả đi 暇約

~~157~~ Gốc hoa tàn đã giải rêu xanh c: Hoa đường 洟→峡,
rải

145 a. 涕泣, b nguyên như thế, sau chữa 流淚 – 146 a 郁, b: 村 – 147 a 我, b nguyên 我 sau chữa 君 – 148. a: 乃, b: 亦 – 151 a 涕泣, b nguyên thế, sau chữa 流涕

Thương đài, thương đài, hựu thương-đài!
Nhất bộ nhân-dinh bách cảm thôi.

Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ.
Kim niên hồi thư đính thiếp qui.
Thư qui, nhân vị qui.
Sa-song tịch-mịch chuyển tà huy.
Tà-huy, tà-huy, hựu tà-huy!
Thập ước giai-kỳ cửu độ vi.
Thí tương khứ-nhật tùng đầu số,
Bất giác hà-tiền dĩ tam chú.
Tối khổ thị: liên niên tử-tái nhân;
Tối khổ thị: thiên lý hoàng-hoa thú.
Hoàng-hoa thú, thùy vô đường thượng thân;
Tử tái nhân, thùy vô khuê-trung phụ.

Rêu xanh, rêu xanh lại rêu xanh!
Đi ~~Một~~ một bước trên sân vắng thì trăm [illegible] tình thúc-giục.

Năm xưa, ~~Chàng hồi~~ gửi thư hẹn về thiếp đợi,
Năm nay, ~~chàng hồi~~ gửi thư hẹn về ngày về.
Thư về, chàng chưa về,
Qua Song ~~[illegible]~~ sa quạnh-quẽ, ~~đã~~ chuyển ~~qua~~ vẫn bóng xế.
Bóng xế, bóng xế lại bóng xế!
Mười lần hẹn tin mừng thì chín lần sai.

Thử đem những ngày qua từ khi Chàng ra đi mà đếm,
Không ngờ lá sen [illegible], tròn như đồng tiền, đã ba lần đúc n
Rất khổ là người ~~ở~~ ra ngoài ải-tía mấy năm liền!
Rất khổ là kẻ đi thú ở ~~phương~~ Hoàng-hoa xa nghìn dặm.
Kẻ đi thú ~~phương xa~~ Hoàng-hoa, ai là không có cha mẹ ở nhà.
Người ra ngoài ải tía, ai là không có vợ ~~ph~~ ở ~~phòng khuê~~ trong ~~phòng~~ khuê,

158 165 159 ○ ○ 170 165 166 175

紫塞人誰無閨中婦。
黃花戍誰無堂上親。
最苦是千里黃花戍。
最苦是連年紫塞人。
不覺荷錢已三鑄。
試將去日從頭數。

十約佳期九度違。
斜暉斜暉又斜暉。
紗窻寂寞轉斜暉。
書歸人未歸。
今年回書訂妾歸。
昔年回書訂妾期。
一步閑庭百感催。
蒼苔蒼苔又蒼苔。

Bc bỏ — Bc bỏ — Bc bỏ 是 — ac. 紫塞人 — ac 黃花戍

---

158 Rêu xanh mấy lớp nhiều quanh, c: chung 終
165 Sân đi một bước trăm tình ngẩn-ngơ. c: Giạo sân 蹅 chân
168 Thư thương tới, người chưa thấy tới, c: ~~đến đến~~
Bức rèm thưa lần giại bóng dương. c: ~~chuyển~~ 惝
170 Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Lời sao mười hẹn chín thường đơn-sai.

Lời lẽ lời mẹ dạy con

~~166~~ Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen này đã nảy là ba.
Xót người lần-lữa ải xa,
175 Xót người nương chốn Hoàng-hoa dặm dài. ~~c: trú~~ ngoài
Tình gia-thất nào ai chẳng có,
177 ~~170~~ Kìa lão-thân, khuê-phụ nhớ thương.

169, 170 b: 黃花戍, a: 紫塞人 — 170. b: 紫塞人, a: 黃花戍

黃花班 ở phía bắc h. 山陰 thuộc s. 西, đời ~~北齊文宣帝 đại phá~~ 唐黑帝 đại phá 突厥

Hữu thân an khả tạm tương li,
Hữu phụ an năng cửu tương phụ.
Quân hữu lão-thân mấn như sương.
nhũ ? Quân hữu ~~anh~~ nhi lang niên thả nhụ.
Lão-thân hề ỷ môn,
~~Anh~~ Nhi lang hề đãi ~~phụ~~ bộ.
Cung thân ~~thực~~ xan hề, thiếp vi nam,
Khóa ~~nhi~~ tử thư hề, thiếp vi phụ.
Cung thân khóa tử thiết nhất thân,
Thương thiếp từ quân kim kỷ độ.
tạc-nhật! Từ quân ~~tạc nhật~~ tạc ~~nhật~~ hề dĩ quá,
Từ quân kim-niên hề hựu mộ.
Quân yêm-lưu nhị niên, tam niên, cánh tứ niên.
Thiếp tình-hoài bách lũ, thiên lũ, hoàn vạn lũ.
An-đắc tại quân biên,
Tố thiếp trung-trường khổ.

Có cha mẹ, sao tạm lìa xa được?
Có vợ, sao ~~phụ~~ bỏ lâu ngay được?
Chàng có mẹ già, mang-tóc trắng như sương muối.
Chàng có con thơ, tuổi còn đang nhỏ.
Mẹ già thì tựa cửa trông.
Con thơ thì đợi mớm cơm.
Nuôi {mẹ * ăn} ~~chàng com~~ thì có thiếp làm ~~thằng con~~ trai;
(học) Dạy ~~dỗ~~ con thì có thiếp làm ~~thầy cha~~ bố.
Nuôi mẹ, dạy con, chỉ có một thân này;
Xót thiếp, nhớ Chàng đã bấy lâu nay.
Trước Nhớ Chàng * ~~năm ngoái~~ ngày trước, ~~đã qua. thì~~ ~~năm ngoái~~ ngày trước đã qua,
Nay Nhớ Chàng * ~~năm nay, gần hết.~~ ~~thì~~ năm nay ~~gì~~ đã muộn.
Chàng ở ngậm hai năm, ba năm, lại bốn năm.
Thiếp ~~thương~~ nhớ trăm ~~vàng~~ mối, nghìn mối, còn vạn mối.
Làm sao được ở bên chàng,
Để bày tỏ ~~nỗi khổ trong gan ruột~~ tấm lòng ~~đau~~ khổ

訴妾乘賜苦。(c: 裡)
安得在君邊。
妾情懷百縷，千縷還萬縷。(b: 𠄩)
君淹留二年三年更四年。
思君今年今又暮。
思君昔年今已過。
傷妾思君今幾度。
供親課子此一身。(b: 妾)
課兒書兮妾爲父。(b: 子)
供親養兮妾爲男。(b: 養, a.c: 食)
嬰兒兮待哺。(兒郎)
老親兮倚門。(望閭)
君有嬰兒兮年且孺。(b: 兒郎)
君有老親兮鬢如霜。(b: 鬢, a.c: 鬓)
有婦安能久相負。
有親安可暫相離。(b: 可)

昨日

Mẹ già phơ-phất mái sương, c: tác 索
Con thơ măng sữa và đương bú-trì c: phù 扶
Lòng lão-thân buồn khi tựa cửa,
Miệng hài-nhi chờ bữa nuôi cơm. c: mớm 吃
Ngọt bùi thiếp đỡ hiếu-nam, a: 㐌 c: 拖
Luyện con đèn sách thiếp làm phụ-thân.
Này một thân nuôi già dạy trẻ,
Nỗi quan-hoài mang mể biết bao. a: 梏𢚸 c: 梏𢚸
Nhớ chàng trải mấy sương sao,
mới Xuân từng đổi mới, đông nào còn xa. a: 買, c: 賖 xa
Kể năm đã ba tư cách diễn, (mới đây vài)
Rồi lòng thêm ngẫn vạn ngổn-ngang.
Ước chi gần-gũi tấc gang,
Dở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

172 a: 能, b: 可 — 173 a: 鬢, b: 鬓 — 174/176 a: 嬰兒, b: 兒郎 — 175 a: 門 b: 閭 — 177 a: 食, b: 養 — 178 a: 兒 b: 子
179 a: 兼, b: 此 — 181 a 昔年, b: 昨日 — 185 a: 安得 b: 妾求 — b: 边, a: 近

159(?) Các bản phiên làm ra đã — (164) Hạ Các bản đều chép mới. Theo hệ dạy và nghĩa thì nên đọc hết — Xa a dọc dở sai.

Thiệp hữu Hán-cung ~~t~~soa (soai)
Tằng thị giá-thì tương tống lai
Bằng thùy ký quân-tử,
Biểu thiếp tương-tư hoài.

Thiếp hữu Tần-lâu cảnh,
Tằng dữ lang sơ tương đối ảnh.
Bằng thùy ký quân-tử,
Chiếu thiếp-kim cô-lảnh.

Thiếp hữu câu-chỉ ngân,
Thủ trung thì tương thân,
Bằng thùy ký quân-tử
Vi-vật ngụ ân cần.

Thiếp hữu ~~P~~ tao đầu ngọc

Thiếp có soa của cung vua Hán,
Là của Chàng tặng cho lúc cưới.
Nhờ ai mà gửi đến Chàng?
Để tỏ rõ lòng thiếp nhớ-nhung.

Thiếp có gương của lầu vua Tần,
Cùng Chàng trước từng ~~cùng nhau~~ soi chung.
Nhờ ai mà gửi đến chàng?
Để chiếu ra thân thiếp rày lẻ-loi.

Thiếp có nhẫn bạc đeo tay,
Thường cầm trong tay dường thân-mật.
Nhờ ai ~~g~~ mà gửi đến chàng,
Để vật mọn này ngụ ý ân-cần.

Thiếp có bước ngọc giắt đầu,

~~188~~ + ~~189~~ 195 · 190 = 191 +

妾有漢宮釵。
曾是嫁時將送來。
憑誰寄君子。
表妾相思懷。

192 + 193 = 194 200 + ~~195~~ 201

妾有秦樓鏡。
曾與郎初相對影。
憑誰寄君子。
照妾今孤另。

202 ~~196~~ + ~~197~~ ~~198~~ = 199 203 +

妾有鈎指銀。
手中時相親。
憑誰寄君子。
微物寓慇懃。

b: 初時

c: 約

~~199~~ 200 +

妾有搔頭玉。

Đồ vật kỷ niệm

194, 5 ~~188+189~~ Thoa cung Hán của ngày xuất giá, thuở
198, 9 ~~192+193~~ Gương lầu Tần dấu đã soi chung.
196, 200 ~~190=194~~ Cậy ai mà gửi tới cùng,
197, 201 ~~191+195~~ Ngỏ Để chàng thấu hết tấm lòng tương-tư. Ngỏ Để

202 + 3 ~~196+197~~ Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm-nghía, nghé
206, 7 ~~198+200~~ Ngọc cài đầu thuả bé buồn chơi. vui
204, 208 198 = 202 Cậy ai mà gửi tới nơi, c: đến
205, 209 199 + 203 Để chàng trân-trọng dấu người tương thân

---

188 a 將送, b: 送將 — 195 a 鈎, b nguyên thế, sau chữa 約 — 196 a 時相, b 初時

Anh-nhi niên sở lộng
Bằng thùy ký quân-tử
Tha-hương hạnh trân-trọng.

Tích-niên âm-tín hữu lai thì,
Kim-niên âm hi tín diệc hi.
Kiến nhạn uổng-nhiên tư tái bạch,
Văn sương mạn tự chế miên-y.
Tây-phong dục ký vô hồng tiện,
Thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy.
Tuyết hàn y hề hồ-trường
Vũ lạnh y hề lang-vi
Hàn-lạnh ban-ban khổ
Thiên-ngoại khả liên y.
Cẩm-tự đề thi phong cảnh triển,
Kim tiền vấn bộc tín hoàn nghi.

Khi tuổi trẻ từng chơi với.
Nhờ ai mà gửi tới Chàng.
Để chốn đất khách ~~Chàn~~ được Chàng yêu quí.

Năm ngoái tin-tức có lúc tới.
Năm nay tin ít, tức cũng ít.
Thấy nhạn, luống mong thư ở cửa ải gửi về
Nghe sương, vội-vàng may áo bông để gửi Chàng
Thấy gió thu thổi, muốn gửi thư, nhưng không sẵn chim hồng
Thương Chàng ở ngoài xa, chỗ tuyết và mưa rơi.
Tuyết rét, Chàng phải ở nơi trướng hồ
Mưa lạnh, Chàng phải ở chốn màn lang
Rét lạnh thật là khổ
~~Nhưt~~ Khá thương Chàng ở xa-xôi!
Đề thơ vào ~~bức~~ gấm ~~toan dâng vua~~ gói rồi lại mở,
Gieo tiền để bói, tin nhưng còn ngờ.

201 202 203 ~~204~~ 210 206 ~~209~~ 215 209 210 211 212 220 214 215

金錢問卜信還疑。
錦字題詩封更展。
可憐伊。錦字題詩。
寒冷般般苦天外。
雨冷伊兮狠悻。
雪寒伊兮虎帳。
天外憐伊雪雨垂。
西風欲寄無鴻便。
聞霜漫自製綿衣。
見鴈枉然思塞帛。
今年音稀信亦稀。
昔年音信有來時。

他鄉幸珍重。
憑誰寄君子。
嬰兒年所弄。

NGONG TRONG
ngóng tin tức

210 ~~204~~ Trải mấy xuân tin đi tin ~~lại~~ lại,
Tới xuân này tin hãy vắng không. c: đến 唉
~~206~~ Thấy nhạn luống tưởng thư-phong,
Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn-sàng. sương lương
Gió tây nổi, không đường hồng-tiện, 沒→漫 180
215 Xót cõi ngoài tuyết quyện, mưa sa. 春
216+7 ~~210+211~~ Màn mưa, trướng tuyết xông-pha,
218+9 212 Nghĩ thêm (thương) lạnh-lẽo kẻ ra cõi ngoài. ? thêm a: c 添
220 213 Để chữ gấm, phong thôi thì mở, lại c: lại 181
215 Gieo bói (quẻ) tiền, tin dở còn ngờ. quẻ a: 貝 c: 掛 nước

---

205 a 枉然思塞帛, b nguyên 想書封塞蝶 sau chữ như trên rồi lại chữa 帛 ra 蝶.
206. b: 製, a: 制 — 208 b: 陲, a: 垂

b: 陲

1. Bà vào, làm nhớ

Kỷ độ hoàng-hôn thì, trùng hiên nhân độc lập.
Kỷ độ minh-nguyệt dạ, đơn chẩm mấn tà khi.
Bất quan trầm dữ tỉnh, hôn-hôn nhân tự túy
Bất quan ngu dữ ngọa, vồng-vồng ý như si
Trâm tà, ủy-đọa bồng vô nại,
Quần thoái, nhu-yêu sấu bất chi
Trú trầm-trầm, ngõ-viện hành như trụy.
Tịch tiêu-tiêu, tương-liêm quyển hựu thùy.
Liêm ngoại khuy, nhật xuất mai-đầu vô thước báo.
Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đăng tri.
Đăng tri nhược vô tri.
Thiếp bi chỉ tự bi.
Bi hựu bi hề cánh vô ngôn,
Đăng hoa, nhân ảnh tổng kham liên.

Đã mấy lần, trong lúc hoàng-hôn, thiếp đứng một mình trong hiên kép.
Đã mấy bận, trong đêm trăng sáng, thiếp nằm gối lẻ, mái tóc lệch
Không kể say hay tỉnh, thiếp người li-bì như say.
Không kể ngu hay nhác, đầu thiếp mơ-màng như ngây.
Trâm xiên, tóc mây rối không thể kể xiết.
Quần lỏng lưng mềm gầy không kể xiết.
Ngày đằng-đẵng, thiếp đi trong nhà vắng, bước nặng chân.
Tối buồn buồn, rèm tre cuốn lên rồi dủ xuống.
Dòm ra ngoài rèm, mặt trời đã mọc trên cành, thế mà chim
thước chưa báo tin mừng.
Trong rèm, thiếp ngồi. Đêm đến; tâm sự chỉ có đèn biết mà,
Đèn biết cũng như không biết
Thiếp đau-xót chỉ mình hay đau xót mà thôi
Đau xót lại đau-xót; rồi im không nói
Hoa đèn và bóng người đều đáng thương

215 218 × 219 220 × 221 230 226 235

燈花人影總堪憐。
悲又悲兮更無言。
妾悲只自悲。
燈知若無知。
簾中坐夜來心事只燈知。
簾外窺日出梅頭無鵲報。
夕陰陰湘簾捲又垂。
晝沉沉午院行如墜。
裙褪柔腰瘦不支。
簪斜委髻蓬無奈懶。
不開愚與惰惘惘意如癡。
不開沉與醒惛惛人似醉。
幾回明月夜單枕鬢斜欹。
幾度黃昏時重軒人獨立。

216 Trời hôm đứng ngắn ngẩn-ngơ, — c: tựa cửa
217 Trăng khuya nương gối bơ-phờ tóc mai.
225 Há như ai hồn say, bóng lẫn, — c: 寥 bóng a: 膝
219 Bỗng thờ-thờ thẩn-thẩn hư không. — c: thờ-ơ, lần.. 190
220 Trâm cài, xiêm giắt thẹn-thùng,
221 Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
Giao hiên vắng đám chiều từng bước
Ngồi rèm thưa dủ thác đợi phen. — c: 閣 gác 外 外→帘
230 Ngoài rèm, thước chẳng mách tin, — 195
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
226 Đèn có biết, dường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi-thiết mà thôi.
Buồn tênh nói chẳng nên lời, — c: Buồn muôn
235 Hoa đèn kia với bóng người khá thương! — 200

215 a: 度, b: 了 — 216 a: 回, b: 迴 — a 鬓, b: 客 — 217, 218 a: 開, b: 管 — 217 a: 惛, b: 昏 — 218 a: 4 周
219 a 委, b: 香 — 蓬 b 影 — 221 a 沉, b 沈 — 222 a: 夕陰了, b: 人悄了 — 223 a: 梅, b: 枝
c: 夕悄
220 a. b: 柔 c: 襦

Y-óc kê-thanh thông ngũ dạ,
Phi-phất hoè-âm độ bát chuyên.
[Sầu tự hải, [Khắc như niên.
Cưỡng nhiên hương, hoa-hồn tiêu đàn-chú hạ.
Cưỡng lâm cảnh, ngọc-trợ truy Lăng-hoa tiền.
Cưỡng viện cầm, chỉ-hạ kinh đình loan-phượng trụ.
Cưỡng ~~điều~~ sắt, khúc-trung ~~sầu~~ bi yết uyên-ương huyền.
Thử ý xuân-phong nhược khẳng truyền,
Thiên kim ta lực ký Yên-nhiên.
Yên-nhiên vị nặng ~~dị~~ truyền,
Ức quân điều-điều hề lộ như thiên.
Thiên viễn vị dị thông,
Ức quân du-du hề tứ hà cùng.
~~Sầu~~ (Hoài) nhân xứ, thương tâm hung.

Trống gà eo-óc suốt năm canh.
Bóng hoè phất phơ qua tám hàng gạch.
[Sầu mông-mênh như bể, [Khắc dài-dặc như năm.
Gượng đốt hương, hồn hoa rắp tan dưới ngọn hương đàn.
Gượng soi gương, ~~dòi ngọc~~ nước mắt luống rơi trước tấm ~~...~~ gương Lăng.
Gượng ~~bắn~~ ôm đàn cầm, ~~dưới~~ ngón tay sợ nên đứng ~~...~~ thôi nắn phím loan-phượng.
Gượng ~~...~~ đánh đàn sắt, trong khi gảy, ~~buồn~~ thương nên để ~~...~~ ~~không nắn~~ ~~...~~ bật dây uyên-ương.
Ý ấy mà nếu gió xuân chịu truyền đi cho,
Thì nghìn vàng cũng ~~nhờ~~ sức ~~mà~~ để gửi đến núi Yên-nhiên.
~~...~~ chưa thể truyền đến Núi Yên-nhiên
Nhớ Chàng ở chốn cao vút, đường đi như lên trời.
Trời xa, chưa dễ đi tới,
Nhớ chàng dằng-dặc, lòng nghĩ sao cùng.
~~Ngắm người ngắm cảnh mà sầu, nghĩ xét lòng xét bụng mà thương.~~
~~Ng~~ Nhìn cảnh chốn ấy thiếp đang nhớ Chàng, thì lòng bụng ~~đầy~~ quá đau.

愁人處傷心胸 惊 兮 Fu 中 衷?

憶君悠悠兮思何窮

天遠未易通

憶君迢迢兮路如天

燕然未易傳。 b: 能 c: 肯

千金借力寄燕然。

此意春風若肯傳。

彊撥瑟、曲中愁遏鴛鴦絃。 ac: 歎 b: 調

彊撥琴、指下驚鸞鳳柱。

彊臨鏡、玉筯墜燈花前。 菱

彊燃香、花魂消𣏾炷下。

愁似海刻如年。

拂披槐陰度八磚。

咿喔雞聲通五夜。

惊 xem BB vài ch. 106

SẦU

Sầu nhớ

Gà eo-óc gáy sương năm trống,
Hoè phất-phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc chờ đằng-đẵng như niên, a: 除, c: 晾 — 蕩 ᄀ
Mối sầu dằng-dặc tựa miền bể xa. 緦 c: bằng — 弋 ᄀ
Hương gượng đốt, hồn đà mê-mải, c: lòng
Gương gượng soi, dọt lại châu-chan. c: lệ — 湀 → 淚 lệ?
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn, — 莞 → 𢬣
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền, c: đến
Nhớ chàng thăm-thẳm đường lên bằng trời.
Trời thăm-thẳm xa vời không thấu,
Nỗi nhớ chàng đáu-đáu nào xong. 㣙 ᄀ
Cảnh buồn, người thiết-tha lòng,

Trông cảnh gợi sầu

---

230. a 披, b ng. 檣 sau chữa 𢫈 — a 磚, b ng 疇 sau chữa 塼 — 232 a: 炷, b ng 桂, sau chữa 柱 — 233 a: 燈 b: 菱
234. a: 空驚, b: 驚停 — a. 鸞鳳, b: 鳳星 — 235 a 撥, b: 調 — a: 歎, b: 遏 — 238 a 易 b: 能
1 = đáu đáu
240. a: 未, b: 不可 — 242 a 愁 .... 胸, b: 惊 ◦◦兮◦◦中.

Thụ-diệp thanh sương-lý,
Trùng-thanh tế vũ-trung.
Sương-phủ tàn hề dương-liễu,
Vũ cử tổn hề ngô-đồng.
Điểu phản cao-thung.
Lộ hạ đê-tùng.
Hàn viên hậu-trùng,
Viễn-tự hiểu-chung.
Tất-suất sổ thanh nguyệt
Ba-tiêu nhất viện phong
Phong liệt chỉ-song xuyên trướng-khích,
Nguyệt di hoa-ảnh thượng liêm-lung.
Hoa-tiền nguyệt chiếu, nguyệt tự bạch,
Nguyệt-hạ hoa khai, hoa tự hồng
Nguyệt hoa hoa nguyệt hề ảnh trùng-trùng.
Hoa-tiền nguyệt hạ hề tâm xung-xung.

Lá cây xanh trong sương-muối
Tiếng dế nhỏ lẫn tiếng mưa.
Sương muối làm hại cây dương-liễu như búa bổ,
Mưa làm mòn cây ngô-đồng như cưa xẻ.
Chim trở về cây thung cao
~~Sa~~ Móc rơi xuống bụi thấp.
Dưới tường vắng ~~dế kêu~~ côn-trùng kêu,
Chùa xa đưa tiếng chuông ban sáng.
Vài tiếng dế dưới trăng,
Gió lay tàu lá chuối ngoài viện.
Gió xé giấy che cửa sổ, thổi lọt vào khe trướng.
Trăng ~~đưa~~ bóng hoa ngược trên rèm.
Nguyệt chiếu trước hoa, nguyệt ~~sáng~~ thấy ~~bạch~~ trắng.
Hoa nở dưới nguyệt, hoa thấy đỏ.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt bóng lồng lớp lớp.
Trước hoa, dưới nguyệt lòng dưỡi-dượi

248 + 249   255 248 + 249   250 + 251   260   255   265   259

花前月下兮心忡忡。
月花花月兮影重重。
月下花花開花自紅。
花前月照月自白。
月移花影上簾櫳。
風裂紙窻穿帳隙。
芭蕉一院風。
蟋蟀數聲月。
遠寺曉鐘。
寒垣候虫。
露下低叢。
鳥返高椿。
雨鋸損兮梧桐。
霜斧残兮楊柳。
蛩聲細雨中。
樹葉青霜裡。

b. 柳樹青霜葉   寃: b   B.C như sau có vần sông   c: 時   鎖   c: 紗   c: 下   c: 前

251+2   248+245 Hình cây sương đượm, tiếng trùng (cung) mưa phun. c: 滚 虫 蛩
Sương như búa, đẽo mòn gốc liễu, c: bổ 劓 a: 劇
Tuyết (Mưa) dường cưa, xẻ héo cành ngô. c: mưa a: 雪 // c: cứa 枯 → 梧 → a: khô
255+6   248+249 Chòm tuyết phủ, bụi chim gù, a: 枕 a: 苦 → 苫, 鵲 → 鴇, 拙 → 咭 (xuân?)
257+8   250+251 Sâu tường kêu vẳng, chuông chùa nện khơi. vẳng (?) c: 嘀 [220
Vả tiếng dế, nguyệt lay, trước ngóc (屋), 屋 ốc (?) 涞 rời → 掕
260 Một hàng tiêu, gió thốc ngoài hiên. 遝 涞 鏃 → 鏃
Lá màn lay, ngọn gió xuyên, c: Màn trong cửa sổ
255 Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm. 違 → 遑 (xem lại)
Hoa giãi nguyệt, nguyệt êm một tấm, a: 烚 c: 𢭲 (窦) chìm in 225
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
265 Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
259 Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.

---

243 a 樹...裡, b: 柳樹 o. 葉 — 244. a: 中, b: 寃 (a: 恐, b: 㨂) — 246 a: 損, bản: 鎖 sau chữa 斷 — 247 a: 春, bản: 椿 sau chữa 春, có lẽ 椿 (xuân, đọc lầm ra Thung) — 251. a: 月, b: 雨 — 254 a: 篭, b nguyên thế, sau chữa 櫳 — 255 a: 下, b: 照   224. c: Trăng 涞 bóng hoa bóng sơi (trên)

a. 柳樹青霜葉   b. 斷
b. 蛩声细雨寃

1. con dế   2. nguyên viết rời, chắc là lay (xem câu Trống tàng thành lung lay bóng nguyệt)

Thiên ban lãn, vạn sự dung.
~~Dung~~ Lãn nữ-công, cẩm-trục sỉ phao oanh đối ngậu.
Dung phụ-xảo, kim-châm tu thích điệp thư-hùng.
~~Dung~~ Lãn trang ~~bảo-kiểm~~ đối hiếu không thả phấn.
Dung ngữ chung triêu muộn ỷ song.
Ỷ song, ỷ song phục ỷ song,
Lang-quân khứ hề thùy vị dung.
Thùy vị dung hề tâm bàn-hoàn.
Lang-quân khứ hề cách trùng quan.
Hà thì Thiên-đế tôn, linh-lạc khấp giang-chử.
Hà thì Hằng-nga phụ, thê-lương toạ Quảng-hàn.
Tạ sầu hề vi chẩm.
Chử muộn hề vi xan.
Dục tương tửu chế sầu, sầu trọng tửu vô-lực.
Dục tương hoa giải muộn, muộn áp hoa vô nhan.

Nghìn nỗi nhác, vạn sự lười.
Lười nữ-công, thoi gấm then ~~giao~~ đưa dệt oanh thành đôi.
Lười phụ-xảo, kim sắt thẹn châm thêu bướm đực mái.
Lười trang-điểm, má ~~buồn~~ sầu không xoa phấn.
Lười nói-năng, suốt buổi mai buồn tựa cửa sổ.
Tựa cửa, tựa cửa lại tựa cửa.
Chàng đi vắng rồi, ~~trang điểm~~ làm dáng với ai?
Làm dáng với ai ~~đây~~? Lòng thiếp bàn-hoàn.
Chàng đi vắng rồi, cách mấy ải-quan.
Khác gì Chức-nữ, lẻ-loi khóc bên sông Ngân.
Khác gì Hằng-nga, lạnh-lẽo ngồi ~~trong~~ cung Quảng-hàn.
Tựa ~~tai~~ sầu làm gối.
Nấu buồn làm cơm.
Muốn lấy rượu chế sầu, sầu mạnh, rượu không sức chế đ[illegible]
Muốn lấy hoa ~~làm~~ giải buồn, buồn nặng, hoa không sắc giải [illegible]

20

260 261 262 263 264 265 266 267 268 269 270 271 272 273 274

欲將花解悶悶壓花無顏。
欲將酒制愁愁重酒無力。
煮悶兮爲餐。
藉愁兮爲枕。
何嘗姮娥婦凄凉坐廣寒。
何嘗天帝孫泠落泣江渚。
郎君去兮隔重關。
誰爲容兮心盤桓。
郎君去兮誰爲容。
倚窻倚窻復倚窻。
慵語終朝悶倚窻。
慵粧愁臉空施粉。
慵婦巧金針羞刺蝶雌雄。
慵女工錦軸恥拋鴬對偶。
千般懶萬事慵。

BIẾNG
Sinh lười biếng

260 Dâu xiết kể muôn sầu nghìn não,
261 Từ nữ-công, phụ-xảo đều ngươi.
262 Biếng cầm kim, biếng đưa thoi, — a,c 針
263 Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.
263 Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
264 Sớm lại chiều, dõi-dõi nương song.
265 Nương song luống ngẩn-ngơ lòng,
266 Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai?
267 Biếng trang-điểm lòng người sầu-tủi, — c: phiền não
268 Xót nỗi chàng ngoài cõi Chăng-Vắng. — a,c 江水
269 Khác chi ả Chức, chị Hằng,
270 Bến Ngân sùi-sụt, cung trăng chốc-mòng.
271 Sầu ôm nặng, ai chồng làm gối, — c: ôm 揞 (ướm?)
272 Muộn chứa đầy, ai thổi làm cơm. — c: chứa 渚
273 Rượi cùng hoa rắp ~~tả dầm~~ giải dầm — c: Muộn hoa muộn rượi
274 Sầu làm rượi lạt, muộn làm hoa ôi. — c: 梅 : giôn

Dam là buồn (Gén.)

Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ,
Muộn sầu hoá tác cửu tuyền than.
Thị quỳnh-sanh hề bất thành hưởng.
Bão ngân-tranh hề bất nhẫn đàn.
Tư viễn-tái hề hành-lộ nan.
Niệm chinh-phu hề nang-xác đan.
Quyên thanh đề lạc quan tình lệ,
Tiều cổ xao tàn đái-mại can.
Bất thắng tiều tụy hình-hài nhuyễn,
Thủy giác khuê ly tư-vị toan.
Tư-vị toan hề cánh toan-tân,
Toan-tân đoan-đích vị lương-nhân.
Vị lương-nhân hề ~~sung~~ chảy thiếp-lệ,
Vị lương-nhân hề ~~sơn~~ chích thiếp thân.

Sầu muộn đều bị sầu-muộn lầm lầm
Muộn sầu hoá thành cái thác chín ~~ngọn~~ dòng.
Thử gỗ sanh ngọc quỳnh mà không nên tiếng,
Ôm đàn tranh bạc mà không nỡ gảy.
Nghĩ chốn ải xa ~~muốn đi, nhưng~~ đường đi khó.
Nhớ kẻ chinh-phu ~~muốn theo, nhưng~~ bao bị một mình m
Tiếng chim quyên làm rơi nước mắt chan chứa tình,
Tiếng trống ~~tiều phu~~ canh làm héo buồng gan mỏi-mệt.
Hình-hài mềm rũ, tiều-tụy không kể xiết.
Mới biết rằng mùi li-biệt là chua!

Mùi chua lại chua cay
Chua cay chính vì Chàng
Vì chàng, ~~mà~~ thiếp chảy hai hàng ~~nước mắt~~ lệ.
Vì chàng ~~mà~~ thân thiếp phải lẻ-loi.

274/275 · 276 · 277 (295) · 278 × 279/280 · 280 · 290 (285) · 285 · 295 (286)

愁悶總爲愁悶誤
悶愁化作九泉灘
試瓊笙兮不成響
抱銀箏兮不忍彈
思遠塞兮行路難
念征夫兮囊橐單
鵑聲啼落關情淚
樵鼓敲殘帶憊肝
不勝憔悴形骸軟
始覺睽離滋味酸

滋味酸兮更辛酸
辛酸端的爲良人
爲良人兮雙妾淚
爲良人兮隻妾身

瘦

b: 恐

→ b.h: hết

284 276 Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng, 拈 → 拈 245
285 277 Ôm đàn tranh mấy phím rời tay. b: 淛 a: 湘 → 瀞?
278 Xót người hành dịch mấy nay, c: bấy
279 Dặm xa thêm mỏi, túi đây lại ~~vơi~~ hui. c: mông đai rấp cố lẽ hiu
280 Ca quyên ~~ghẹo~~ kêu làm rơi nước mắt, 囂 吁 kêu
Trống tiều khua như rứt buồng gan. 250 c: 拋 拈 → 拈 250
290 Võ vàng đổi khác dung-nhan,
Khuê-li mới biết tân-toan dường này.
Nếm ~~mùi~~ chua cay, tấm lòng mới tỏ, chua 酸
~~Mùi~~ chua cay này há có vì ai? chua 酸
Vì chàng, lệ thiếp nhỏ đôi,
295 Vì chàng thân thiếp lẻ-loi một bề. 255

274. a 總, b: 恐 — 275 a: 化作, b: 如下 (ng. 花下) — 278 a 難, b nguyên thể, sau chữa 艱
281 a: 殘, b: 桑 — a 憊, b ng 潰 sau chữa 悶 — 284 a: 更酸辛 b ng 亦辛 sau chữa 和辛

Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân.
Duy hữu mộng-hồn vô bất đáo,
Tầm quân dạ-dạ đáo giang tân.
Tầm quân hề Dương-đài lộ,
Hội quân hề Tương-thủy tân.
Kỷ đắc kỷ phiên hoan-hội xứ,
Vô phi nhất chẩm mộng-trung xuân.
Thử thân phản hận bất như mộng,
Lũng-thủy ~~Chàng~~ Hàm-quan dữ tử thân.
Mộng khứ muội tằng kinh cách đoạn,
lụt / Mộng hồi hữu lệ huyễn phi chân.
Duy hữu thốn-tâm chân bất đoạn,
Vị-thường khoảnh-khắc thiểu li quân.
Tâm bất li quân, vị kiến quân.
Bằng cao kỷ độ vọng chinh-luân.

Thân thiếp không đến bên trướng-trận Chàng.
~~Nước~~ Lệ thiếp không đến trên khăn-trận Chàng.
Chỉ có hồn trong mộng là ở đâu mà không đến.
Đêm đêm tới tìm Chàng ở trên bến sông.
Tìm Chàng trên đường Dương-đài.
Gặp Chàng trên bến Tương-giang.
Ghi được mấy phen gặp nhau mừng-rỡ,
~~Đều là~~ Chẳng qua là một giấc xuân trong mộng.
Thân nầy lại giận không được như trong mộng.
Cùng Chàng thân-mật ở sông Lũng, ải Chàng
Mộng tan rồi, ~~lại~~ từng giận đã giật mình làm đứt mất
Mộng tới thì lại ghét rằng chuyện sướng chứ không thật
Chỉ có tấc lòng là thật và không dứt
Chưa từng lìa Chàng một tí nào trong chốc lát.
Tui bốn bề) Lòng không lìa Chàng, mà không thấy Chàng.
Mấy lần đứng chỗ cao để ngóng bánh xe trận của Chàng.

凭高幾度望征輪
心不離君未見君
未嘗頃刻少離君
惟有寸心眞不斷
憂向又惡幻非眞
憂去每憎驚更斷
隴水潼關與子親
此身反恨不如憂
無非一枕夢中春
記得幾番歡會處
會君兮湘水津
尋君兮陽臺路
尋君夜夜到江津
惟有憂魂無不到
妾淚不到君征巾
妾身不到君征帳

b,c = 𨗨 b: 潼　b: 處 慈　處?

Mộng được gần

Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng;
Lệ thiếp nào chút vướng bên ~~nào~~ khăn.
Bui còn hồn mộng được gần, 歞 恼 恼
Đêm đêm thường tới giang-tân tìm người. c: đến
Tìm Chàng ~~thuở~~ Dương-đài lối cũ, (thuở)
Gặp Chàng nơi Tương-phố bến xưa.
Sum-vầy mấy lúc tình-cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân. a: 連 [illegible] c: 連 弋→戈
Giận thiếp-thân lại chẳng bằng mộng, c: không 扱
Được gần chàng bến Lũng, thành Quan. 辰→時→精 時→特
Khi mơ, những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.
Bui có một tấm lòng chẳng dứt, 盃 4盃 盃
Vốn theo chàng giờ khắc nào ~~khuây~~ nguôi.
Lòng theo, song chưa thấy người, c: nhưng
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe. 遶→蓮

---

297. a 潼, b: 𨗨 — 299 a 惡, b ng 處 sau chữa 惡 — 301 a 嘗, b: 常

Vọng quân hà sở kiến,
Giang ~~biên~~ châu mãn bạch-tần.
Yên-thảo phi thanh-lũ,
Tần tang nhiễm lục-vân.
Nam lai tỉnh ấp bán phong-trần.
Lạc-nhật bình-sa ~~nhất~~ lộ nhất quân. /lộ

Vọng quân hà sở kiến,
kỵ? Kỵ-lộ đoản tràng-đình.
Vân-gian Ngô-thụ bích,
Thiên-tế Thục-sơn thanh.
Bắc lai hoà-~~mạch~~ thử bán hoang thành
Vi-vũ giang-lâu địch nhất thanh. /hồng

Vọng quân hà sở kiến,
Không sơn diệp tố đôi.

Ngóng chẳng thấy gì đâu.
Bên sông đầy hoa tần trắng
Cỏ nước Yên ~~ph~~ bày sợi xanh.
Dâu nước Tần ~~biếc~~ nhuốm màu mây biếc
Vùng nam lăng-mạc bị điêu-tàn đến nửa.
Buổi mặt trời lặn, trên bãi cát phẳng, một đàn nhạn ~~ba~~ đa

Ngóng chẳng thấy gì đâu.
Trên đường trạm, đình ngắn với đình dài.
Xen mây, cây nước Ngô biếc,
Lẫn trời, núi đất Thục xanh.
Vùng bắc lúa-má mọc lấp nửa thành hoang.
Trong đám mưa phùn, trên lầu kề sông, một tiếng địch thổi.

Ngóng chẳng thấy gì đâu.
Núi vắng lá rụng thành đống.

305 306 307 308 309 310 — 315 / 311 312 313 314 315 316 — 320 / 317 318 — 325

望君何所見。
江邊滿白蘋。
燕草披青縷。
秦桑染綠雲。
南來井邑半風塵。
落日平沙鴈(鷺)一群。

望君何所見。
騎路短長亭。
雲間吳樹碧。
天際蜀山青。
北來禾黍半荒城。
微雨江樓笛一聲。

望君何所見。
空山葉做堆。

b: 洲 Bc: 漠 c: 边 Bc: 上
b: chuả 兵 b/c: 鷺
a: 驛 b: 官 Bc: 官 b: 楼 b: 暗
B. b: 紅 Sau → 江
b: 崆 Bc: 空

Trông bốn bề

312+3 305+306 Trông bến nam, bãi che mặt nước,
314,5 307+308 Cỏ ~~xanh~~ biếc ~~dờn~~, dâu mướt màu xanh. b: sẫm, biếc a: 焙 b: 岑
308 Nhà thôn gió bụi chông-chênh, c: ~~Điếm~~ Xóm làng gần nửa 店+店 mây xanh 275
310 Một đoàn âu-lộ trước gềnh chơi hôm. c: Chim còn bãi cát nhởn [illegible] chơi có đậu chiều
318,9 311+312 Trông ~~bến~~ đường bắc, dọi chòm quán khách, c: Rủi... đời
320,1 313+314 Mây lừng cây, chân-ngất núi non. c: biếc cây núi. 霄 trời xanh
314 Lúa thành ~~tiêu-tốt~~ thoi-thoát, bên 催忽 塲 còi c: Nửa hoài mạch, nửa hoang thành 催卒, 塲
315 Mưa thôi[2] ngọn địch véo-von bên lầu. c: Mưa phun mặt nước, địch quanh nóc lầu. nghe 280
324,5 317+318 Non đông thấy lá hầu chất đống,

308. a: 風, b: ng. thế; sau chuả 兵 — 309. a: 鴈, b/c: 鷺 — 311. a: 騎, b/c: 官 — 312 a: 碧, b: 暗
317. a: 空, b: 崆

1 Hoặc thoi-thót? — 2 = giục

Bự phi ~~song~~ thanh-đã trữ,
Bự vũ ~~[illegible]~~ cách giang mai.
Đông khí ~~phong~~ yên lam thảm bất khai, Ham ~~Thạc~~
Tây-phong phiêu ~~[illegible]~~ lạc điểu-thanh ai.

Vọng quân hà sở kiến,
Hà-thuỷ khúc như câu.
Trường không sổ điểm nhạn,
Viễn phố nhất qui châu.
Tây khí tùng-thu tiếp đoạn vu.
Hành-nhân vị một cách thương-châu.

hiệu Vọng tận thiên-đầu hiểu địa đầu,
Kỷ nhật đăng lâu hựu hạ-lâu.
~~Đống~~ ~~Thiên~~-vân trở tận tương-tư nhãn,
Hà xứ Ngọc-quan chinh-chiến sừu.

Hai trĩ đồng. vụt bay
Hoa mai rụng như múa đầy sông
Vùng đông khói lửa, thảm-đạm, mù-mịt trông không suốt
Gió tây thổi ~~ngùn ngụt làm chim~~ chim bạt, ~~ta~~ tiếng kêu đau thương
~~Ngoảnh~~ Ngóng chẳng thấy gì đâu
Dòng sông cong như hình lưỡi câu
Trên trời xa, vài ~~chim~~ điếp đến, đây là nhạn bay đàng xa. ~~trông như vài~~
Ngoài bến khơi, một chiếc thuyền đi về.
Vùng tây, ~~cây~~ rừng tùng ~~cây~~ rừng thu tiếp liền với bãi cỏ rậm
Kẻ đi đường trông ~~nhỏ~~ mờ khuất cách bãi dâu xanh.

Trông hết ~~chân~~ đầu trời đến cuối đất
Mấy ngày, lên lầu lại xuống lầu
Mây ngừng lại ngăn hết tầm con mắt tương-tư.
Chiến-địa tại Ngọc-quan là chốn nào?

319 + 320 320 321 323 + 324 325 + 326 326 330 335 328 330

何處玉關征戰陬。
深雲阻盡相思眼。
幾日登樓又下樓。
望盡天頭又地頭。

行人微沒隔蒼洲。
西去松楸接斷蕪。
遠浦一歸舟。
長空數點鴈。
河水曲如鈎。
望君何所見。

西風飄落鳥聲哀。
東去烽烟慘不開。
自舞隔江梅。
自飛雙野雉。

b: 青 — Bc: 双 — c: 滿 — b: 隔 — Bc: 滿 — b: 烟嵐 — a: 西風 chữa ra 孤雲 — b: 泊 — Bc: 江 — b: 滄 — b: 更 c: 凍 — 來 — b: 深

319+320 Trĩ tấp-soè, mai cũng bề-bai. — tấp bay — a: 習花

320 Khói mù nghi-ngút ngàn khơi,

321 Con chim bạt gió lạc-loài kêu thương. — sương

323+324 Lũng tây thấy nước dường uốn khúc — sông

325+326 Nhạn ... không, sóng giục thuyền câu — bay c: 翔 bay a: 膀→號

326 Ngàn thông chen-chóc chòm lau, — c: cỏ — dâu

327 Cách duềnh thấp-thoáng người đâu đi về. — c: thuyền

328 Trông tứ bề chân trời mặt đất, — bốn

330 Lên xuống lầu thấm-thoắt đòi phen. — 連斷→連竄 290

Lớp mây ngừng mắt trông nhìn, — c: 技 ngại — khôn

Biết đâu bờ cõi là miền Ngọc-quan. — c: Đâu đó chút-chiến, đâu miền Ngọc-quan.

318 b: 青, a: 雙 — 319 a: 滿, b: 隔 — 320 a: 烽烟, b: 煙嵐 (ng. ... sau chữa) — 321 a: 西風 b cũng thế, sau chữa 孤雲 — a: 落, b: 泊 — 327 a: 隔, b cũng thế, có chữa 滿 — 329 a: 又, b: 更

Hận vô trường-phòng súc địa thuật.
Hận vô tiên-tử trịch cân-phù.
Hữu tâm thành hoá thạch,
Vô lệ khả đăng lâu.
Hồi thủ trường đê dương-liễu sảo,
Hối giao phu-tế mịch phong hầu.
Bất thức ~~thùy~~ li gia thiên lý ngoại
Quân-tâm hữu tự thiếp-tâm phầu
Quân-tâm thẳng dữ thiếp tâm tự
Thiếp dược ư quân ~~võ~~ hà oán vưu
Thiếp-tâm như hoa thường hướng dương,
Chỉ phạ quân-tâm như lưu-quang.
Lưu-quang nhất khứ bất phục chiếu,
hựu Hoa vị lưu-quang hoàng hữu hoàng.

Giận không có thuật rút đất của Phí Trường-Phòng,
Giận không có bùa hoá khăn nên cầu của Tiên-nữ.
Có lòng nhớ chàng ~~quá~~ là chắc toan hoá đá,
Không còn nước mắt để lên lầu ngóng cho khuây.
Quay đầu lại phía đê dài nhìn sảo dương-liễu
Thiếp ăn-năn đã khuyên chàng tìm cho được phong hầu
Không biết chàng lìa nhà ngoài nghìn dặm,
Tấm lòng có giống lòng thiếp chăng?
Nếu lòng chàng ~~cũng~~ giống như lòng thiếp,
Thì thiếp cũng không oán trách gì được chàng.
Lòng thiếp như hoa (quì) quay về mặt trời luôn
Chỉ sợ lòng chàng như bóng thoảng.
Bóng thoảng qua rồi không chiếu trở lại,
Vì bóng thoảng mà hoa héo vàng lại héo vàng.

花為流光黄又黄
流光一去不復照
只怕君心如流光
妾心如花常向陽

妾亦於君無怨尤
君心倘與妾心似
君心有似妾心不
不識離家千里外
悔教夫壻覔封侯
回首長堤楊柳色
無淚可登樓
有心誠化石
恨無儂子擲巾符
恨無長房縮地術

b:被 b:回 a:無 c: b:何 a: b:相 便 b:梯(濟)

Nghĩ lòng chàng

Gậy rút đất khá khôn học chước, c: dễ 倚 a: 呵 倚
Khăn gieo cầu nào được thấy tiên. a: 体 c: thấy
Lòng nầy hóa đá cũng nên!
E không lệ ngọc mà lên trông lầu. trông
Lúc ngảnh lại ngắm mầu dương liễu,
Khá khuyên chàng đừng chịu tước phong. 持, 封
Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng? 樓 私
Lòng vì cũng có cũng bằng như thế, c: chạy vì
Lòng thiếp đâu gián nghĩ gần xa.
Hướng dương lòng thiếp dường hoa, như
Lòng chàng lẩn-thẩn e tà bóng dương.
Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng cũng tại bóng dương. a: 拱 c: 拱 do tại

325 a: 濟, b: 梯更 — 334 a: 復, b: 回 — 335 a: 為, b: 被

b. 梯

Hoàng hoa cánh hướng thùy biên tiếu.
Lưu-quang bất khẳng nhất hồi chiếu.
Hoàng-hoa ~~cánh~~ khiếp vị lưu-quang lão.
Hoàng-hoa lão hề lạc mãn tường.
Hoa lạc như kim ~~cánh~~ kỷ sương. / kinh
Đình-lan hề dĩ trích,
~~Hồng-tảo~~ hề hựu phương. / Giang-tảo
nhiếp y bộ tiền đường.
Ngưỡng mục quan thiên-chương.
Hà-thủy phiên minh diệt.
~~Khuê~~-triền sạ hiện-tàng. / Sâm
Tiêm-vân thì phảng-phất,
~~Bắc Đẩu~~ hốt đê ngang. / bính
Nguyệt chiếu hề ngã sàng.
Phong xuy hề ngã ~~tường~~ song (~~soang~~ đọc soang)

Hoa vàng lại quay về bên nào mà cười.
Bóng thoảng không bằng lòng chiếu trở lại một lần nữa.
Hoa vàng lại vì bóng thoảng mà già.
Hoa vàng già thì rụng đầy tường
Hoa rụng đến nay đã mấy năm.
Cây lan trước sân thì đã hái.
Rau tảo bờ sông thì lại thơm
Vén áo bước ra trước nhà,
Ngẩng mặt xem ~~các sao~~ thiên-văn :
Sông Ngân sáng rồi lại mờ.
Sao Khuê khi hiện khi tắt.
Mây lờ thờ phảng-phất luôn.
~~Sao~~ Chuôi Bắc-đẩu đang thấp bỗng đã lên cao
Trăng chiếu vào giường thiếp
Gió thổi vào tường thiếp.

風吹兮我牎
月照兮我床
北斗忽低昂
纖雲時彷彿
奎躔乍現藏
河水翻明滅
仰目觀天章
攝衣步前堂
紅蘇兮又芳
廷蘭兮已謫
花落如今更幾霜
黃花老兮落滿牆

黃花却爲流光老
流光不肯一迴照
黃花更向誰邊笑

a. 花黃 — b→被 — b→經, BC: 更 — c: 紅蘇, BC: 蕊 — b: 边蘇 và 一作: 江藻 xem B — b: 躡踔 — b: 參, b: sau, BC: 奎 — b→斗柄, b: trước — b: 香, BC: 墻

357 350 Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
355 Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
trông mây sao
Chồi lan nọ trước sân đã hái, 採 c: mở 安
360 Ngọn tần kia bên bãi đưa hương. 紅蘋
Sửa xiêm giạo bước tiền-đường,
355 Ngửa trông xem vẻ thiên-chương thẩn-thờ.
360 345 Bóng Ngân-hán khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê-triền buổi có buổi không.
365 Thức mây đời lúc lạt nồng,
366 349 Đuôi sao Bắc-đẩu thôi đông lại đoài.(1) chuỗi (Đuôi) c: Trông

336. a: 黃花, b: 花黃 — a 边, b: 家 — 337 a: 回, b 迴 — Sau 338 b có câu 流光不爲黃花照. 338 a 却爲, b: nguyên 又爲 sau chữa 又被 — 334 a: 更, b: 經 — 342 a: 紅蘇, b: 边蘇 và chú thích: 一作 紅藻 — 343 a 攝, b: 躡踔 — b đảo 345+346 và 347+348 — 348 a 忽, b 柄 345 a: 翻, b: 漸 — 346 a 奎, b: 參 — a: 現, b 見 — 350. a: 牆, b: 香

(1) c thêm 4 câu: Mặt trăng tỏ thường soi bên gối. Bụi mắt trong gương gối canh ngà
Lay-lứt thay mấy chiều thu. Gió may hui-hắt trên đầu tường vôi.

Ngọc-nhan tùy thân tước.
Trượng-phu do tha-phương.
Tích vi hình dữ ảnh.
Kim vi sâm dữ thương.
Quân-biên vân ủng thanh-~~khâu~~ ti kỵ.
Thiếp-xứ đài sinh Hưởng-diệp lang
Lang nội xuân-phong ~~nguyệt~~ tương yết /nhật
Khả liên ngộ tận lương-thời tiết.
Lương thời tiết, Diêu-hoàng Ngụy-tử giá đông-phong.
Lương thời tiết, Chức-nữ Ngưu-lang hội minh-nguyệt.
Tạc-nhật vị kê tây-gia nương.
Kim-niên dĩ giá đông-lân ~~phật~~ thiếu
Khả liên thỏ, thủ nhất không phòng,
Niên niên ngộ tận lương-thời tiết
Lương thời tiết hề ~~cạp~~ hốt như thoa.

Mặt ~~ngọc~~ thiếp theo thân mà gầy.
Vì chàng còn ở phương xa.
Xưa chàng với thiếp như hình với bóng.
Nay như sâm với thương.
Phía chàng thì mây kèm đưa chàng cỡi ngựa Thanh-phiê
Phía thiếp thì rêu mọc trên sàn hành-lang Hưởng-điệp.
Trong hàng-lang những ngày gió xuân thổi gần hết rồi.
Khá thương thay để lỡ hết ~~tiết~~ thời-tiết tốt.
Thời-tiết tốt là lúc hoa mẫu-đơn Diêu-hoàng, Ngụy-
lục còn bén duyên với gió đông.
Thời-tiết tốt là lúc Chức-nữ và Ngưu-lang gặp nhau
bên trăng sáng.
Ngày trước cô gái ở nhà bên tây chưa cài tóc,
Năm nay cô đã lấy người ở xóm bên đông.
Khá thương thay thân thiếp luống giữ một phòng không
Năm nẩy qua năm khác để lỡ hết thời-tiết tốt
Thời-tiết tốt kia thoảng chóng như thoi đưa,

良時節兮急如梭。
年年誤盡良時節。
可憐鬼守一空房。
今年已嫁東鄰倩。
昨日未笄西家娘。
良時節織女牛郎會明月。
姚黃魏紫嫁東風。
可憐誤盡良時節。
廊內春風月將歇。
妾處苔生響屧廊。
君邊雲擁青衿騎。
今為參與商。
昔為形與影。
丈夫猶他方。
玉顏隨身削。

TIẾC TUỔI TRẺ
Lỡ lương-thì

369 Một năm một lạt mùi son phấn,
370 Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
365 Bây giờ nỡ để cách vời sâm thương.
Chàng dong ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp giạo hài lầu cũ rêu in. c: lối
375 Gió xuân ngày một vắng tin,
358 Khá thương lỡ hết mấy phen lương-thì.
377 Sầy nhớ khi cành Diêu, đoá Ngụy, c: 悖 sợ c: mận
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
378 Nọ thì ả Chức, chàng Ngâu,
Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông. c: Đến
381 Thiết một kẻ phòng không luống giữ, c: thân
Thì tiết lành lắm lỡ đời nau.
Thoa đưa ngày tháng ruổi mau

351. a: 身削, b: 年別 — 358 a: 誤, b: 悞 — 362+363 a không có, b .... 東家倩 — 363 a: 憐, b: 怜
365 a 兮急, b: 忽

Nhân-thế thanh-xuân ~~khanh~~ dung dị qua,
Huống phục thị: xuân-muộn vị tiêu, thu-hận tục.
Huống phục thị: hợp hoan cảnh thiểu, biệt-sầu đa.
Biệt sầu thu-hận lưỡng tương ma
Bồ-liễu thanh-thanh năng kỷ hà.
Không thán-tích, lãng tư-ta.
Chỉ khủng bạch đáo Văn-quân đầu, không thán-tích.
Chỉ khủng hoa đáo Phan-lang mấn, lãng tư-ta.
Thán-tích hà dĩ vi,
Nhan-sắc do ~~hồng~~ như nộn-hoa. Kiều
Tư-ta hà dĩ vi,
Quang-âm nhất trịch vô hồi qua.
Ư mệnh bạc. Tích niên hoa
Phân-phân thiếu-phụ kỷ thành bà
Hương-các trùng hoài bồi tiếu-kiểm.
Hoa-lâu thường ký giải hương-la

Trong đời người tuổi ~~thanh~~-xuân qua dễ-dàng ~~lắm~~.
Huống lại: buồn xuân chưa tan, hận thu nối.
Huống lại: vui họp đã ít, sầu chia nhiều.
Sầu chia và hận thu cả hai đều dày-vò thiếp.
Cây bồ, cây liễu xanh-xanh ~~biết~~ ~~hạn~~ chưa được bao lâu?
Than-tiếc suông! Than-van hão!
Chỉ sợ đầu nàng Văn-quân bạc, ~~rồi~~ mà than tiếc suông.
Chỉ sợ tóc chàng Phan lốm-đốm hoa râm, ~~rồi~~ mà than-van h
Than-tiếc để làm chi?
Nhan-sắc còn tươi như hoa non.
Than-van để làm chi?
Bóng câu đã ~~nhẩy~~ ~~qua~~ gieo vượt khỏi; ~~ko~~ ~~mà~~ không có cái "qua"
~~để~~ mà ném để nó xoay trở lại.
Than mệnh bạc, tiếc tuổi xanh
~~Nàng ta~~ Thiếu-phụ đầu như tơ đã gần thành trắng.
Trong gác hương ~~vẫn~~ nhớ khi ~~ngủ~~ gần kề nét ~~mặt~~ tươi cười đẹp.
Trong lầu hoa ~~còn~~ luôn ghi lúc thiếp cởi dải là thơm.

~~367~~ 385 ~~370~~ 。 390 ~~376~~ 375 385+386 387+388 395 390 ~~380~~

人世青春容易過。
況復是春悶未消秋恨續。
況復是合歡更少別愁多。
別愁秋恨兩相磨。
蒲柳青青能幾何。
空嘆惜浪咨嗟。
只恐白到文君頭空嘆惜。
只恐花到潘郎鬢浪咨嗟。
嘆惜何以爲顏色猶
以爲顏色猶紅如嫩花。
咨嗟何以爲
以爲光陰一擲無回戈。
咨命薄惜年花。
繽紛少婦幾成婆。
香閣重開陪笑臉。
花樓尚記解香羅。

a: 容 — 紛:思 — c: 却 — B: Bỏ — b: 鮮 似 — BC: 紅 — b: 影 — a: 過 — b→戈 — b: 紛 c: 繽 — b→ 皤 — m. 春 — a: 婆 — a: 開 — b,c: 恢

377 Người đời thấm-thoắt qua mầu xuân-xanh.
385 Xuân thu để giận quanh ở dạ, (trong; b. ~~xanh~~) 恨。恨,紫
Hợp-hoan (ly) đành buồn quá khi vui. a, c ~~b. li~~ (bớt)
Oán sầu nhiều rồi tới bời, c: mối 繽
388 381 Với bồ-liễu dễ ép-nài chiều xuân. c: liễu bồ hầu.
390 Kìa Văn-quân mỹ-miều thuở trước,
" 382 E đến khi đầu bạc mà thương.
391 Mặt hoa nọ ả Phan-lang,
" ~~383~~ Đến khi mái tóc pha sương cũng ngừng. c: Sợ c. 吁
392,3 385+386 Ngừng nhan-sắc đương chừng hoa nở, c: Nghĩ
394,5 387+388 Tiếc quang-âm lần-lữa gieo qua.
Ngừng mệnh bạc, tiếc niên hoa, c: nghĩ
390 Gái tơ mấy chốc xẩy ra nạ-dòng.
~~380~~ Gác hương nọ mơ-mòng vẻ mặt,
Lầu hoa kia phảng-phất hơi hương 霜 sương。香

366 a 容易, b 容已 — b không có hai câu 372, 373 — 375 a 猶紅如, b: 鮮。似 — 377 a 陰, b ng 影; đàn chữa 景. — a. 過, b 戈 — 388 a 咨, b 嗟 — 379 a 婆, b cũng thế, sau chữa 皤 — 380 a 開, b 恢 — 381 a: 罢 b: 緱

Hận thiên bất dữ nhân phương-tiện,
Để sự đáo kim thành khảm-kha.
Khảm-kha, khảm-kha, trị nại ~~[illegible]~~ hà?
Vị thiếp ta hề! vị quân ta.

Quân bất kiến dã ngoại song uyên-ương,
Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương.
Hựu bất kiến lương ~~[illegible]~~ gian song yến-yến,
Bạch đầu hà tằng vong ~~[illegible] quyến~~ quyến-luyến
Kiếm kiếm dã vô tình,
Tỉ dực tương tùy quá nhất sinh.
Cưng cưng dã vô tri
Tịnh khu đáo lão bất tương vi.

Giận trời không cho người ~~[illegible]~~ phương-tiện,
Việc gì mà đến nay thành trắc-trở.
Trắc-trở, trắc-trở, biết làm sao
~~Vì thiếp mà than, vì chàng mà than~~
Than cho thiếp, lại than cho chàng.

Chàng chẳng thấy đôi uyên-ương ngoài nội
Vui một lòng không nỡ chia lìa nhau
Lại chẳng thấy đôi én-én trên rường nhà
Bạc đầu còn ở cùng nhau, ~~[illegible]~~ không tưởng ~~[illegible]~~ nhãng vấp vít.
Chim kiếm là giống ~~vô~~ không tình
Còn chắp cánh mà bay theo nhau suốt cả đời
Giống cưng kia là vật vô-tri
Cùng nhau chạy đến già, không trái ý nhau.

400 · 393 + 383 · 395 + 396 · 405 · 397 398 · 399 - 400 · 401 + 402 × · 410 · 403 + 404

竝驅到老不相離。
蛩也無知。

比翼相隨過一生。
鶼也無情。

白首何曾忘繾綣。
又不見樑頭雙燕燕。

甘心不忍兩分張。
君不見野外雙鴛鴦。

爲妾嗟兮爲君嗟。
坎坷奈何。

底事到今成坎坷。
恨天不與人方便。

b: 知奈何 · b: 间 · b: 眷恋 · c: 鶼 b: 鶼 · c: 蛬 ch: 蛩 b: 蛬 · 違

---

400 + 1 · 393+394   Trách trời sao để lỡ-làng,   c: nhỡ-nhàng

402 + 3 · 395+396 Thiếp sầu thiếp lại sầu chàng chẳng quên.

Không bằng vật · 397   Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội.

405 · 398   Cũng dập-dìu chẳng vội phân-trương.   350

399   Chẳng xem chim yến trên rường,   c: lại chẳng thấy

400 Bạc đầu không nỡ đôi đường ~~cha~~ ghẽ nhau.   c: gia 花

401+402 · 410,1   Kìa loài sâu đôi đầu cũng sánh,   c: 堆 · 堆, 雖, 扶共

× · 401+402 · 409,9   Nọ loài ~~quyên~~ (kiêm) chắp cánh cùng bay.   a. c: ~~quyên~~ chim

---

384 b thêm 坎坷 ở đầu — a 可, b 知 — 385 a 兮, b 着 — 389 a 繾綣, b 眷恋

390. a 鶼, b vg. 鰜 x sau chữa 鶼 — 392 a 蛩, b 蛬 — 393. a: 離, b 違

Lộ Lô-liễu tằng truyền liên lý xứ.
Trì liên diệc hữu tịnh ~~liên~~ đầu thì.
Phụ ~~phi~~ quyết hề ~~kha lê~~ cự-hư,
Bảo ? Bảo la hề thổ-ti.
Hà nhân sinh chi tương viễn?
Tư vật-loại chi như ~~tư (tư)~~ tư ~~[illegible]~~! (đọc tỉ)!
Yên đắc: tại thiên vi tỉ-dực điểu,
chữ Tại địa vi liên-lý chi.
Ninh cam tử tương ~~bằng~~ kiến,
Bất nhẫn sinh tương li
Tuy nhiên tử tương kiến,
Hạt nhược sinh tương tùy.
Yên đắc: quân vô lão-nhật,
Thiếp thường thiếu-niên.
Nguyện vi ảnh hề tùy quân-biên.

Liễu bên đường, từng ~~kể~~ chuyện mọc liền thớ
Sen trong ao cũng có lúc nở liền đài.
Con cự-hư mang con quyết,
Cây thỏ-ti ôm cây la.
Sao mà người ~~sinh~~ sống lại ~~xa~~ xa nhau?
Than ôi! loài vật còn như thế ấy!
Sao sao được: ~~nhu~~: hoặc sinh trên trời thì làm chim ~~liền~~ chắp-cánh. ~~(Kiến~~
Hoặc ở trên đất thì làm cành liền thớ.
Thà chịu chết mà gần nhau,
Không nỡ sống mà xa nhau.
~~Những sang~~ Nhưng mà chết, thấy nhau;
~~Chi~~ Há bằng sống theo nhau.
Làm sao được: Chàng không có lúc già
Thiếp trẻ-trung mãi-mãi.
~~Hoặc làm~~ thiếp ước làm bóng Chàng để theo bên cạnh Chàng

405 415 410 420 415 425
394 395 ○ ○ 398 ↔ 399 406 × 401 402 + 403 404 + 405 406 407 408

願為影兮隨君邊。
妾常少年。
安得君無老日。
c: 年時 c: 无到君

曷若生相隨。
雖然死相見。
不忍生相離。
寧甘死相朋。
在地為連理枝。
安得在天為比翼鳥。
嗟物類之如斯。
何人生之相遠。
抱羅兮菟絲蘿
負蠻兮驅驢駈駬
池蓮亦有並頭時。
路柳曾傳連理處。

---

412 405 399 Liễu, sen là thức cỏ ~~dây~~ gai, — Tân 梓 giây 樸→芸
413 406 400 Đôi hoa cùng dính, đôi cây cùng liền. — nở
417 410 ↕ 399 Ấy loài vật, tình duyên còn thế,
416 409 398 Sao kiếp người nỡ để đấy đây?
418 411 × 400 Thiếp xin: về kiếp sau này, — c: muôn · duyên
412 401 Như chim liền cánh, như cây liền cành.
420+1 413+414 Đành muôn kiếp, chữ tình thả vậy, — c: đã
422, 3 415+416 Theo kiếp này, hơn thấy kiếp sau.
417 Thiếp xin: chàng chớ bạc đầu, — chửa
425 418 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
419 Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,

---

396. a 蠻, b 蠻 — 397 a 羅, b 蒐

Quân hữu hành hề ảnh bất viễn.
Quân y quang hề thiếp sở nguyện.
Nguyện quân hứa quốc tâm như đan.
Nguyện quân tí dân lực như thiết.
Cơ lai thôn hạ Nhục-chi đầu.
Khát lai ẩm hạ Thiền-vu huyết
Hạ hạnh Kỳ-môn phong-nhận trung.
Lão-thiên trước ý hộ anh-hùng.
Hộ anh-hùng bách chiến công;
Trường khu tứ-mã tĩnh Quan-đông.
tiễn Quan-đông, Quan-bắc hữu truyền tiễn;
Sơn vĩ, sơn đầu tảo quải cung.
Điệp sắc tinh-kỳ tứ tái-nguyệt;
Khải ca tướng sĩ bội biên-phong.
Lặc thù hề, Yên-nhiên thạch!
Hiến quắc hề, Vị-ương cung!

Chàng mà đi thì bóng ở không xa.
Thiếp chỉ mong chàng ra chỗ có ánh sáng (để có bóng).
Mong chàng đem tấm lòng thắm như son ra giúp nước
Mong chàng ra sức cứng như sắt để che dân.
Khi đói thì nuốt đầu mọi Nhục-chi
Khi khát thì uống huyết thằng Thiền-vu.
May sao trong trường gươm giáo ở cửa Kỳ-môn
Mà có ông Trời để ý giúp cho kẻ anh-hùng.
Giúp kẻ anh-hùng lập công trong trăm trận.
Ruổi xe bốn ngựa thẳng tới Quan-Đông mà dẹp yên gi
Ở các chốn Quang-đông và Quan-bắc không phải truy
tên canh gác nữa.
Ở đầu núi và đuôi núi, sớm được treo cung.
Tinh-kỳ rực-rỡ sắc chiến-thắng, treo bóng trăng của
Tướng-sĩ ca-hát bài khải-hoàn, quay giả gió ngoài b
Khắc công lao vào đá Yên-nhiên.
Hiến đầu giặc ở cung Vị-ương.

獻馘兮未央宮。
勒功兮燕然石。
凱歌將士背邊月。
捷色旗旗辭塞風。
山尾山頭早掛弓。
關東關北休傳箭。
長驅駟馬靜關東。
護英雄百戰功。
老天著意護英雄。
何幸期門鋒刃中。

渴來飲下單于血。
饑來呑下月氏頭。
願君庇民力如鐵。
願君許國心如丹。
君依光兮妾如願。
君有行兮影不遠。

420 Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
424 Chàng nương vừng nguyệt phỉ nguyền, nhật 日
Mọi bề trung hiếu, thiếp xin vẹn tròn.
411 Lòng hứa quốc thắm son ngất-ngất, 屹
412 Sức tí dân gang sắt trơ trơ. c: 鏢鉄 a: 鏢勁 370
424 Mài thiên-vu, quắc Nhục-chi
Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn. c: buổi
415 Mũi đông bác đời lần hăm-hở,
416 Đã lòng trời gìn-giữ người trung. a: 龟 c: 拖
417 Giúp chàng trăm trận nên công, c: hồ a: 㭉 375
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài.
Bóng cờ xí giã ngoài quan-ải,
Tiếng khải-ca trở lại Thần-kinh.
Đỉnh non thờ đá để danh, Non Yên tạc đá đề
Triều-thiên vào trước cung đình dâng công. 380

409 a 行, b cũng thế, sau chữa 形 — 411 a 心, b: 兮心 — a 日, b: 丹 — 412 a 力, b: 身 sau chữa 肝
415 a 期, b 軒 — a 鋒刃, b: 交接 — 418 a 馬, b sót, sau thêm 鉄 — 423 a 功, b: 詩

1: Đầu người bị chém

Vị-ương cung hề hướng Thiên-triều.
Vãn Ngân-hà hề tẩy cung đao.
Tử-nhân san hạ bình "Hoài" tụng,
Nhạc-phủ ca truyền nhập Hán dao.
Lăng-yên "các hề Tần Thúc-Bảo,
Kỳ-lân đài hề Hoắc Phiêu-Diêu.
Thiên trường, địa cửu mao thư khoán.
Tử ấm, thê phong ~~phú~~ | lộc tiêu. | tước
Hiện ~~tại~~ hề thử nhật,
Đắc ý hề lai-thì.
Thiếp phi Tô-gia ~~ng~~ si-tâm phụ,
Quân diệc Lạc-dương hảo nam-nhi.
Qui lai thảng bội hoàng-kim ấn,
Khẳng học đường nuyên bất hạ ~~cơ~~ ~~ki~~ cơ. (đọc ki)
Nguyện vi quân hề giải chinh-y,
Nguyện vi quân hề bổng hà-~~bi~~ chi.

~~Trong~~ Vào cung Vị-ương quay mặt vào chầu Vua.
Kéo sông Ngân-hà xuống mà rửa ~~gươm g~~ cung-đao.
~~Người soạn bài~~ Quan hàn-lâm soạn bài chúc tụng Bình-hoài.
Nhạc-phủ hát ~~bài khen để~~ truyền bài ca-dao Nhập Hán
Tượng Chàng được treo ở như tượng Tần Thúc-bảo treo ở các Lăng-yên
như Tượng Hoắc Tiêu-diêu treo ở đài Kỳ-lân
Chàng được ban khoán phong hầu mãi mãi lâu dài với trời đất
Con được ấm ban, vợ được phong; phúc lộc nêu cao.
Hôm nay dẫu có sầu
Ngày sau sẽ đắc-ý.
Thiếp chẳng phải như người vợ ngu nhà họ Tô
Chàng cũng ~~chẳng như~~ là con trai giỏi ở đất Lạc-dương
Khi về, nếu chàng đeo ấn vàng
Hạ thiếp lại bắt chước Tô-phụ ngày nọ không chịu bỏ khung cửi bước xuống chào chàng.

436 426 427 428 429 430 431 432 — 433 434 435

願為君兮捧霞卮 (b: 奉)
願為君兮解征衣
肯學當年不下機
歸來倘佩黃金印
君亦洛陽好男兒
妾非蘇家癡心婦 (女)
得意兮來時
有愁兮此日 (b: khg; b: 忘 a: 忘; b: 怒)

子蔭妾封福祿標 (b: 爵)
天長地久茅苴劵
麒麟臺兮霍嫖姚 (b: 閣)
凌烟閣兮秦叔寶 (b: 臺)
樂府歌傳入漢謠 (b: 兮傳)
詞人刪下平準頌 (b: 兮賀)
挽銀河兮洗弓刀
未央宮兮向天朝 (b: 獻)

---

426 Nước duềnh Hán việt đong rửa sạch,
445,6 427+428 Khúc nhạc từ réo-rắt dồng khen. c: 嘈[?] (lừng) a: 昭嘖, 嘖咀嗜
429 Tài so Tần, Hoắc ven-tuyền,
430 Tên ghi gác Khói, tượng truyền đài Lân. c: phượng
449 431 Nền huân-tướng đai-cân giai vẻ, c: 揚鎬, vời vẻ 勲將, [?]
431 Chữ đồng hưu bia thể nghìn đông.
450 432 Ơn trên tứ ấm, thể phong,
433+434 Phẩn vinh thiếp cũng được chung hương trời. c: Hiển (hiển)
Không hợp hoan
453 435 Thiếp chẳng đãi như người Tô-phụ,
Chàng hẳn không như lũ Lạc-dương. c: cái (chaé) / "là nam-tử"
455 Khi về đeo trái (quả) ấn vàng,
438 Trên khung cửi giảm dẫy-dang làm cao. c: 敢 — 相, 切, 顏
457 439 Xin vì chàng cấp bào, cởi giáp, treo c: 扱[?] 恰搭 — 拾: sáp — 玫, 綂, 吧[?]
459 439 Xin vì chàng dủ lớp phong sương.
458 440 Vì chàng tay chuốc chén vàng,

---

427 a 刪下卒惟頌 — b 兮賀平準。— 428 a 傳, b: 兮傳 — 429 a 閣, b 臺 — 430 a
430 a 臺, b 閣 — 432 a 福, b 爵 — b không có 433, 434 — 435 a: 痨, b: 痴 — 440 a 捧露
b 奉霞

Vị quân sơ-trát vân-hoàn ~~khí~~ kệ
Vị quân trang-điểm ngọc ~~[illegible]~~ ~~phu~~ chi. / yên-
Thủ quân khán hề cựu lệ bạch,
Tố quân thính hề cựu tình-từ.
Cựu tình-từ hề hoán tân-liên,
Ngữ 1 ~~Quảng~~ tân, thoại cựu hề liểm-bôi tiền.
Thiển chước hề man-man.
Đê-xướng hề liên liên.
~~Chước~~ châm ~~phục~~ bất châm hề Bồ-thành ~~tửu~~ nhưỡng.
Xướng ~~phục~~ bất xướng hề Tử-lưu thiên.
Nguyện châm cửu-ổn, xướng song liên.
Dữ quân chỉnh-đốn cựu nhân-duyên.
Giao cảnh thành song đáo lão-thiên.
Thưởng liễm công danh li-biệt ~~nhật~~ trái.
Đương liên, tương thủ thái-bình niên.

Nguyện cởi áo trần cho Chàng,
Nguyện nâng chén ~~[illegible]~~ mời Chàng
Vì Chàng, thiếp chải mái tóc mây,
Vì Chàng, thiếp xức sáp màu ngọc.
Lấy (để Chàng xem) khăn hoen lệ cũ,
Mách (để Chàng nghe) lời tình cũ.
Đổi lời tình cũ ra câu mới,
Giảng chuyện cũ, kể chuyện mới trước chén rượu.
Từ-từ rót chén vơi,
Liền-liền ~~đọc~~ ngâm giọng thấp
Rót ~~thì~~ ~~không~~ rót rượu Bồ-thành,
Ngâm ~~thì~~ khởi ngâm thiên Tử-lưu.
Ước sao rót rượu cất chín lần, ngâm thơ mỗi người mở
Cùng chàng chỉnh-đốn cái nhân-duyên cũ,
Sóng vai nhau thành đôi cho đến ngày già.
Cho bõ những ngày vì công-danh mà chàng xa-cách:
Cùng thương nhau, cùng giữ nhau trong những năm thái-bìn

460 455 465 470

相憐相守太平年
償了功名離別日
交頸雙到老天
與君整頓舊姻緣
願酌九醞唱雙聯
唱復唱兮紫騮篇
酌復酌兮渭城釀
低唱兮連連
淺酌兮慢慢
講新話兮舊酒盃前
舊情詞兮換新聯
許君聽兮舊情詞
收君看兮舊淚帛
爲君粧點玉臙脂
爲君梳櫛雲鬟鬢

b: 鬌 c: 膚 b: 帕 a: 臙 b: 取 b: 語 b: 酙 b: 漫 b: 債 B.c: 日

460 442 Vì chàng điểm phấn tô (đeo) hương não-nùng,
Đổ khăn lệ, chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu, chàng thấm từng câu.
445 Câu vui đổi với lời sầu,
Rượu vui cùng kể trước sau mọi lời. a: 盃 c: 呵 khà
465 447+449 Sẽ rót vôi lần-lần đôi chén,
466 448+450 Sẽ ca dần rén-rén đôi liên.
469 451 Liên ngâm, đôi ẩm từng phen,
470, 452+453 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
454 Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ
473 455 Giữ-gìn nhau vui thuở thái-bình b: chữ thanh-ninh

441 a 鬟, b 鬌 — 443 a 收, b: 取 — a 帛, b ng. 巾 sau chữa 帕 — 447/451 a 酌, b 酙 — a 慢, b 漫
449 a 酌, b: 斟 — a: 渭, b cũng thế sau chữa 蒲 — 451 (xem 447) — a 唱, b: 兮唱 —
452 a: 首, b: 兮首 (mồi kém 3 — 453 a 頸, b ng. 箸 sau chữa thế — 454 a: 日, b: 債 —

Thái-bình niên, nguyện chỉ qua trí.

475 ~~Ng~~ Nhược nhiên, thử biệt thiếp hà lệ
Đương hội chi kỳ, tương ký ngôn:
« Ta hồ đại trượng-phu đương như thị! »

Những năm thái-bình thì xin ~~thôi~~ gạt nét cái "qua" để mặt-trời lui.

475 Nếu được như vậy, thì trong li-biệt này thiếp khóc làm
~~Thiếp sẽ gửi lời hẹn ngày gặp-gỡ và nhắn chàng:~~
« Than ôi! Kẻ trượng-phu phải làm như thế! »
Thiếp sẽ nhắn chàng lời thiếp sẽ nói ~~khi~~ lúc sẽ ~~gặp~~ hội-họp.

467 475 458 477

嗟乎丈夫當如是。 (b: 大)

相會之期將寄言。 (b: 將; b: 之; b: 將; a: 相; a: 相)

若然此後妾何淚。 (b: 別)

太平年願止戈致。 (c: 置)

476 469 ngâm-nga mong gửi lời tình : e: 𡨸 chữ a: 佇, 𡨸;

477 470 «Đường nầy âu hẳn tài lành trượng-phu» 408

456. a: 願歲置, b: 願君止戈致 (chữ 君 và 致 thêm sau) – 457. a: 後, b: 別.

458 a: 相會相期相寄言, b: 將會之期將寄言

Vần văn chữ Hán

Vần	Từ câu
Ân	1
Át Iết, Uyết, Oán, Đát	10
Ao Iêu	18
Ô Âu U, Ưu	26
Uyệt, Iện, ~~[illegible]~~	35
Inh, Anh	43
Ang Ương	47
Úc Ốc, Ưng	70
Ô. Âu U	86
Ạo Iểu	94
Oan An	108
Ôn, Uyên	116
I, Ề	130
Ung Ong Ông	136
Âm ~~[illegible]~~	142
Iêu Ao	148
Ổi Ai	154
I Uy	160
Ổ Ủ	166
Ai	188
Ảnh	192
Ân	196
Ộng	200
I	204
Ôn Iên	228
Ông	241
An	267
Ân	285
Inh Anh	311
Ôi Ai	317
Âu U	323
Ương Oang	343
Iểu Aó	347
Ương Ang	350
Iêt	368
Oà A	376
Ương	397
Iến	399
Inh	401
I, Uy	403
Iên ~~[illegible]~~	417
Uyện Iết Uyết	420
Ung Ông Ong	426
Iêu, Ao	436
I, ~~[illegible]~~. Uy	444
Iên	456
Í Ệ	467-470

A 376-96
Ai 154-59, 188-91, 317-22
An 108-115, 267-84
Ang 47-69, 350-67
Anh 43-46, 311-16
Ao 18-25, 148-153, 436-43
Ạo 94-107, 347-9
Át 10-17
Ân 1-9, 196-9, 285-310,
Âu 26-34, 86-93, 323-42
Ệ 467-70
I 130-135, 160-5, 204-27, 403-16, 444-55
Í 467-70
Iên 128-40, 417-19, 456-66
Iện 35-42, 399-400
Iết 10-17, 368-75, 420-25
Iêu 18-25, 148-153, 436-43
Iểu 94-107, 347-49
Inh 43-46, 311-16, 401-2
Ô 26-34, 86-93
Ổ 166-87
Ốc 70-85
Ôn 116-129, 128-40,
Ông 136-141, 241-66, 426-35
Ộng 200-3
Ổi 154-159, 317-22
Oa 376-96
Oan 108-115
Oát 10-17
Oang 343-46

Oát 10-17
Ong 136-141, 426-35
U 26-34, 86-93, 323-42
Ủ 166-87
Úc 70-85
Uyên 116-129
Uyện 420-25
Uyết 10-17, 35-42, 420-25
Ung 70-85, 136-141, 426-35,
Ư 444-455
Ương 47-69, 343-46, 350-, 397-98
Ưu 26-34
Ề 130-135
Âm 142-147
Uy 160-5
Ảnh 192-5
Uy 403-16, 444-55

CHINH-PHỤ-NGÂM

Các bản diễn-ca B, C, D, E, F, G

Chinh phụ ngâm (B)

Trời đất thuở gió bay, bụi nổi,
Khách hồng-nhan nhiều nỗi truân-chuyên.
Kìa thăm-thẳm nhé Thương-thiên!
Bấy ai gây-dựng nhân-duyên lỡ-làng? 呂萊
Vang tiếng trống chốn Tràng-an nguyệt,
Ngoài Cam-tuyền lửa khét rừng mây. 燦
Chín lần gươm-việt trao/chống tay, 摔, 揀
Nửa đêm cửa tướng hịch bay ầm ầm.

Ba trăm năm dưới trời bình-trị,
Việc nhung-y nảy kẻ vũ-thần.
Sứ-tinh sớm giục lên đàng,
Người đi sợ phép, xem thường biệt-li.
Lững trẩy đi, cung tên mang-mẻ, 撲
Đó phân tay, xem nhẹ tình duyên.

Chinh phụ ngâm (C)

Nẻo g trời đất nổi cơn gió bụi,
Kẻ hồng-nhan nhiều nỗi gian-truân.
Kìa xanh thăm-thẳm mấy lần!
Duyên này ai khéo xây-vần cho nên?
Trống Trường-an tiếng xuyên cung Nguyệt, 牽 ch. 穿
Lửa Cam-tuyền bóng đốt [rừng mây. 燃
Trao/chống gươm, chín đợt ra tay, 摔
Nửa đêm truyền hịch quải dụng binh.

Ba trăm năm thái-bình hữu tượng, 有象,
Đó nhung trao vũ-tướng từ đây.
Cửa trời, cờ sứ sớm bay,
Những chăm quốc-sự, dễ khuây khuê-tình.
Nghiêm cung tên, sắm-sanh gươm giáo; 衆
Nỗi vợ con, tay áo phân-sơ. 分疎

B

Ngọn cờ ra ải đeo phiền,
Trống còi ỏng-ỏng, dẹp bên, giã nhà.
Giận thiết-tha một trời đôi ngả,
Nỗi hợp tan buồn-bã xiết lo.

Chàng hai mươi tuổi, cửa Ngô,
Gác nghề nghiên-bút, dở đồ cung-đao.
Đem thành dài ngưỡng trao Minh-thánh,
Xin tấc gươm dẹp tĩnh thiên-kiêu.
Trượng-phu mã-cách quản bao,
Ra tay, non Thái dường gieo lông hồng.
Giã khuê-phòng, xe nhung giỏng-giả[2],
Vọt gió kêu ra ngã Vị-kiều.

Đầu cầu dưỡng nước trong veo,
Bên duềnh cỏ mọc xanh êu đầy đường. 夭

C

Ải-quan sầu dủ lá cờ,
Âm-ầm tiếng trống, dân vừa từ gia.
Oán chưa vợi, sầu đà thêm rối,
Nỗi phân-huề dở-dói xiết bao. 分携

Cửa Ngô, Chàng vả đứng hào,
Bút nghiên giẹp dẹp, cung đao tập-tành.
直? Dâng ~~Minh~~ liên-thành thẳng dâng thánh chúa, 遷(迆)連
Xin xách gươm chém lũ thiên-kiêu.
Dặm trường da ngựa, quản bao,
Quyết gieo non Thái dường khêu lông hồng 揺 挑 dao:
Giã khuê-phồng[1] rưỡi-dong công-ngựa. 房閫 技 禦
Gió kim đưa vọt ngựa nhẹ bỏng.
Đầu Vĩ-kiều, ngồi nước trong.
Bên ngồi ấy, đậm cỏ lông màu xanh. (đàm?) 渋 → 淡

1 nguyên: phồng (có chữ)

Thiếp tiễn chàng chừng cong chốn ấy.
Tấc lòng riêng ngay-ngáy xiết đâu. 碍 ;
Lên đường gián chẳng bằng cầu,
Tới dòng nước lại gián đâu bằng thuyền.
Nước xanh lơn chảy trong vặc-vặc, 清漣
Chửa chút chùi rửa được lòng sầu. 拭招
Cỏ thơm ~~mượt~~ mượt-mượt ngắt mầu,
Chưa phần nào lảng lo-âu dạ nầy.
Tay cầm tay, nói hoà chẳng dứt,
Bước dần dần riêng bận gót xiêm. 負絆

~~Lòng~~ theo Chàng tựa bóng (gương) thiềm, (kiều 對 ô)
Lòng chàng muôn dặm đăm-đăm tếch ngàn.
Chén gieo tan, Long-tuyền (toàn) thoắt múa,
Mũi giáo ngang thẳng trỏ Lang-quan.
Rằng theo ai đẹp Lâu-lan,
Man-khê miễn tới, sự bàn Phục-ba.

C

Nẻo phân-trình, đưa chàng tứ đấy,
Lòng thiếp xui ngay-ngáy lo sầu. 蠖 ;
Bộ-trình hiểm chẳng như cầu,
Thuỷ-trình hiểm chẳng như chu ~~đưa~~ (đưa) chàng. 1 ng. 鏤 ch. 邊
Nước có dòng màu gương lẻo lẻo,
Lòng thiếp sầu khôn liệu rửa trong.
Xanh-xanh có cỏ thơm nồng,
Ngắm nhìn khôn khẽ khuây lòng thiếp lo.
Cầm tay chàng, chuyện-trò sau trước,
Dắt áo chàng, chân bước dùng-dằng. 摟連
Theo chàng, lòng thiếp tựa trăng,
Lòng chàng: muôn dặm tên bằng non trời
Đất Ki-bôi, Long-tuyền nhẩy múa, 踐
Con giáo vàng [illegible] ở hùm lang. 擽 : 擂
Theo người Giới bắt Lâu-lan,
Trở Man-khê hỏi chuyện chàng Phục-ba.

B

Áo sáng loà đỏ dướng màu ráng, 烟
Cỡi ngựa kiêu trắng rạng đường sương. 驕 恙
Ngựa kiêu sang-sảng nhạc vàng,
Chiêng khua, trống giong lên đường ruổi mau. 挑
Chửa bao lâu mặt cùng nhìn mặt,
Bỗng vội-vàng nẻo dứt đôi phương.
Đôi phương từ chốn Hà-lương,
Bồi-hồi thuở đứng bên đường giã nhau.
Mặt dàu-dàu bằng trông hành-lộ,
Lá cờ bay lố-lố rợp đường. 路
Xe tiên tới Liễu bắc-phương, 軍 先
Ngựa sau, tây ở Trường-dương cỡi nhà.
Đoàn ngựa xa đưa ra ải tuyết,
Dương-liễu kia khôn biết lòng nầy.
Lạc-mai tiếng nhạn xa bay, 忍
Vẻ cờ mờ-mịt một ngày một khơi.

C

Mùi áo chàng ráng pha thắm ngắt,
Sắc ngựa chàng tuyết trắt trắng phau. 軋
Trống chiêng gió rước vang thâu, 逴 輸
Nhạc loan vui khách, yên cầu nhẹ người.
Chợt đối-diện, phút dời phân-đạo,
Lòng bâng-khuâng thuở nẻo Hà-lương.
Ngậm ngùi vắc mặt bên đường: 博, 運
Cờ bay phới-phới, trông càng buồn thay.
Đời tiền-quân mé tây đánh Liễu, 軍→車
Lũ hậu-quân bắc kéo Trường-dương.
Ba quân rộn-rã ải Lang, 聿也
Liễu-dương có thấu đoạn-trường nầy chăng?
Nghe sột-sột mai "đằng (?) tiếng diễn, 律, 栺 騰
Bóng thà-thà cờ rán (?) ruổi mau. 烜

B

Trông mây dời chàng cùng thiếp ghé,
Trông mây về chàng để thiếp mong.
Chàng đi ngoài cõi mịt-mòng,
Thiếp về chốn cũ loan-phòng ủ-ê.
Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái,
Dặng mây xanh cùng trái non thương. 蒼
Chàng thì đoái thiếp Hàm-dương,
Thiếp thì dõi-dõi Tiêu-tương đoái chàng.
Bến Tiêu-tương mấy hàng khói toả,
Cây Hàm-dương bóng lá ngất đầu.
Trông nhau mà chẳng thấy nhau,
Xanh-xanh những thấy bóng dâu trên đường.
Dâu mấy hàng có hay chăng nhẽ? 10/7
Lòng đấy đây ai kẻ vắn dài?

C

Lần trông dõi ~~đám từng~~ áng mây sầu, 益
Chàng khi ghé thiếp, thiếp nào nhớ chàng. 覓
giãi? Chàng lận-đận dầu sương giãi gió, 湄→霜
Thiếp trở về, võ-võ đêm đông.
Kẻ đi, người lại, đều trông,
Non pha thức biếc, cây lồng màu xanh.
Chàng Hàm-dương bằng hình trông thiếp, 佳 朋形
Thiếp Tiêu-tương chầy kíp trông chàng. 渭 (ng. âm)
Khói Tiêu-tương ~~ngất~~ khuất bóng Hàm-dương, 乞
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mấy trùng.
Cùng trông, mà vắn-mộng ~~chẳng~~ nào thấy, 雲 ch 霧 mịt
Kìa xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu, thôi lại ngàn dâu,
Tình chàng, lòng thiếp, so nhau vắn dài.

1= húc   2. ng. 雲, có chữa ra 霧 mịt

78

+ 79 ~~78, 79~~

B

Phong-sa từ đấy cõi ngoài,
sai ~~Rạng ngày mai~~ (Đêm trăng rạng) biết chốn ai đó nằm (đường?) (明日?→明月!)
Gấm xưa nay chiến-trường từng trải,
Muôn dặm trời quạnh mái nhà thôn.
Gió hun mặt khách héo don,
Nước sâu, ngựa nép vó chồn thiết tha.
Chốn Long-sa, người nằm gối trống,
Kẻ nương yên nhấp đồng mộ thiêng.
Bạch-đằng nay Hán xuống thành,
Mai Thanh-hải-khúc đã nghênh mặt Hồ.
Đường quanh co, nọ Thanh-hải-khúc,
Thấp hoà cao, chen vóc non xanh.
Non xanh trước nọ rành-rành,
Quýt thôi lại nối, kìa duềnh Thanh-khê. ng 縈 nối
Nẻo trên khe, đầu rây thúc tuyết,
Dưới suối thì nước xiết nường long. 娘竜
Ít nhiều xót kẻ tung nhung
Trông về dõi dõi, cong lòng nhớ thay.

C

Từ thuở trẩy cõi ngoài Sa-lũng,
Nguyệt to, chàng mấy lúc nghỉ ngơi.
Xưa nay chiến địa đổi nơi,
Đổi không muôn dặm, đất khơi cửa nhà.
Gió lộng-lộng người hoà mặt dạn,
Nước sâu sâu, ngựa nản dò chân. 跣
Nương yên, gối bạc đỡ đần,
Giải khu (?) chiếu đất, che lần màn mây. 區
Bạch-đằng nay đầy-đầy quân Hán,
Thanh-hải mai dặn-dặn Hồ-nhung. 碑
sai Áp ~~Yên~~ thành cao thấp non lồng, 滝? 壓
Bên ~~H~~ thành suối chảy, nối dòng nông sâu.
Trên ~~Từ~~ non xanh, ~~gió~~ tát đầu tuyết gội, 漫
Dưới suối trong, nước lội ngang lưng.
Mấy người áo sắt tháng băng? 縢冰
Xót người lúc ấy mặt băng chau mày. 冰

? 100 Kẻ chinh-chiến xưa sao ~~đất~~ nay có, 聆 - 達 周
Tính-mệnh dường cây cỏ, trọng đâu.
Sa-trường áo rộng ơn sâu, ?
Phút trong đồng bác, trẻ mau chóng già. ~~100~~
giai? 100 Mộ núi Kỳ trăng tà bóng giại, 101 熓
Nắm sông Phì gió lại hồi xuân. 吏
~~101~~ 101

B

Trên trướng gấm có hay chăng nhé?
Nỗi gian-nan, ai vẽ chinh-phu?
Tưởng chàng chốn trải mấy thu,
Tiêu-quan mờm đất, hải-ngu bên trời.
Điếm mưa rơi cùng thôn ~~mây rước~~ sương rắc, sương rắc 遠違
Chốn xà-khu, hổ-lạc hãi-hùng.
Ở ăn xót nỗi lạnh-lùng,
Vế (~~đùi~~) in tuyết trắng, râu lồng giá trong. 㡩
Khúc mây lồng, đứng cao vời-vợi,
Khiến làm sao chẳng nổi sầu tây.
Đông nam từ thuở phân tay,
Chàng nay đánh dẹp chẳng hay đạo nào?
Người bấy nay quản bao gối bác,
Tính mệnh xem nào khác cỏ sương.
Dưới đồng sực-sực hơi dương,
Ơn thâm bể thẳm, ấm dường ấp bông
Lần trải trong khắc giờ kịp nhé!
Giáo trăng-băng thiết kế thiếu-niên. 壯氷
Trăng mơ-mơ chốn Kỳ-liên, 祈蓮
Gió hiu-hiu thổi mộ bên sông Phì.

C

Trong cẩm-trướng có hay chăng nhé?
Gian-nan này ai vẽ chinh-phu
Chờ khi trải chốn tri-khu,
Tiêu-quan mèn-mọc, hải-ngu dầm-dề. 淋漓
Kìa sương-thôn, nọ thì vũ-điếm,
Đã hổ-khu lại hiểm xà-lâm. 虎區, 蛇林
Nằm sương ăn gió thiết cầm,
Đùi in tuyết ~~gối~~ lạnh, râu lâm giá ~~[illegible]~~ trong. 冲涑、ng 沐(淦)、冷
Lên lầu cao xa trông mây sắc, 边 、還
Dễ xui lòng thắc-mắc sầu riêng.
Đông-nam từ thuở ~~công~~ đăng trình, (phân ~~đăng~~?)
Tôi chàng biết hỏi thăm-lênh phương nào.

?

B

Gió đòi khi đưa hồn tử-sĩ,
Trăng lần soi mặt kẻ chinh-phu.
Chinh-phu, ai kẻ vẽ đồ,
Hồn người tử-sĩ, ai hô viếng thăm. 胡
Khá xót thầm giang sơn chốn ấy,
Tình khách-nhân qua đấy dường bao?
sai/ Trông về, mấy kẻ khát-khao,
Ban Siêu đầu bạc tây-giao mới về.
Tướng ngựa xe cỏi chẳng giống việc, 嘬?
Ba thước gươm một chiếc nhung-yên.
Cỏ ngăn gió át trăng xuyên, 軋
Gươm khua đầu ngựa, cần xiên trên thành 揨?
Hội công danh tác vàng thắc-mắc,
Khó-nhọc đành chưa được thảnh thơi.

C 牽

Gió khiên hồn kẻ tùng quân,
Trăng soi ủ mặt chinh-nhân rõ ràng.
Mặt chinh-nhân, ai màng giạm vẽ; 擂?
Hồn tùng-quân, mấy kẻ xót thương.
Nước non nên cữ tranh cường, 𪘵?
Hành-nhân qua đấy tình dường là bao.
Việc chinh-chiến đi sao chống được,
Chàng Siêu về tóc trước điểm đôi.
Chờ khi chàng trẩy cõi ngoài,
Gươm giờ ba thước, khấu cài một an. 幾?
Gió thu đưa, cỏ lan bãi cát, 擱?
Đỉnh quan-sơn, nguyệt gác tỏ gương.
sai Chiêng khêu trước ngựa nghiêm-trang,
Bên thành ~~thoắt kéo~~ đặt thang lần trèo. ~~ngoắt ngheo~~ 梯? (⋯輔?) 益?
Ấy công-danh trăm chiều khó-nhọc,
Những vội vàng chắc lúc nào nguôi.

B

Cùng ai nỗi ấy ngỏ lời,
Bên trời chàng ở, thiếp ngồi nương song.
Buồn đã xông, nương song giảm ngại,
Chàng bên trời, há phải hồn xưa.
Hồn xưa cá nước duyên ưa,
Phận nầy mây nước trông chờ bao an. 待→徐
Thiếp chẳng toan mình làm chinh-phụ,
Cùng Vương tôn chàng khá học-đòi.
Việc chi nam bắc xa-xôi,
Khiến người rầu-rĩ sớm thôi lại chiều.
Tuổi chưa nhiều, đấy phong-lưu-khách,
Đây trẻ trung, muôn việc vừa quen.
Bao kham đôi kẻ thiếu-niên,
Đều riêng ấm lạnh, dặm nghìn ai hay.

C

Cùng ai than-thở khúc-nhôi,
Chàng ngoài bể Quế, thiếp ngồi phòng hương.
Chực phòng hương ~~thiếp~~ chín, đành phận thiếp, ng 妾→(令)
Sông bên trời há kiếp chàng vay!
Muốn chàng cá nước sum-vầy,
Thiếp đành chẳng ngại nước mây mộ phần.
Thiếp nào nghĩ làm thân chinh-phụ,
Chàng muốn gì bạn lũ Vương-tôn.
? Cớ chi nam bắc ỷ khôn, 倚坤
Sớm xây thành nhớ, hôm tuôn bể phiền.
Một làm khách thiếu-niên lâu thú,
Một làm thân chinh-phụ phòng khuê.
Tuổi xanh khéo thẹn đôi bề,
Hàn huyên nghìn dặm, ủ-ê tấc vàng.

B

Thiếp nhớ ngày chàng cùng thiếp ghẽ,
Đoá liễu mềm chưa rẽ tiếng oanh.
Hỏi chàng bao lại hồi-trình?
Chàng rằng: ~~ph~~ Phỏng độ quyên minh tới nhà. 鵑鳴
~~Nay~~ Nay quyên đã giục oanh già,
Trước lầu liễu nọ lại hoà tiếng rì. 鶗
Nhớ chàng trong thuở trẩy đi,
Tuyết mai kia chửa biết gì gió xuân.
Thiếp hỏi chàng độ về bao ná?
Trổ đào-hoa ngày rửa thức hồng. 地
Rày hoa đã quyện gió đông,
Mai già trên nước lại cùng phù-dung.
Thiếp dặn cùng chốn nào chờ đợi?
Ngàn Lũng-tây hẹn nói thiết thay!

(lục bát liền)

C

Nhớ từ thuả cùng chàng tiễn-biệt,
Tơ liễu còn chưa dệt thoi oanh. 轉→囀
Hỏi chàng phỏng độ qui-trình,
Lời chàng giao hẹn rành-rành quyên kêu.
Cái quyên, oanh, cùng nhau qua tiết,
Lầu liễu cao ríu-rít tiếng nhi. 鸝
Cùng chàng ~~nhắn~~ nhắn thuở phân-huề, 唦→忍
Tuyết mai chưa động-đạng gì gió xuân.
Ngày ~~bao~~ phẩn-bai, băn-khoăn ướm hỏi, 返旆
Trổ cây đào chàng nói mùa hoa.
Hoa đào xuân quyện đã xa,
Sông mai đến tiết hoa đã phù-dũng.
Chốn đã hẹn ~~cả~~ y cùng tương-hội?
Cầu Hải-dương với nội Lũng-tây.

B

150 Nửa ngày chẳng thấy lại rày,
Lá cây lạc-đạc luống đầy mũi ~~chân~~ giêm; 檐
Đứng trông xem hạt châu luống ~~giấu~~ ngậm, 噤
Chim trời trưa ~~th~~ lặng rậm kêu sầu.
Cùng nhau hẹn ở nơi đâu,?
155 Ấu là cũng hẹn ở cầu Hán-dương.
Mặt trời vàng, vắng tanh chẳng thấy,
Gió phất-phơ hây-hẩy cốc-phong.
~~Ngại~~ nhẫn ngừng thuở đứng trông mong, 吸
Nước triều ban tối dẫy dòng Hán-giang. 160
160-161 Trước, gửi chàng ~~ta~~ xin mau trở lại,
Tới lại, mà người hãy còn không.
Cành dương hoa rụng dưỡng bông,
163 Gió đưa rời-rạc lẫn cùng rêu xanh.

C

150 Bừng-tưng đợi qua nửa ngày,
Cây lay lá rụng giắt đầy cái trâm.
Đứng dạu-dạu, khôn cầm dọt ~~lệ~~ ngọc,
153 Gà hoang-thôn eo-óc buổi trưa.
156 Hế chiều đợi cũng ngẩn-ngơ,
Gió đưa hơi lạnh lọt tờ áo là.
Đứng dợi-dợi, mặt hoa ngừng ~~ngất~~ ngắt.
Bến Hán-giang bóng ~~giắt~~, triều dâng. tát
160 Tới chàng năm ngoái đã rằng,
Năm nay lại nhắn nói năng chàng về. 160
Tới đã về mà chàng chưa thấy,
Hoa dương rơi đã dẫy rêu xanh.

B

170 吟唱 170

175 175

嚕性

180 180

箕(?闋?)

C

~~160~~

~~160~~ 烱, 烴

噭

165

~~165~~

~~170~~

~~170~~

番.

慈文㚢→毋.

SPÉCIALITÉS - TIRANTY

Société Anonyme au Capital de 42.185.000 Frs

106, Boulevard Haussmann

25, Rue de la Pépinière

PARIS (8e)

Tél. : EURope 36-20

PARIS, le 12 MARS 1952

SERVICE DES MARCHANDISES
SAR 2491

Référence à rappeler dans toute correspondance relative à cette remise de matériel

V/Réf

Mr Hoang Xuan Han
21 Bd St Germain
Paris

M

Nous avons l'avantage de vous accuser réception du matériel désigné ci-dessous :

TYPE et MARQUE : 1 Ermar 50 f 3.5 N° 203149

OBJECTIF : N°

ACCESSOIRES JOINTS .

Nous notons que ce matériel devra faire l'objet

Surfaçage des lentilles frontale et arrière remise en état de la monture.

à titre

Délai :

OBSERVATIONS PARTICULIÈRES

Le Chef de Service,

Nous vous rappelons qu'il est indispensable que tout votre courrier concernant cette remise de matériel fasse toujours l'objet de lettres séparées et ne figure en aucun cas sur des lettres de commandes ou traitant de questions générales.

Sao bảo-vệ sáng ngời
Đất Văn-giang ~~đức giòng tươi~~ ~~[illegible]~~
Ai Tài ~~[illegible]~~ hoa như Ngỡ xưa nay hiếm có.
Sao trời ~~cho~~ tài mà ~~[illegible]~~ bớt đức —

B

Rêu lại rêu, xanh xanh dời chốn,

165 Bước nhàn-đình ~~ngẫm~~ ngấn kẻ trăm. 吟唱

166+167 Thư về, xưa đã mừng thầm,

Thư về, nay chửa thấy tăm người về.

169 Chốn song the ~~bởi~~ từ bề vắng-vẻ,

» Ác tà-tà bóng xế rèm hoa.

170 Tà tà thôi đã lại tà,

Hẹn trong mười hẹn kể đã chín sai.

Thẩm tình ai từ phen lần tuyết, 嚐性

... ha.

... ha,

... ót-xoa.

... ó,

... ng. 箕(→閑?)

C

... tấm đường.

... chay, [illegible], 烓 噭

... ây.

... ày,

... ang.

... u,

... ới mười.

... ng-dăng. 番.

... ụ, ~~(mẫu)~~ 慈文(~~任~~→母).

... hông.

B

Rêu lại rêu, xanh xanh dời chốn,
165 Bước nhàn-đình ngẫm-ngấn kể trầm. 吟唱
166+167 Thư về, xưa đã mừng thầm,
Thư về, nay chửa thấy tăm người về.
169 Chốn song the ~~bên~~ tử bề vắng-vẻ,
» Ác tà-tà bóng xế rèm hoa.
170 Ác tà thôi đã lại tà,
Hẹn trong mười hẹn kể đã chín sai.
Thẩm tính ai tỉ phen lẩn tuyết, 嚐性
Sen đúc tiền chẳng biết đã ba.
Ngày chầy tử-tái thiết-tha,
177 Hoàng-hoa muôn dặm thậm là xót-xoa.
Thú hoàng-hoa gia-thân đều có,
Ai tỉa ~~kia~~ khuê-phụ ai không? 箕(?閨?)

C

Rêu xanh thôi lại rêu xanh,
165 Sân nhàn một bước, tưởng quanh trăm đường.
\+ Nửa trời ngọn lửa tưởng thắm chày, 烱, 烓
\+ Khuya sửa trăng sớm lại trông mây. 嗷
166 Thư chàng năm trước hẹn ngày,
Năm sau thư hẹn độ nầy hồi-trang.
Thư đã về mà chàng còn bận,
Hế song the bóng lận, ác tà.
170 Ác tà thôi lại ác tà,
Tính trong chín hẹn sai-ngoa tới mười.
Gấm ngày đi kể chơi từng lúc,
Đến nay đã ba đúc tiền sen.
Xót người tử-tái liên-niên,
175 Hoàng-hoa gánh nặng, cửa phiền dùng-dằng. 番
Người tử-tái lại chàng tử-phụ, (~~mẫu~~) 慈父
Kẻ hoàng-hoa khuê-phụ ai không.

đánh số lầm (ép. 5)

nhớ chàng đã quá niên ~~vậy~~ lịch trước,
Suốt năm nay, tháng chạp hầu xong.
chàng Khởi ba bốn năm ròng,
Mối sầu thiếp rồi kể vòng vạn thiên.
Chước chi chàng kề bên mình thiếp,
Dở mối sầu mọi kiếp chàng hay.

B

Sao khuây dưới gối, nên lòng,
Sao kham lâu ở, lạnh-lùng phòng hương.
Tóc dường sương, mẹ chàng tuổi-tác,
Mà con chàng trứng-nước trẻ-thơ.
Mẹ già ~~ngồi~~ tựa cửa đứng chờ,
Con thơ ngồi chực sớm trưa bữa thường.
Nuôi mẹ chàng, thiếp khôn làm gái,
Dạy con chàng, thiếp phải làm cha.
Một mình nuôi dạy hai là,
Nhờ chàng, tủi thiếp, nay đã mấy phen.
Ngày dường tên, trước đã thoắt khỏi,
Lại năm rày ban tới còn đâu.
Thẩm chàng lần lữa bấy lâu,
Hai ba năm trải lại hầu bốn năm.
Thiếp âm-thầm tấc lòng ngao-ngán,
Kể trăm nghìn muôn vạn xiết bao.
Bên chàng, ước được làm sao,
Kể bày lòng thiếp ~~khát ao đoạn~~ khao đoạn-trường.

C

bờ-thân, bao khá dời lòng,
Vợ con, ai khá tình trong hững-hờ.
Đứng lão-thân tóc phô đầu bạc,
Nỗi con thơ trứng nước ngóng-mong.
Mẹ già nương cửa ngóng trông;
Mớm ~~Bón~~ ~~(mớm)~~ cơm bìu-ríu, trẻ mong tháng ngày.
Bữa phụng thân, thiếp thay nam-tử,
Sách dạy con, thiếp đỡ làm cha.
Một mình dạy trẻ nuôi già,
Nhờ chàng tủi thiếp, biết là mấy phen.

B

Mặt hoa vàng ở trong cung Hán,
Đưa về, ngày gả-bán thiếp xưa.
Cậy ai rày được gửi đưa,
Để cho lòng kẻ trông chờ nhớ ~~thương~~ nhau.
Gương Tần-lâu mặt soi vặc-vặc,
Cùng với chàng ngày trước soi chung.
Cậy ai đưa được tới cùng,
Soi riêng bóng thiếp lạnh-lùng bên chăn. 捧
Xưa chỉ-ngân phau-phau thức bạc,
Vốn ở tay ngày trước chẳng rời.(1) (1) Chắc sót bốn câu
~~Cậy ai gửi được đến rầy, tới nơi.~~
~~Để cho lòng ... thương nhau~~
~~Hạnh nào quế khách của nay bầu thân.~~ 幸
~~Trâm cài đầu trắng ngần vẻ ngọc~~
[Bản cũ bỏ sót bốn câu]

C

Cái thoa cung Hán yêu thay!
Với xưa của thiếp sắm ngày đưa dâu.
Cậy ai gửi tới hầu chàng ngắm.
Ngụ lòng này xót tấm tương-tư.
Gương Tần một bức ngày xưa,
Cùng chàng sánh mặt, bấy giờ soi chung.
Cậy ai gửi ngụ lòng trân-trọng,
Tố ~~oanh~~ loan-phòng, chiếc bóng thiếp nương. 宮
Đeo tay có chuỗi hạt vàng, 繡
Cài đầu có ngọc thiếp thường yêu chơi.
Cậy ai gửi tới người quân-tử,
Chốn tha-hương làm sự dấu ghi.

B

Cậy ai gưởi được tới ~~nơi~~ rày,
<u>Hạnh</u> nào quê khách của này báu-trân.
Trước <u>đôi</u> lần có tin thư <u>đoái</u>,
Rày thưa thư mà lại thưa tin.
Thấy nhạn ngỡ lụa thư truyền, 語
<u>Mảng</u> sương đưa lạnh thì mền may. 綿 綴 綿
Gưởi gió tây cánh hồng chẳng ~~tiện~~ thuận,
Xót ~~kẻ~~ cõi ngoài kẻ <u>lẩn</u> sương mưa.
Tuyết chẳng ưa, tựa nằm trướng hổ,
Mưa lạnh-lùng, nương đỗ màn lang.
Biết bao rét lạnh trăm đường,
Cõi ngoài đường ấy, khá thương những người.
Chữ gấm <u>bài</u>, phong thôi lại mở, 1 = đề
Tiền vàng gieo, lại <u>ngờ</u> chẳng tin. 御

C

Năm xưa tin-tức cũng khi,
Rày tin chẳng thấy, tức thì cũng không.
Thấy nhạn tưởng thư-phong tái-điệp, 塞蝶
Nghe sương sa sửa <u>nếp</u> áo bông. 摄
Gió thu mong gửi sức hồng,
Bên trời <u>xót</u> kẻ lạnh-lùng tuyết mưa.
Tuyết lạnh-lẽo, nương nhờ hổ-trướng,
Mưa rét căm, trú giường màn lang.
Hiu hiu rét lạnh đôi đường,
Ngoài trời <u>xót</u> kẻ cần vương chẳng dời.
Chữ thêu gấm phong thôi <u>thì</u> mở, 桃 → 䩻
Quê gieo tiền tin <u>ngờ</u> còn nghi.

Bốn câu thất liền

Viện khơi, đi muốn hầu xiêu,
Mành tương cuốn ít dủ nhiều, biếng trông.
Ngày mong tin ~~ngày~~ cảnh không tiếng thước,
Đêm ngồi chong, nổi-nước đèn hay. [illegible]
Đèn hay dủ-nhẫn chẳng hay,
Hộc sầu thiếp chỉn đong đầy không vơi. [illegible]
Vướng hoa đèn gượng cười nửa miệng,
sai Ngán bóng người lại biếng dòm hoa.

B

222 Ác vàng lặn kể mấy phen,
" Thẩn-thơ người ở trung-hiên một mình.
223 Bóng trăng thanh trải bao đêm suốt,
(sai 歙→歚) " Chiếc gối nương ~~tóc~~ ~~lọt tiếng rầy~~ sụt mái Sây. 霆→霆;律嗜篩
224 Chẳng can chi ~~trầm~~ đắm cũng say, 沈→眈
" Mặt hoa ~~biền-hiện~~ lờm-lợm dường bay điểm hồng. 溫ナ
225 Dại ngây cũng nhác, đã không, 落
" Thửa mà ngơ-ngẩn, xem lòng dường say. 試→戠
Trên đầu đỉnh lỏng, giếm lay, 頂弄簪
Lưng quần gầy-gộc, khôn hay giọng cầm. 㨂
228 Ngày đăm-đăm thẹn hồng duyên thước, 紅緣鵲
" Bóng trơn hiên chân bước dường sa.
229 Ngùi-ngùi xiết kể thay là,
" Bức rèm tưởng nọ cuốn hòa lại buông. 鶯霜→湘
230 Chạnh tấc vuông, ngoài rèm nghiêng mắt, 簷
" Ác đầu cành, thước bặt đưa tin.
231 Trong rèm, ngoài lũng đeo phiền, 簷
" Biết lòng, đêm có một đèn mà thôi.
Đèn rạng soi, biết dường chẳng biết, 爀
Thiếp một lòng thảm-thiết nào nguôi.
Thảm nầy biếng kể khúc-nhôi,
235 Ngọn đèn hoa với bóng người khá thương.

C

222 Ác vàng dờm bóng rèm the,
" Một mình lở-lửng đứng kề cửa hiên.
223 Ba canh nguyệt, song xuyên bóng quế;
" Mái tóc trôi; xách-mé gối đơn. 濡,㨂美
Rượu tâm bữa rót, chẳng can, 𨢇
225 Có sao tâm-tính như lần say-~~sưa~~ ngây
Đầu bừng gió, tóc mây rối-rút 纏律
Xiêm lỏng đai lưng ruột gầy beo (~~teo~~) (veo) 瘭→瀌

Trời cao khôn nhẽ thông-hành,
Mối sầu đẳng-đẳng nhớ quanh nào cùng.
Chốn nhớ người, càng trông càng thẳm,
Ngắm cảnh thêm trêu tấm lòng đau.

B

Suốt đêm trường tiếng gà eo óc,
Thềm bát-chuyên ngang dọc bóng hòe. 晴→塼
Sầu tuôn tựa bể bề-bề,
Khắc giờ đằng-đẵng kể về đường năm.
Triện hương trầm, lâm-dâm giọng thấp,
Dưới quế (trụ). đàn hoa dập hồn mai. 桂(→炷) 掕揖
Ngắm gương loan, gượng gót hài,
Để dưng gót (giọt) ngọc khôn nài thấp hoa. 踴→浂 墖
Khúc tì-bà, giọng âm ủn-ủn, yếu-yếm, 掩厭
Gảy nhởn-nhơn chuyện (dường) phím phượng-hoàng. 磚→轉→璉
Cỗi phiền, cung sắt giọng xoang, 空→䑨
Khúc sầu dập át uyên-ương phím đàn.
Bấc niềm đan, gió dù len-lỏi,
Chắc nghìn vàng gửi núi Yên-nhiên.
Gió mà chưa khứng đưa truyền,
Nhớ chàng thăm-thẳm dặm nghìn dường mây. 岸→嶄
Mây diễn thay, khôn thông tin-tức,
Lòng nhớ chàng đặc-đặc nào khuây.
Nhớ người luống chạnh niềm tây,

C

Năm canh ran gáy tiếng gà, 𠿯嗑
Tàn hoè bóng đủ tha-ra trì-đường. 池塘
Sầu tựa bể, khắc đường năm suốt,
Nghĩ sự lòng ta xót cùng ta.
Quạy hương ngồi ngẩn trước tòa,
Gương soi nhuế giục lệ hoa, ngập (nhìn)-ngừng. 汲汚
Khúc cầm gảy buồn dừng cột phượng,
Tiếng sắt kêu sầu vướng dây uyên. 旺→紝
Lòng này gió khứng tin truyền,
Nghìn vàng thiếp gửi, non Yên đưa cùng. 啫
Non Yên vì chửa thông tin-tức,
Lòng bâng-khuâng, dường: bực trời xanh.

B

251+252 Cây ~~tường~~ [trường] thức lá, song ~~rây~~ [mưa] tiếng cùng. ~~(trùng?)~~ 霜→鋪相,蛩
Rụng đùng-đùng lá dương, sương bỗ,
Cây ngô-đồng mưa nọ chẻ tan.
255+256 Chim tìm cội, móc sa ngàn,
257+258 Vách sương xa lẳng, nhặt khoan chuông chiền.
Để gợi phiền, đêm mưa, mấy khúc,
Ngọn ba-tiêu, gió ~~giục~~ [thốc] phất-phơ.
Gió qua cửa, lọt màn thưa,
Trăng đưa ~~lá~~ [hoa] thấm thẩn-thơ trên mành.
Trước hoa-đình, trăng dầu soi bạc,
Hoa dưới trăng, hoa mặc phơi hồng.
Bóng lồng hoa nguyệt trùng-trùng,
Trước hoa dưới nguyệt cong lòng dìu-hiu.

C

Ngọn cây lá điểm sương thâu, 偷
~~Trời cao khôn nhẽ thông-hành,~~
~~Mối sầu đằng-đẵng nhớ quanh nào cùng.~~
Đàn mưa trống ếch giọng sầu ngoài song.
Sương là bia, lạnh-lùng cành liễu,
Mưa là cửa, thất-thểu lá ngô.
Đoá tùng, chim ẩn khói mù, 松
Khóm tùng thấp-thấp, hạt lộ bon-bon (嗪) 汁? 叢露
(Hầu-trùng sai,) ~~Tiếng~~ hầu giọng nỉ-non tường quanh, 猴
Chùa đằng xa dộng-đánh chuông ai. 鄭→鄧
Mưa thôi, đàn dế chưa tai, 珠
Chuối bay cờ lá, viện ngoài gió đưa.
Gió xuyên song, trướng tơ hây động,
Trăng lồng hoa, rung bóng rèm châu. 焠
Trước hoa, trăng tỏ long ~~thiên~~ thâu,
Dưới trăng, hoa nở cành đưa màu hồng.
Lẫn hoa nguyệt chập-chồng bóng hạ, 縆
Khách, hoa tiên, nguyệt hạ, lòng xiêu.

<u>Buồn-muộn</u> thơ vẫn than dài, 亘洌
275 Nghĩ chàng <u>xa-xác</u> cõi ngoài ải Liêu. 賖磪
277 Vì ả Quế ngồi <u>hìu</u> cung Quảng,
276 Dường vợ Ngâu khóc <u>lãng</u> duềnh Ngân. 郎 = ng
Nương sầu làm gối, <u>~~lầu~~ vô ngần</u>, [illegible] 埌 → [illegible]
Nấu buồn làm bữa <u>**chút**</u> phần nào khuây. 拙
280 Rượu giải sầu, sầu đầy rượu lạt, 過
281 Hoa gỡ buồn, buồn át màu hoa.

B

267 Giận trăm chiều thân ~~lười~~ rồi luống đợi, 耒 = rồi

» Muốn việc ~~đành~~ đành biếng tới cong tay.

268 Biếng dù canh cuối khéo thay,

» Trên không, ~~ngại~~ hổ buổi uyên bày lứa đôi. 莧→號 貝→眼

269 Tay biếng rời, dù thêu vóc khéo,

» Buồm song-song, ngại nẻo đưa ~~châm~~ kim 針

270 Biếng trang má tủi phấn êm, 淹

Thâu ngày biếng thốt, trong rèm ngồi nương.

Dủ rèm tương, lần nương cửa xế,

Mặt, ~~bỏng~~ vắng chăng, ai vẽ mày quang. 氷→永

Mày ai vẽ luống băng-hoàng,

275 Chàng quan nẻo cách tư chàng trẩy đi. 潼(→重?)徐

276 Vì khác chi thiên-tôn Chức-nữ,

» Bến Ngân-hà, dọt [illegible] nở thánh-tha. (= thánh thót)

277 Lạnh lùng vì ả Hằng-nga,

» Quảng-hàn, ngồi tựa song sa một mình.

Sầu chất thành, ~~nương~~ nương dấu làm gối, Thâu 捩→摸

Lửa tương-tư, cơm thổi lò đan.

280 Cỗi sầu, chén cúc mong toan,

» Sầu càng nặng, rót bao an, gương cầm. 津→滹

281 Muộn, những lâm tây hoa mà cỗi,

» Muộn nặng hoa, hoa tủi dàu dàu.

C

267 Nghĩ càng thêm nỗi dật-dìu, 逹→逸 調

» Nghìn chiều ngơ-ngẩn, muôn chiều ngẩn-ngơ.

Oanh sanh đôi, ngại đưa thoi ~~dệt~~ cửi,

Buồm thu hưng, thẹn gối chỉ thêu. 啜 㵾

270 Biếng giồi ~~phấn~~, để má sìu, 超

Biếng cười, biếng thốt, ~~[illegible]~~ trơn chiều nương song.

Nương song luống nương song, ủ-dột

Chàng trẩy ~~[illegible]~~ xa, chai-chuốt cùng ai. 中,斉→斎

車

B

Lo xa vì nỗi muộn-sầu,
Dưới ~~hoa~~ gềnh chín suối nước sâu đành-rành. 花→㴋 仃伶
Thuở chắp sanh, sanh nào trối chắp,
285 Bấm ngân-tranh tay ắp biếng giang. 泛→捻 扛
Gian-nan tưởng chốn ải lang,
Nghĩ người chiến-sĩ hành-trang thêm sầu.
Quốc kêu sầu, khôn dừng hạt lệ,
Trống tiều chang ~~vườn~~ hầu dễ mềm gan. 㹣→候 鏤怜
290 Nấu-nung vóc liễu héo tàn,
Biết mùi li-biệt châu-chan dường nầy.
Chua cũng cay, xiết bao phong-vị,
Nỗi chua cay thật chỉ vì chàng. 寔
Vì chàng dọt tủi hai hàng,
295 Vì chàng bóng lẻ phòng hương một mình.

C

284 Quỳnh-sanh, tiếng gõ chẳng ra,
285 Ngân-tranh, mong gảy hầu ca lại dừng.
Đường viễn-tái lo chừng hiểm trở, 烝
Xót hành-trang khăm-khổ cậy ai?
Tiếng quyên kêu lọt quan-hoài,
289 Trống tiều khua phải gan ai rộn mềm. 英 沛
291 Mùi khuê-li nếm xem chua ~~chát~~, lạt,
292+293 Chua lạt vì bát-ngát lang-quân.
Đôi hàng thiếp lệ đượm-nhuần,
295 Gối loan chếch-mác, thiếp-thân đơn-hàn.

B

Cật đành-hanh khuây chàng chinh-trướng, 胎停馨
Lệ tủi nầy chưa xương chinh-cân. 呸→紅
Những chiêm-bao có tới gần,
Đêm đêm qua đổi giang-tân tìm chàng.
Nọ trên đường Dương-đài tìm đến, 㱿→奴
Kìa gặp chàng ở bến Tương-giang.
Nhớ trong vui họp lạ dường,
Sao rồi ra những một trường mộng xuân.
Lướng giận thân chẳng bằng giấc mộng,
Cùng cửa Hàm, sông Lũng ra vào. 函→潼?
Mộng thôi lại tiếc rằng sao...,
? Giấc ~~Thấy~~ thì lại nghĩ đôi phen ~~đối~~, nào ~~nhân~~ có tin. 㕸 覺觉
Chỉn có tấc lòng riêng ~~bát-nát~~ bứt-rứt, 不 窒
Trong khắc-giờ chưa nhạt mộ lòng. 日
Nhớ mà chẳng thấy âm-dung,
Đòi ngày thấc-thỏm trông mong xe nhung. 弋添

C

Thiếp-thân nào kể màn chinh-trướng,
Thiếp-lệ nào đượm nhuốm chinh-cân.
Đêm đêm hồn dẫn mộng xuân,
Bước màn dưới trướng khôn thân cơn buồn. 伸
Hẹn ~~Đài~~ đài Dương mưa trời nước lội,
~~Dưới~~ Bến Tiêu-tương gió thổi cuốn mây. 嶺
Hoan-trường mấy hội dan tay, 歡場
Hải-đường bẵng-dẵng (?) thật nầy chiêm-bao. 恍孚
Thiếp hiềm chẳng chiêm-bao mãi thế,
Chốn Hàm-quan, Lũng-thủy đều vui. 函
Chiêm-bao sống ~~kết~~ ghét ~~cạt thẳng~~ thoảng-thơi ? 懦倘崔
Giấc say dường có tỉnh rồi lại không. ✗
Bui ~~Đã~~ thì có tấm lòng bứt-rứt,
lãng? Chẳng khi nào lãng nhạt nhớ chàng.
Nhớ chàng mà chẳng thấy chàng,
Lầu cao mấy độ trông phương đế chàng.

B

Nẻo trông mòng, chốn nào xem thấy?
Bãi giang-châu cỏ phẩy ngất đầu. 芷 芑
Cỏ Yến, dây lục lợn màu, 綠
Mây Tần ~~phết~~ với cỏ dầu một chòm.
Nửa về nam, chinh-trần bụi-bụi,
Một lũ cò bay tới bình-sa.
Kìa trông thấy những chi là?
So-le quán khách, rợp loà đường quan.
Chốn vân-~~nhàn~~ gian mờ-mờ Ngô-thụ, 閒→間 樸→吳?
Khuất trên mây lô-lộ thanh-cương. 青崗
Nửa thành tử bắc, cỏ hoang,
Mưa êm, một tiếng địch xoang lầu hồng. 淹
Nọ trông mòng thấy gì chăng nhé?
Lá non không chất để nên thành.

C

312+313 Liếc bãi tần, cát bằng, nước ~~[illegible]~~ gợn, 浪
314+315 Dâu bãi chen cỏ Tần xanh pha.
Mé nam, bình bụi miền xa,
Bến ta-dương điểm nhạn sa một đoàn.
324+325 Non-rừng lá, chất ngàn nên đống, 岸
326+327 Sông khoe mai, nội rộng, trĩ bày.
328 Mé đông, non khói trùm cây, 南
329 Đường không quang-quẽ, chim vẫy véo-von.
318+319 Đình tràng đoản, đô còn vẽ lớp, 拉
320+321 Non Thục cao, mây lớp dặng Ngô. 笠 鄰梧
322 Bắc-phương luá nửa thành cô,
323 Trời mưa tiếng địch, mịt-mù giang-lâu. 駭→嗦

B

Trĩ bay nội quạnh cỏ xanh,
Mai kia giờn múa một mình bên sông. 堙
Nẻo về đồng, gió cũng khói tỏa,
Chim lạc chưng buồn-bã hơi ~~sương~~ mây. 霙→霞
330 Lại trông thấy những gì thay?
Dải sông gấp khúc đường rày vòng cung.
Nhạn lác-đác trên không và điểm,
Duềnh khơi kia một ~~tấm~~ chiếc qui-chu. 片 歸舟
Thành tây cỏ lẫn tung-thu,
335 Mù-mù bóng khách thương-châu chất đầy. 蒼州
336 Đất cùng mây hợp trông ngang dọc,
(bỏ hai câu) 339 Ấy chốn nào cửa Ngọc ruổi dong?

C

330+331 Sông tiêng khúc, vòng câu uốn-éo,
332+333 Nhạn bay không, mông lẻo bên khơi 3
Ngàn tây cỏ rậm dợi dài,
335 Bóng người thơi-thớt cách ngoài sông thương. 楼卒商
338 Khắp trời đất chiến-trường khốn cốc. 合: biết
Chốn nào ~~là~~ ai Ngọc, chiến-trâu? 戰[illegible]

B

Rút đường chẳng ~~tỏ~~ chước trường-phong, 許→所 挾
tại ? Gieo khăn lại chẳng tiên-~~ông~~ nường linh-phù. [illegible]→娘
? Đỉnh Vọng-phu riêng lòng biến hiện,
sai ? Quanh thang mây dễ đến lầu cao.
~~Giường~~ Ngành trông dương liễu nơi nào, 劲
Ấn phong hầu, giận khát khao nỗi gì.
Nẻo trẩy đi dặm nghìn cách trở,
Biết lòng chàng có tựa thiếp chăng?
Vì mà lòng nhắc cân bằng,
Với chàng, thiếp khá giám rằng giận chê. 吱
Lòng hoa kia, hởi dương hằng ngóng,
Xót lòng chàng dưỡng bóng lưu-quang.
Lưu quang phút diễn bóng gương,
Lòng hoa khao-khát mặt vàng vang le

C

Hiềm chàng rút đất phép thua,
Nào là tiên-nữ có bùa gieo khăn.
Lòng phỉ-thạch khôn vận chuyển được, 匪石
Khi đăng lầu một bước một thương.
Thẩn-thơ dặm diễn đường trường,
Ăn-năn tại thiếp giục chàng công-danh.
Cách nghìn dặm, khát tình giao ~~thiệp~~ tiếp, 渴
Biết lòng chàng giống thiếp hay không?
Vì chàng lòng cũng ~~nhà~~ dễ đồng 共同
Đã cam, há giám chút lòng hiềm chi.
Lòng thiếp bằng hoa quì chiêm hướng, 凭
Lệ lòng chàng bóng thoảng lưu-quang. 淚→戾 = e
Lưu quang thấm-thoắt bóng dương,
Quá chiều hoa cũng ~~al~~ úa vàng phai thơm. 鴨→瘂

B

Hoa lại về chốn nào hớn-hở,
355 Chốn lưu-quang mà nở bặt ~~hơi~~ gương.
356 Lưu-quang chẳng vị hoa vàng,
{Hoa vàng lại vị lưu-quang mà già.
Đoá lão-hoa bên tường lác-đác,
Dường hoa rày kể được mấy sương.
Trước sân, lan đã nảy vàng,
360 Bên sông, tần lại đưa hương ngạt-ngào. 蘇→蘋
Cột ~~gọt~~ áo bào, tiền-đường thẳng bước, 蹋?
Ngửng mặt coi nẻo trước thiên-chương.
365 Đóa mây vẻ dệt mơ-màng,
366 Dưới sao Bắc-đẩu dọc ngang dợi lần.
363 Bãi sông Ngân thoắt mù, thoắt tỏ,
364 Đoá sao Sâm chợt có, chợt không. 参奎?
367 Đầu giường dom bóng trăng trong,
Hương thừa gió thổi vấn-song sực mùi.

C

354 Hoa ôi, dễ ai dòm-dõi đến; 唯
356 Vì lưu-quang, hoa thẹn nên già.
Hoa tàn rụng gốc tường hoa, 谷
Trải xem hoa rụng biết là mấy giêng.
chồi? Lan đổi lá dềnh-dềnh chồi bạm, 亭→薰
360 Khóm lục, hồng, đầm-ấm hơi dương.
Sửa hai bước tới tiền-đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên-chương thẫn-thờ.
Duềnh Ngân-hán khi mờ khi tỏ;
Sao Sâm-triền ~~?~~ lúc có ~~nơi~~ lúc không. 尼→亢 牢参→奎?
365 Cung thiềm thấp-thoáng mây lồng,
366 Chen ngôi Bắc-đẩu, chầu cung Tử-thần.

Thương tay thở ~~gửi~~ chưa phong sầu

Năm năm lần-lữa, còn đâu là thời,

Thời vì bằng thoi đưa thấm-thoắt,

?

凭

B

Mặt ngùi-ngùi nhiều năm xa-cách, (1ª Bộ → B.)
370 Chàng trượng-phu quê khách một mình.
Trước thì làm ảnh làm hình,
365 Sâm thương, rày bỗng ra tình cớ sao?
Chàng chốn nào ngựa len mây ruổi,
Chốn thiếp ngồi rêu nổi thềm hoa.
375 Thềm hoa, xuân đã hầu qua,
Tiếc thời tiết ấy thật là xót-xoa.
377 Hây khí hòa, ấy lương-thời tiết,
" Rặp Diêu hoàng, Ngụy-khuyết gió đông. 魏闕
378 Thu sang thời-tiết não-nùng,
" Nữ Ngưu họp thuở trăng trong vui-vầy.
Trước, mê ~~mãi~~ tay đầu chưa giắt ngọc,
380 Nay đã về kết tóc ~~đông sang~~ lang đông.
Khá thương thỏ ấp phòng không,
Năm năm thời tiết phụ cùng trời xanh.
Thời-tiết lành, dường tên thấm-thoát,

C

369 Gẫm cơ tạo, niềm xuân ngao-ngán,
370 Chạnh nỗi chàng cách-diễn tha-phương.
Xưa thì hình ảnh cùng ~~nàng~~ mường,
Khi nay trở-diễn Sâm Thương đeo phiền.
Chốn chàng đi, mây chen hang ký,
Chốn thiếp ngồi, chái để nhũng rêu.
375 Gió xuân trong chái dìu-hiu,
Ngán chiều qua lửa, thẹn chiều xuân-xanh
377 Ngát gió xuân, giại cảnh Diêu Ngụy,
" Rủ chiếng vàng, nở nhụy ~~lồng~~ đua. 擒 鶯 / lồng
378 Nữ Ngưu mừng gặp trăng thu,
" Duềnh Ngân bảng-lảng, cầu ô vững-vàng.
Ngày chàng trẩy, tay-nương bé tuổi,
380 Nay đông-lân đã cưới làm dâu.

60

392+

394-

F

B

Người xanh-xanh ủ mặt nên già.
Huống chi xuân-muộn chưa qua,
Mà hồn thu lại đát-đa (?) nối liền. 410 đát-đa? 怛多
Thuở hợp-hoan và vui bui ít, 盃又
Mà sầu riêng khôn xiết dường này.
Hơn kia sầu nọ sánh bày,
Sửa bồ-liễu mong kham rày được bao. 蒙
Luống bào-hao, tiếc cũng than-thở, 415 咆哮
Tiếc hồng-nhan mặt nở nhụy đào.
Thở than ấy bởi làm sao?
Bóng qua cửa sổ thuở nào lại qua.
Tiếc tuổi hoa, cũng than phận bạc,
Ả thuyền-quyên mấy ~~được thân bạc~~ già. 420 đại nên 特歲 (sai nghĩa?)
Gác hương nhớ thuở cười hoa,
Lầu hồng thuở cởi hương-la tơi-bời.

C

Cảnh con người dìu-dặt ~~tuổi~~ qua. 374 𨧟钱
Hướng chi sầu nguyệt, buồn hoa,
Bên gần thì ít, dời xa thì nhiều.
Nỗi sầu giận gợi ~~khêu~~ treo dường ấy, ~~370~~ 嘹
Bồ-liễu kia được mấy xuân xanh.
Tiếc thân rộn-rã tâm-~~thân~~ tình, 375 猶也
Nỗi chung luống chịu một mình hư-không.
Tiếc vì nỗi hoa hồng tươi vẻ, ng. 𦬆 (→鮮)
Thẹn vì chiều bóng xế khôn xoay. ~~375~~ 揪
Hoa ơi, phận bạc khéo thay!
Trẻ qua già đến, chóng thay lạ dường. 380
Gác thúy hãy mơ màng tiếu-hương, 遂亥 響
Lầu thư còn mường-tượng hương-la.

+ 408 + 41

B

400 ~~382~~ ~~Trời~~ Người tiếc ~~người~~ trời chẳng cho phương-tiện,
Nỗi gập gềnh nẩy đến đường nầy.
395 Nỗi gập gềnh, thiếp sao hay? 425
~~385~~ Riêng than ở thiếp, chung lây vì chàng 洓
Kìa mấy hàng uyên-ương ngoài nội,
405 Cánh ~~...~~ quấn-bày ngại nỗi lẻ-loi. 㨨
Trên rường chim én lứa đôi,
~~400~~ Đã phơ đầu bạc, chưa dời niềm đan. 430
~~395~~ Nọ vô-tình những ~~loài (dân?)~~ loài chích-chích, 類 (vân?)
Cánh liền nhau trích-trích chẳng dời. 滴
410 Cùng ~~(...)~~ kia chẳng biết nói cười,
~~395~~ Sánh đua trọn kiếp, mấy lời nửa đây. 䳜

C

400 ~~382~~ Trời sao trái thói người ta,
Xui phong-lưu ấy nay đã thoảng đâu. 倘
~~395~~ Biết thế vậy, dễ hầu sao được, 385
~~395~~ Thiếp tiếc than sau trước vì chàng.
Kìa thì nội lục uyên-ương,
405 Kiếp đành chẳng nghĩ phân-trương khi nào.
Nọ đôi én lầu cao cung quyến,
~~400~~ Đầu bạc lông bịn-rịn chẳng rời. ~~(...)~~ (390 ng: 㧌涑 (→坤䊚) 鴞→䳜)
401+402 ~~3...~~ Chim ~~quyên~~ ~~kiên~~ Kiêm chắp cánh liền bay,
~~Lưỡi bay liền lý, sen hay tình đầu~~
~~3..~~ 403-404

412+

416

41

42

42

B

Liễu truyền nay có nơi liên-lý,
Sen cũng thì nở nhụy đôi hoa.
Nhân-sinh sao nỡ cũng xa,
Than trong vật-loại khéo là đường kia.
Thân ước gì chim trời liền cánh, chước 酌 → 約
Cũng đất kia cây sánh mọc liền.
Thà cũng được thấy Cửu-tuyền,
Chẳng kham li-biệt ở miền trần-gian.
Đã hay toan Cửu-tuyền cùng thấy,
Sao bằng nơi trần-thế cùng nhau.
Ước sao cũng tuổi chưa nhiều,
Thân ~~giữ~~ (triền) làm bóng dập-dìu ở chân. 纏

C

Liễu hay liên-lý, sen hay tịnh-đầu.
Phận nhân-sinh vì đâu diệu-vợi,
Sao chẳng cùng vật-loại suy xem.
Sao cho liền cánh như chim;
Như cây liền gốc, đềm-êm một bề. 恬
Vì xui kiếp hợp ly bất-định,
Thà xin làm hình ảnh theo chàng. 時
~~Chàng đi nương bóng lưu-quang~~

B

Bóng được gần, thuở chàng xa bước,
Chàng ý quang, thiếp được như nguyền.
Chàng hứa quốc, thiếp lòng bền,
Chàng ~~nguyện~~ pha ải tía, thiếp kên [illegible] sắt đanh   頗 鎊
Đời đã đánh ~~Nguyệt-chi~~ Nhục-chi đầu nọ,
Máu Thiền-vu khát có làm ~~trà~~ chè.
Hạnh cùng dan-díu cửa xe,
Lão-thiên kia lại vỗ-về nam-nhi.
Trời giúp uy trong trăm trận đánh,
Nghĩa trường-khu dẹp tĩnh ~~bắc~~ Quan-đông   北→関
Bến truyền đông bắc sạch không,
Thiên-sơn sớm thấy treo cung khắc giờ.
Cuốn ngọn cờ, giã trăng cửa ải,
~~Người~~ Hát khải-ca nẻo trái sóc-phong.   歆→歌?
Yên-sơn thơ tạc dõng-dõng,
Dâng đầu Hiệt-lợi chín trùng Vị-ương   頡利

C

Chàng du nương bóng lưu-quang,
Thiếp đành chí ước vẹn-vang phỉ-nguyền.
Nguyền ra tay phù nghiêng chữa lệch,
Đan là lòng, thiết-thạch là gan.
Thiền-vu mất khiếp hồn tan,
Máu chan làm nước, thịt bàn làm cơm   盘
Chí tang bồng đã cam nặng-nổ,
Mày lòng trời cũng hộ anh-hùng.   眉
Anh-hùng trăm trận ~~thành~~ nên công,
Tì-hưu thẳng đuổi, kiến ong quét trừ.
Ải đông bắc sạch lũ tên đái,   炸
Nguyệt non Trời cũng đã gác giờ.
Non Yên thích đá đề thơ,
Cung Lương hiến hoạc tạng nhờ (Khong khen).   泇 啌

Aroì ?

B

Cung Vĩ-ương rỡ-ràng chiếu ngọc,
Rửa mũi đồng mượn nước sông Ngân.
Bình-Hoài tiếng sảng từ-nhân, 平淮
Ca không nhạc-phủ tiếng lẫn Hán-dao.
Tầng tháp cao, Lăng-yên mây kẻ,
Vách Kỳ-lân đạm vẽ Hoắc Điêu.
Khoán vàng ghi sánh cờ mao,
Hương ~~dây~~ rỡ thê tử, phấn bêu triều đình. 淶𩦲
Thiếp Lại-linh ~~hơn~~ đấu làm Tô-nữ, 瑰→兜 蠡冷
Chàng Lạc-dương cũng dự tài-~~nam~~ trai
Ấn vàng đeo thuở qui-lai,
~~Thịch~~ Bất-hạ cờ chẳng học ai đâu là. 丕→不
Áo chinh là xin chàng mau cởi,
Chén rượu hà [qui] gối kính dưa. đạt

C

Tòa Thiên-triều, chữ trung bộc-bạch,
Nước duềnh Ngân rửa sạch cung đao.
Chép ghi ban-từ Hán-dao,
Tưng-bừng nhạc-phủ, xôn-xao từ-đàn. 詞壇
Động giời đất, danh ran Tấn Hoắc,
Rỡ đến Yên, rạng gác Kỳ-lân.
Mâu-tử phong thưởng, vinh thân, 茅苴
Vợ con đều được gội nhuần móc sa.
Thiếp danh chẳng Tô-gia sĩ-phụ,
Chàng vả làm Lạc-thổ hảo-nhi. 洛土
Ấn vàng rỡ-rỡ đeo về,
Trên không chẳng xuống, sá gì chàng Vương.
Áo chiến-giáp đỡ chàng xin cởi,
Chén tiễn-hà thay đổi xin dâng.

B

Vì chàng tóc ~~bỏ~~ mượt chải ~~thảo~~ thưa,
Vì chàng phấn ngọc sớm trưa điểm dồi.
Lấy chàng ~~xem~~ coi (~~xem~~) khăn xưa quẹn tủi, 袺襛 (vần)
Bức cựu-tình dở-dói chàng nghe.
Cựu-từ sánh với tân-đề,
Động bề mới cũ, giải bề tỉnh say.
sai Chén bớt đầy lại châm vặp-vặp,
Tháp liền cao nối chặp ca oanh.
Rượu ~~đừng~~ chuốc rượu Bồ-thanh, 渇
Ca trong Tử-lưu thì kềnh mấy thiên. 騒諒
Hát đong-liền, cùng châm cửu-tẩn, 酙
Lại cùng chàng kể phận duyên xưa.
sai ~~Chỉ trời~~ Đến ngày già, kết bối tơ, 指忝
Công danh ~~ngày~~ bõ thuở sinh sơ, trót rồi. 時
Cùng đan tay ở đời bình-thái,

C

Điểm trang sắm-sửa tưng-bừng,
Phấn Yên phúc-phúc, mây Tần phê-phê.
Khăn cựu-lệ đành khi chàng ngắm,
Tờ cựu-chương mấy tấm chàng hay.
Tờ cũ thơ mới đặt bày,
Ca dâng khúc ngọc, rượu đầy chén trân.
Tờ đó dắt mối nhân-duyên cũ,
sai Đũa nọ dõi sánh thuở ~~trời~~ ngày già. 忝
Công danh đến thuở lú già,
Ngao-du ngày tháng, nhởn-nha thái-bình.

B

~~[illegible]~~ Đời thái-bình xin hãy chỉ qua.

475 Vì-dù hẳn vậy thay là,

" ~~468~~ Ấy trong li-biệt thiếp hoà gương tươi.

Mong người lời, thuở nào hầu thấy; 495

477 ~~470~~ ~~[illegible]~~ «Than trượng-phu đường ấy hợp nên.» ~~496~~

C

đám ? Đời thái-bình rõ-ràng lặng-lẽ,

475 Đường ấy thì thiếp-lệ giám sao.

Hội-kỳ ~~[illegible]~~ lời dự gửi trao; [illegible]

477 ~~470~~ «Trượng-phu đường ấy mới cao mới tài.» 440

Chinh-phụ ngâm (I)

Trên trời dưới đất bụi bay,
Mà hồng phận bạc đắng cay nhiều bề
3 Vời-vợi kia ngõ hay chăng tá;*
» Ấy vì ai tạo-hoá nhân-duyên?
Tràng-~~thành~~ án trống ~~t~~ giục vang rền, 城
5 Cam-tuyền mây vẩn, khói liền lửa phong.
Thanh gươm chống bệ rồng rậy-rực, [illegible]
Hịch nửa đêm tức-khắc truyền ra.
Ba trăm năm vận thái-hòa,
Nhung-y từ ấy mặc ta võ-thần.
10 Chốn thiên-môn lệnh quân sớm giống;
Kẻ hành-nhân phép trọng tình khinh.
Cung-tên mang-mể ~~bên~~ 𨉟 sau mình 搖揲
Phất qua tay áo, giã tình thất-gia.
Cờ phới-phới, buồn ra cửa ải,
15 Trống ầm-ầm, giận phải xa ~~quán~~ quê.
Giận vì nông-nổi phân-huề,
Buồn vì khế-khoát lòng kia nhủ vò.

cửa? Chàng hai mươi, cửa Ngô đang láu, 老
~~N~~ Nép bút nghiên theo dấu đao-cung. [illegible]

D

20 Liên-thành đem tiến Cửu-trùng,
Hin cầm ba-thước trữ hung cõi ngoài.
Chí da ngựa làm trai muôn dặm,
Gieo Thái-sơn bằng ném lông hồng. 恍
Giã nhà đi việc tùng-nhung.
25 Gió đoài đưa vọt sang sông Vị-kiều.

Đầu cầu Vị trong veo nước suối;
Nước suối trong, cũng lối cỏ tươi,
28 Ấy là những chốn đưa người,
» Đưa người chốn ấy bời-bời lòng đây.
29 Khi Chàng ruổi bụi mây hăm-hở,
» Giận chẳng bằng vó ngựa Chàng pho.
30 Khi Chàng lặn suối xuống đò,
» Giận không bằng chiếc tiểu-chu Chàng ngồi.
Xanh-xanh có nước ngòi tướm-tướp, 汁汁 ?
Khôn rửa sạo lòng thiếp sầu tây.
Xanh-xanh bãi cỏ non dày,
Thỏm sao cho thiếp được khuây tấc lòng.
35 Nói lại nói, ca không mấy khúc,
Một bước đi một bước dan tay.
Theo Chàng, lòng thiếp trăng nay,
Lòng Chàng muôn dặm tên bay non ~~đoài~~ trời.

D

Trước tiền thôi, Long-tuyền rút múa,
Giáo, hầm-hầm thẳng trỏ kia ngăn.
Rằng theo kẻ lưới Lâu-lan,
Man-khê nức tới, sự bàn Phục-ba.
Áo Chàng mặc, tàn pha thắm ~~cháy~~ chói,
Bạch-tuyết in ngựa cưỡi đành-hanh.
Ngựa đành-hanh, nhạc long-lanh,
Chiêng khêu, trống giọng giục-đình người đi. 遥程
Mặt nhìn mặt đang khi tất-tả,
giây? Trong phút dây đường đã chia đôi.
Đường chia từ đấy mà thôi,
Bên đường luống những bồi-hồi đứng trông.
Buồn đứng trông cờ hồng phơi-phới,
Bác tiền-xa, tây mới kỵ-binh.
Ấn đeo, Chàng đã ra thành,
Liễu-dương khôn thấu tâm-tình xót-xa.
Đường thăm-thẳm chiêng đà xa giọng,
Bóng cờ đi xem cũng vội-vàng. rộn-ràng
Trông đi, chàng đã giã nàng, 矣
Trông về, thiếp cũng nhớ Chàng như nhau. 娘
Chàng đi đấy bao dầu sương gió,
Thiếp về đây buồng cũ bấy-lâu.
Đi về đôi ngả trông nhau,
Kia khơi non biếc, nọ sâu nước vàng

P

Thiếp trông Chàng Ham-dương bên ấy,
Chàng cũng trông khi đấy Tiêu-tương.
Khói cao ~~ngất~~ khuất cõi Ham-dương,
Cõi Ham-dương cũng mơ-màng sông ~~Tương~~ Tiêu
Trông nhau chẳng thấy nhau, ngán nỗi,
Ngắt xanh-xanh kìa nội ngàn dâu.
Ngàn dâu kia hỡi ngàn dâu!
Lòng Chàng dạ thiếp hay đâu ngắn dài.
Nhớ từ thuở <u>diễn-khởi</u> sương-gió
Lúc bóng trăng chàng ngủ <u>đâu ta</u>?
Xưa nay mấy đám can-qua,
Trải muôn dặm thấy nóc nhà là đâu.
[faint] Gió ngùn ngụt người sầu mặt ủ
[faint] Ngựa dừng chân nhớ sợ nước sâu.
Quân canh bãi cát <u>dải-dầu</u>,
Ôm yên đành ngủ đêm <u>thâu</u> đất rừng.
Nay Hán đóng Bạch-đằng thành ấy,
Mai Hồ <u>dồn</u> Thanh-hải khúc nao?
Non ngàn Thanh-hải thấp cao,
Núi kia lại có <u>chắn rào</u> mấy khe.
Trên núi ấy đầu che hơi tuyết,
Dưới khe kia gió rét dầm-dề.
Khá thương những kẻ nhung y,
Mặt sầu khi ấy lòng về dễ khuây.

D

Trong màn gấm vua hay chăng nhé?
Gian-nan kia ai vẽ cho nên.
90 Tưởng chàng những lối đi quen;
Chẳng thôn ải vắng, thì miền bể khơi;
92,93 Nơi thôn điếm, và nơi khu-lạc,
94,95 Trong ~~tuyết~~ gió sương, tuyết bạc, giá căm.
Lên cao thả bước xuống thăm,
Tưởng chừng biên-thú đăm-đăm tấc lòng.
Nẻo từ thuở đông-nam ra đấy
Biết đông-nam chàng trẩy đạo nào.
100 Xưa nay mấy kẻ binh-đao
Mệnh người như thể bông lau chẳng bằng.
102 Khi phong-nhận bừng-bừng buổng xuống,
» Cấp gấm bông, mình trọng ơn vua.
103 Phút trong thời-khắc ư-ư,
» Ngang đồng mấy kẻ chinh-phu được toàn.
Trăng in mả Kỳ-sơn xế-xế,
105 Gió cuốn sông Phì-thủy đìu-hiu.
Đìu-hiu gió thổi hồn phiêu,
Trăng kia xế-xế tỏ miều chinh-nhân.
Miều chinh-nhân, truyền-thần mấy nỗi,
Hồn kẻ phiêu, tiếng hỏi những ai.
110 Khá thương bờ-cõi chông gai,
Hành-nhân qua đấy quan-hoài dường bao.

D

Xưa nay trẩy được vào mấy ~~kẻ~~ gã,
Thuở đi về đầu đã hoa mai.
Tưởng Chàng giong-ruổi cõi ngoài,
115 Trên nương ba thước, dưới ngồi một yên.
116,7 Gió bay cờ, trăng xuyên non tái,
118,9 Trải mấy phen gươm hãy cầm-quyền.
120 Công-danh hai chữ mảng rền,
Những là lao-khổ, chưa phen an-nhàn.
Lao hay nhàn, ai bàn cho đấy.
Chàng bên trời, thiếp cậy song mây.
Song mây phận thiếp ngày rày,
125 Bên trời chàng với bấy-nay bao giờ.
Với bấy nay thủy-ngư tương ước,
Phận ngày rày ~~cá~~ mấy nước bao khăm. cá (sói)
Ai ngờ thân thiếp bắc nam,
Thân chàng xưa há học làm họ ~~Trương~~.
130 Chỉ nên nỗi đa-mang nam bắc,
Bận lòng kia thắc-mắc hôm mai.
Một bên niên thiếu đang trai,
Một bên đang gái cũng loài thiếu-niên.
Ngán thay nỗi đôi bên niên thiếu,
135 Nghìn dặm xa đều chịu hàn-huyên.
Nhớ từ Chàng biệt-tiễn duyên,
Liễu kia nghe chửa tiếng rền hoàng-~~oanh~~ li.

160 D

D

Hỏi Chàng độ hồi-~~trình~~ quy bao tá, quy
Chàng ước cho sang hạ quyên đề.
Nay quyên già đã theo lìa,
Trước lầu thanh-liễu ủ-ỷ kêu vang.
Nhớ từ thiếp cùng Chàng tương-biệt,
Hoa tuyết-mai chưa biết đông-quân.
~~Chàng rằng: "Phỏng độ sang xuân,~~
Hỏi Chàng nào độ rút quân?
Chàng rằng phỏng độ sang xuân đào hồng.
Bông đào đã đông-phong quyến rủ, gió
Mai già thôi lại có phù-dung.
bỏ câu thất / [— Chàng với thiếp đã xong lời ước
Ước đến kỳ ra rước Lũng-tây.
Chốc-mòng đứng đã nửa ngày,
Bao nhiêu lá rụng cài đầy trên trâm.
Đứng đợi luống đăm-đăm dọt ngọc,
Mái hoang-thôn eo-óc chim trưa.
Cùng ta có hẹn phải chưa?
Dương-kiều cứ ước ra chờ hỏi thăm.
Ngày đã hôm tiếng-tăm vắng thấy,
Gió cốc-phong bay phẩy áo bào.
đào? Đứng chờ dọt ngọc tuôn dào
Hàn-giang bạn tối sóng giào nước dâng

9

D

Tin năm trước đã từng gắn bó,
Đến năm nay lại có tin sang.
Tin sang người chửa thấy sang,
lã-chã ? Hoa dương lã-chã mờ-màng rêu đen.
Rêu đen lại rêu đen mấy lúc,
Một bước đi trăm giục lòng lo.
Năm xưa thư đã hẹn-hò,
Năm nay thư lại gửi cho ngày về.
4 lục / bát]Thư về người chửa thấy về,
Song ~~Song~~ the vắng-vẻ lần xê bóng tà.
Bóng tà lại bóng tà đợi buổi,
Mười nguyền sao chín lỗi sai ngoa!
Tính từ ngày mới bước ra,
Đến rày tiền súng đã ba đúc rồi.
Chẳng hay kẻ diễn-khơi ai thắm,
Chẳng hay người muôn dặm hoàng-vân. ?
Hoàng-vân ai chẳng lao-thân,
Ải kia ai chẳng phụ-nhân ở nhà.
Có lao-thân nỡ xa dưới gối,
Có phụ-nhân nỡ đợi phòng hương.
Mẹ già đầu bạc như sương,
Con thơ trẻ-mỏ con đương hai-đề
Mẹ vò-võ đợi khi nương cửa,
Con u-ơ cơm bữa con nhai.

D

Nuôi già, thiếp phải làm trai,
185 Dạy ~~Dạy~~ con, thiếp phải ra bài làm cha.
Một mình ấy nuôi già dạy trẻ,
Thiếp mong Chàng đã kể bao-lâu.
Mong Chàng ngày trước đã thâu,
Mong Chàng rày lại kể hầu hết năm.
190 Chàng sao diễn xa-xăm nấn-ná,
» Hai ba năm lại cả bốn năm.
191 Thiếp thì luống những âm-thầm,
» Kể nghìn, kể vạn, kể trăm mối sầu.
Chước nào được lòng dầu sớm muối,
Thiếp dãi-bày nông-nỗi chàng hay.
Hán-thoa của thiếp đeo tay,
195 Giữ từ đính-giá đến rày bo-bo.
Cậy ai ~~giữ~~ đấy gửi cho Quân-tử,
Ngõ thỏa lòng tưởng nhớ xưa sau.
Gương này là của Tần-lâu,
Cùng Chàng xưa đã sánh đầu soi chung.
200 Cậy ai đấy gửi cùng Quân-tử,
Để biết cho rày ở một mình.
202/3 Chỉ-ngân của thiếp sầu tình,
204/5 Cậy đưa cho đấy thấu tình đấy với.
206/7 Bao đầu của thiếp chơi nằm bé,
208/9 Cậy gửi cho họa để giữ-trẻ

9.

210 Ngày xưa tin tức có đưa, 鳥 → 息
Rày tin đã vắng mà tờ cũng không.
Thấy con nhạn tưởng phong thư lụa,
Lắng chập ngâm lại giở chăn bông.
Gió đưa khôn mượn sức hồng,
215 Bên trời chạnh kẻ mịt-mùng tuyết mưa.
Tuyết giá nhỉ! rằng ủa trướng hổ
Mưa lạnh thay! ủa thủ man lang. [illegible] → 狼
Bời-bời gió lạnh sao đang,
Ngoài trời chốn ấy khá thương những người.
220 Thư chữ gấm phong thôi lại mở;
Bói tiền gieo nửa ngờ nửa tin.
Mấy hôm đứng vò ngoài hiên,
223 Mấy đêm nguyệt, rủ tóc bên gối vàng.
226 Trâm lỏng-lẻo tóc hương biếng-buộc,
Quần lôi-thôi, gầy-guộc mình ve.
Ngày chầy thất-thẳng bên hè,
Rèm tương dàu-dạu quyển thùy mặc ai.
230 Ngoài rèm hé thỏ-ỏ bóng nắng,
" Dấu canh trông thước vắng đem tin.
231 Trong rèm ngồi chực đêm thìn,
" Bao nhiêu tâm-sự phó đèn mặc hay.
Đèn dù hay, chẳng hay cũng chớ,
Thiếp nhớ chàng một nhớ mà thôi.

D

Nhớ-nhung tiếng gió khúc-nhôi,
Hoa đèn với bóng bồi-hồi khá thương.
Tiếng gà gáy rậy-ràng thâu sáng,
Bóng hoè bay thấp-thoáng bên thềm.
Bể sầu vơi đã lại thêm,
Nhẫn trong một khắc bằng xem năm tròn.
Gượng đốt hương, hoa-hồn đã nhạc,
Gượng soi gương, đũa ngọc sụt-sùi.
Sợ cầm thì phím toan rời;
Gượng toan gảy sắt, lại ~~thôi~~ tối dây uyên.
Sự nầy, thế gửi tin cho gió,
Nghìn vàng xin đến thú Yên-nhiên.
Yên-nhiên song cũng khôn truyền, rưng
Nhớ chàng chốn ấy đường lên bằng trời.
Trời cao chưa dễ thấu với,
Nhớ chàng dỗi-dỗi khúc-nhôi nào cùng.
Chốn nhớ người cùng trong tri-kỷ,
251, 2 Cây sương pha, tiếng dế mưa cây
Búa sương bổ gốc liễu gầy
Cưa mưa xẻ héo cành cây ngô đồng
255, 6 Chim về tổ [illegible] thông [illegible] rừng
257, 8 Dế bên thềm, chuông giọng chùa xa.
Dế ngâm đưa tiếng dọt nhà,
Một sân tàu lá ta-tá gió chong 𢬣

D

Gió lọt cửa lạnh-lùng trong trướng,
Nguyệt đưa hoa thấp-thoáng lên lưng.
Trước hoa trăng rạng vẻ lồng,
Dưới trăng hoa nở sắc hồng mặc hoa.
265 Trăng với hoa, trăng hoa lẫn bóng,
Trông trăng hoa, lòng cũng dàu-dàu.
267 Kể ra nghìn nỗi buồn rầu,
» Kể ra muôn nỗi âu-sầu ngang cung.
268 Buồn biếng giở nữ-công thắc-mắc,
» Khung gấm, kinh đối ~~d~~ dệt chim con.
269 Buồn rầu biếng giở khéo-khôn,
» Kim xuyên cánh bướm, lại chồn so-le.
270 Biếng giồi điểm, phấn se đòi bữa;
Biếng nói năng tựa cửa qua ngày.
Tựa cửa này, tựa cửa này!
Lang-quân vắng đấy về mây cho ai?
Cực vì ai đội cơn bối-rối;
275 Tưởng trông Chàng cách đội ải sông
276 Khác nào như khách Hà-đông
» Mùa thu là-chả khóc sông Ngân-hà
277 Khác nào ả Hằng-nga vợ Nghệ,
» Cung Quảng-hàn vắng-vẻ đêm sương.
Lấy sầu làm gối mà nương,
Lấy sầu mà nấu làm thường bữa ăn.
buồn

D

Sầu mượn rượu, rượu càng ~~cu~~ vô-dụng,
Buồn mượn hoa, hoa cũng ủ màu.
Buồn sầu, lệ nữa buồn sầu,
Buồn sầu có suối ở đâu dưới này.
Thử sanh quỳnh chẳng hay thấy tiếng,
Gạo đàn tranh lại biếng chẳng chong.
Nhớ người viễn khách đường trùng,
Chạnh người vương-sự, gánh-gồng lẻ-loi.
~~Chuốc~~ Quyên Khắc-Khoải kêu rơi dọt ngọc,
Cháy gan buồn, trống giục đổi thôi.
Chẳng tiếng duyên-phận ngậm-ngùi,
Sao hay cách-diễn những mùi chua cay.
Mùi chua lại mùi cay ghê nữa,
Chua cay nầy duyên-cớ vì chàng.
Vì chàng lệ thiếp đôi hàng,
Vì chàng thân thiếp đêm trường lẻ-loi.
Thân thiếp chẳng tới nơi chinh-chiến,
Lệ thiếp nào nhuốm đến chinh-cân.
Đến chàng, cậy giấc mộng xuân,
Đêm đêm qua chốn ~~Dương~~ giang-tân tìm chàng. 揚 → 江
Khi tìm chàng đài-dương bên ~~ấy~~ nấy,
Khi gặp chàng nẻo ấy Hà-tân.
Tưởng xem được gặp mấy lần,
Đều là chếch gối ~~trong~~ đêm xuân mơ mang 竜身?

D

Gian thân ấy chẳng bằng giấc mộng,
305 Được theo Chàng nước Lũng non Quan.
sai Giấc đi, sợ động lại tan,
Giấc về lại sợ chập-chờn như không.
~~Bui~~ Cây còn mộng tấm lòng đeo-đẳng,
Trong ~~bấy~~ phút giờ chẳng khứng lìa Chàng.
310 Chẳng lìa mà chẳng thấy Chàng,
Lên lầu mấy lúc phảng-chừng xa trông.
312,3 Trông Chàng, thấy bên sông bến nước
314,5 Hanh cỏ Yên, cùng lược dâu Tần.
Miền nam nửa những binh-trần,
Bãi bằng ác xế kéo quân đàn cò. 墢、堽
318,9 Trông Chàng, thấy trường-đồ diễn khúc,
320,1 Cây Ngô, mà núi Thục xanh-xanh.
~~Nam~~ Bắc kia ~~tro~~ lửa nửa hoang-thành,
? illisible Giang lâu mưa bụi dẹp-dềnh mưa = mái
324,5 Trông chàng, thấy non phai đồng lá,
mại dã? 326,7 Rời đưa bay, mai dã xđôm bông
Khói phong ngất thẳm phương đông,
Gió thu tơi tả, quạn lòng chim kêu.
330,1 Trông chàng thấy sông theo khúc uốn,
332,3 Chim trên không, buồm cuốn dầu đơi.
Thông già, thu cỗi rừng đoài,
335 Người đi thấp-thoáng cách vời bãi Thương

4

Trông đã khắp bốn phương trời đất
Chốn Ngọc-quan còn ngất phương nào?
Giận mình chẳng biết chước nào,
Bừa thu được đất, khấn gieo nên cầu.
Những sầu-vò lòng lâu hóa rắn,
Trông đã no cũng nản lên lầu.
Đoái trông bờ liễu sắc rầu,
Trách ai tìm ấn phong hầu làm chi!
Ngoài nghìn dặm đã lìa thôn ấp,
Lòng Chàng bằng lòng thiếp nầy không?
Được như lòng thiếp một lòng,
Thiếp thôi cũng chẳng trách chồng làm chi.
Lòng thiếp vốn hoa quì hướng nhật,
Lệ lòng Chàng, thấm-thoắt bóng dương.
Bóng dương đã xế khôn rằng,
Hoa quì phải bóng lại vàng đời thôi.
Hoa đã vàng với ai vui-vẻ,
trần? Bóng dương ~~tăn~~ trần đã xế khôn ~~lai~~ lôi.
Bóng kia chẳng vị hoa lui,
Hoa vàng lại phải bóng trôi, hoa già.
hay. Hoa đã già rụng ra đầy dẫy.
Hoa rụng xem đã mấy hương nay.
Lan sân ~~hai~~ ngắt đã có ngày,
Tảo ~~kia~~ sông kia cũng thơm thay đến thì.

D

Khi cắp áo bên hè tản bộ,
Ngửa trông lên sửa-sửa về trời
365, 366 Mấy ~~tầng~~ rằng, bóng Đẩu xoay chuôi,
363, 4 Điển khơi Hán-thủy, rạng soi Khuê-triền.
367 Trong giường trúc trăng in chấp-chới,
Triện hương nghe gió thổi tơi-bời.
Má hồng một tuổi một ôi Khởi?
370 Trượng-phu sao vẫn cõi ngoài xa-xôi?
Xưa kia ấy, chẳng dời hình ảnh,
Rày bỗng sao hoá cách Sâm Thương.
Mấy tuần quân ký theo chàng,
Rêu lan Hưởng-điệp lá lăng thiếp nường.
375 Xuân trong lạng, gió tăng bao ná.
Thời-tiết lành bỏ qua khăm thương.
377 Thời-tiết lành, gió đông-hoàng,
» Kìa duyên Nhạc-tể Điều-hoàng sánh đua.
378 Thời-tiết lành trăng thu tháng bảy,
» Bỹ Nữ Ngưu được thấy Ngân-hà.
Xưa thì làm ả ở nhà,
380 Nay thì làm vợ đồng-gia vắng chồng.
? Khi phong vàng, khi trông vò-võ,
Lần năm năm đợi phụ tiết lành,
Tiết lành mảng nhớ thoi oanh,
Nhân-sinh bao ná xuân-xanh mà già.

395

400

D

385 Chẳng huống là giận sầu đắp-đổi,
Ít nỗi vui, nhiều nỗi ~~chua~~ cay chua.
[[Giận kia, sầu nọ xoa-vò,
Xanh-xanh (bồ-liễu được hồ, bao-lâu. cầm
389 Khi tưởng những âu-sầu thương-tiếc,
» Khi ngồi suông, một việc thở-than
392, 3 Tiếc kìa, hoa lẫy làm nhan,
394,5 Than kia, lại lấy bóng tàn làm qua.
~~392,3~~ Than vì nỗi đàn-bà phận bạc,
Tiếc vì hoa tuổi tác lần-la.
Gác hương nhớ nỗi cười hoa,
Dầu hoa nhớ nỗi buồng lạ sực hương.
400 Lần lần nhẽ hẹp đường ăn-ở.
sai, Nỗi hoa-hương rày đã hang sâu.
Hang sâu khôn lẽ kêu đâu,
Những câu than thiếp là câu than chàng.
Chàng chẳng thấy uyên-ương ngoài đã,
405 Giữ một lòng hề nỡ chia đôi.
Lại chẳng thấy đâu hồi đôi yến,
Dẫu bạc đầu cũng quyến chẳng lìa.
408, 10 Khiêm, cung, là vật biết chi,
409, 11. Giống thì liền cánh, giống thì theo đuôi.
Liễu bên dưới vẫn có hồi liền thờ
Sen trong ao, còn thuở tình-đầu

D

Người ta sao nỡ xa nhau
So xem tạo-vật cỏ-mầu buồng than.
Ước được làm chim liền đôi cánh,
419 Lại được làm liền ngành như cây.
Nghĩ rằng được thấy là hay,
? (Những khi ~~tiếc~~ thấy, tiếc chẳng vậy cùng ~~nhau~~. ?
424,5 Chàng với thiếp tuổi già còn giống,
426 Thiếp cũng xin làm bóng theo Chàng
Chàng đi thì bóng bên đường
Chàng đi chốn sáng, thiếp càng muốn ~~xin~~ mong
Xin Chàng hãy bền lòng vực nước, 城 → 域
430 Xin mình Chàng nắng sức đảm-đang.
Dầu Nhục-chi, ấy bữa thường,
Máu Thuyền-vu, ấy làm thang qua ngày.
May nào máy vần-xoay cảm-ứng,
Lòng trời kia cũng chứng anh-hùng.
435 Chứng cho trăm trận nên công,
Ruổi dong bốn phía Quan-đông vang lừng.
Quan-đông bằng thôi đừng tin-tức,
sai / Núi Vĩ-dấu tức-khắc treo cung.
Trăng kia, cờ tiệp giá xong,
440 Gió kia từ biệt, ca không về liền. ✱
Đá Yên-nhiên một thiên thơ khắc,
Cung Vĩ-ương mấy quác đem tâu.

D

Vị-tướng cung ấy lên chầu,
Nước sông rửa sạch cung đao

?

Dấu kia danh-giá gác Lăng,
Hoặc kia thơm để bảng-vàng Kỳ-lân
Rở trời đất công-huân ghi-tạc,
Ơn nhà vua, phúc-lộc dồi-dào.
453 Thiếp không như vợ Tô nào,
Mà chàng cũng đứng anh-hào lạc-đường.
Đi về được thấy ấn vàng,
Có đâu làm thói trễ tràng cho nên.
Xui vì Chàng cởi yên,
Xui vì Chàng mang rót chén hà
Vì chàng chải tóc mượt-mà,
Vì chàng trang-điểm mầu da mỡ-màng.

Chinh-phụ-ngâm (E) E

Bạch-liên-am họ Nguyễn soạn
(ở làng Trung-nghĩa, huyện Gia-lâm)

Âu vàng vững đặt giữa trời,
Chính trong tóm một, việc ngoài vẹn muôn. (義)
Ngu-đình bởi giận Miêu-ngoan, 虞庭苗頑
Dương khởi hàn-cốc, cỏ lan Động-đình. 阳寒谷 洞庭
dậy? Dấy xe khiến tướng vu chinh, 于征
Trước đàn gươm ấn, ngoài thành cung tên.
Việt đồng chen lối bút nghiên,
Gần vâng tiếng ngọc, xa truyền thư rao. 挬→哰.
Dưới mây phấp-phới ngọn đào,
Non gầm sóng giận, bể giao gió uy. 潮
Công-danh mừng đã phải thì, (時)
Đám? Giám đâu dở nỗi phòng-vi bận lòng. 幃
Thuyền-quyên may gặp anh-hùng,
Tảo-tần phận gái, tang-bồng chí trai.
~~Lang khá muốn dặn cõi ngoài~~

(~~E~~)(F)

F

Long phi chăm-chắm ngôi trời,
Sửa trong chính-giáo, dẹp ngoài đế-phong. 提封
dậy? Dấy xe nảy việc đồng-nhung,
Cõi bề săm động, hịch lòng sao truyền.
Trượng-phu nắng-nỏ cung tên,
Chăm bề quốc-sự, gác bên khuê-tình.
Vĩ-kiều giục thuở đăng trình,
Nước xanh lai-láng, cỏ xanh rậm-rầu. 甚油
Tiễn đưa treo một gánh sầu,
Con thuyền nặng chở, vó câu nhẹ bốn. 蹥
bảo? Cẩm-bảo ~~đàm-đọt~~ (đùi-đụt) nỉ-non, (吚唹)→嘆?
Gót vàng còn bận, chén son nỡ lìa.

E

Song khi muôn dặm cõi ngoài,
Bình-ninh hai chữ làm lời tiễn nhau. 平寧
Vị? ~~Ngập~~ nhận-ngừng bể quế Vị-cầu, 渭橋 (吸汔)
Lệ đầy chén nghĩa, sầu treo gánh tình.
Tiếng xe sớm ~~gần~~ ruổi? trường-đình,
(buông) Ngựa ~~bỗng~~ đường thẳng, thuyền thênh khúc dồi. (攬 buông) 油(澗)
Người cung Quế, khách Trường-an,
Lâm-kỳ có kẻ từng cơn đoạn-trường. 臨岐
Ngậm ngùi bể khói, ngàn sương.
Gót hoa ngần-ngại bến đường thất-kho. 失初
Nỗi mình ngơ-ngẩn ngẩn-ngơ,
Tiếng điều văng-vẳng, bóng cờ xa-xa.
Vọng-phu non thẳm, nguyệt tà,
Cỏ bay man-mác, sương sa lạnh-lùng.
Tấc gang, xẩy đã mấy trùng,
Bâng-khuâng người lại, ngại-ngùng kẻ đi.

F

Ứng công-danh, quyết chí thề,
Lâu-lan bủa lưới, Man-khê tiêu đồng.
Long-tuyền một cán vẫy-vùng,
ngựa? Ngựa ô mấy quẹn, áo hồng sương xuyên.
Tấc gang, xẩy phút dặm nghìn,
Bến đường ngại kẻ bàng miền xót-xa. 悴
Lá cờ trông đã xa-xa,
Nào là Tế-liễu, nào là Trường-đường.
~~Dầu~~ Dầu-dầu ngọn khói, cành sương,
Liễu đường có thấu đoạn-trường nầy không?
Kẻ đi mưa gió mịt-mùng,
Kẻ về chăn-chiếu lạnh-lùng phòng hương.
Tấc niềm vò-võ đôi phương,
Hàm-dương chàng ngóng, Tiêu-tương thiếp ngừng.

F

Tuy chàng lần-lối ~~sơn~~ giang khê,
Bình-sinh chí đã nặng thề công-danh.
Trượng-phu gan sắt lòng đanh,
Lô-giang dầu nắng, Sái-thành dầu sương. 泸江 蔡城
Gót đầu cơm áo nhà vương,
dám? Cần-lao giám trễ phận thường tôi-con.
Sai nao phỉ chí bằng côn, 差尧, 鵬鯤
Ngũ-hồ một chén, ba non nửa vừng.
Sá chi cáo nội, hươu rừng,
Quyết buông ba sặt, cầm-giáng non trời. (箕 樸 扛)
Song khi trống đắng (?), chiêng hồi,
Nào người sửa gối, nào người nàng khâm. 襟
Chuông voi, nhạc ngựa sầm-sầm, (吟)
Khi ngồi cổ sói, khi nằm tổ sâu. (古瀛) (蝼) 孫

F

Tiêu-tương khói tỏa nghìn từng,
Hàm-dương cây cũng ngất chừng thẳm sâu.
Xanh-xanh nọ khóm ngàn dâu, 莢
Nỗi chàng nỗi thiếp ~~đ~~ đương sầu nhường bao. 挌
Cõi ngoài tiễ dặm âm-hao, 壒, 堠
Nước non chưa biết chốn nào ngự-nương.
Xưa nay ở áng chiến-trường,
Đã đành gối báo, nằm sương dãi-dầu.
Ít nhiều cơm ống, nước bầu,
Trạng chinh-phu ấy, ai hầu vẽ nên.
Cách chừng chướng-vụ, lam-yên, 障霧
Bến đường ngại kẻ bằng miền biết sao.
Đông lây tiễ trở ngọn đào,
Giong? Ruổi giong chưa biết trận nào thu công.

E

Thông reo, vượn hót, chim sầu,
Nhặt thưa hồi phách, khoan mau tiếng còi.
Thon-chon dưới rạch, trên đồi, (村真)
Gió đưa đi lại, trăng đồi chị lên.
Hổ mình phận bạc vô-duyên,
Chẳng theo chân ngựa, chẳng phen Á Hồng. (番)
Xưa nay mấy kẻ từng nhung,
Sương dầm cơn bấc, gió chong(?) lá cờ 拎 ?
Pha dầm tuyết, trở đường mơ,
Suối quanh khúc rắn, đá giờ tai mèo.
Bến ~~thao~~ lao(?) đạn lửa vi-veo, (摔)(?)
lũy? Sớm vin lũy đá, hôm trèo thang mây. (攀,踞)
Chinh-bào tướt-tướt (?) tới bay, (泄)
Giỏ (?) cơm, bầu nước, khi đầy, khi vơi. 箸 ((
Xiết đâu góc bể, bên trời,
Đói no ấm lạnh, ít người nhỏ to.

F

Xưa nay mấy kẻ anh-hùng,
Mũi tên hòn đạn, đột-xông những liều.
Bút nghiên đổi lấy cung đao,
Thuở vào ải Ngọc, chàng Siêu đã già.
Dưới cờ trên ngựa xông-pha,
Nỗi Chàng, nỗi thiếp ai hòa nhỏ to.
Thiếp đành nương cửa vò-vò,
Chàng sao lặn-lội trình-đồ cho quen?
Ngán thay cùng bạn thiếu-niên,
Quan-sơn nỡ để hàn-huyên bao đành.
Thuở ra, liễu chửa ~~trêu~~ chiêu oanh, 招 ?
Tiếng quyên rằng hẳn đinh-ninh độ về.
Bao ngờ quyên đã giục hè,
Ngày chầy ảnh-ỏi, cầm ve góc tường. 蟬 蜩

E

Gian-tân kể nỗi chinh-phu, 艱辛
Xuân hoa ngừng mắt, nguyệt thu nặng mày.
Càng làm khuây, lại chẳng khuây,
Lứt? Đoạn kia chưa giứt, nỗi này lại thêm.
Chếch mình nương cửa, hé rèm, (斜)
Ngày ngày ngán nỗi, đêm đêm buồn-rầu.
Có khi sửa nguyệt trên lầu, (數)
viễn-vông? Thay ai viễn-tự gởi sầu viễn-vông. (援)
Còn sao nắng sốt, đến chồng, 爣(燁)
Bây-giờ chấp-choạng trong phòng lửa teo. 烑烧, 焇
Có khi thác bức rèm treo,
Cầm đâu ve gẩy ban chiều ghẹo ai.
Còn sao rủ-rít tiểu đài, (哱 吃) 小大
Bây giờ lểnh-chểnh như rời phấn loan. (吟 旺)

F

Thuở ra, mai chưa chan sương, 滇
Hỏi kỳ, rằng hẳn độ sang đào hồng.
Bao ngờ đào đã tàn bông,
Mai già, thoắt đã phù-dung lại vừa.
Lũng-sầm khi đợi ban trưa,
~~Bon~~ Bốn bề thôn vắng, thọn giờ chim kêu. 論 陰
~~Hán~~-dương khi đợi ban chiều, 渭→漢
Hán-giang nước dấy, của triều phôi-pha. 陽→江
Thẩn-thơ tháng lọn ngày qua,
Lương-nhân vắng đấy ai là kẻ hay.
Chỉ-ngân, nhẫn thiếp đeo tay, 紙→指
Trâm đầu, ngọc thiếp xưa nay giữ-giàng.
Hán-soa, của thiếp hồi-trang,
Gương Tần của thiếp cũng chàng sơi chung.

E

Có khi ngồi ngắm sao tàn,
Bên tai phảng-phất ai bàn sự Ngâu.
Còn sao Ngân-hán bắc cầu,
Bây-giờ ô-thước biết đâu mà tìm.
Có khi gác quạnh dựng kim, (孕)
Tiếc hoa, lưới yến, dâu rèm bẵn-khoăn.
Còn sao bướm vẩn vườn xuân,
Bây-giờ non toả mây tần cách sông. (秦)
Một bề luống chực phòng không,
Hết mơ đêm diễn, thì mong ngày tròn.
Sự-tình ai kể nỉ-non,
Dở hờn có khách tiêu-hồn Đại-dương (悇懊)
Dương-đài lẩn quất mơ-màng,
Nhớ chàng bao-nả, xót chàng bấy-nhiêu. (包拿)
Xót vì nắng sớm, mưa chiều,
Há quen dầu-dãi ít nhiều mấy khi. 揖→涓
Nhẫn ngừng ca khúc "thái vi", 萊薇 (吸→嗯)
Thấy câu "vũ-tuyết phi-phi" càng buồn. 雨雪霏.
~~Khi nào chợp~~

F

Muộn ai đưa đấy cho cùng,
Cỏ lòng chếch-mác, ngụ lòng khát-khao.
Thấy hồng thì tưởng thư trao,
Nghe sương thì vội cầm-bào chăm-chăm.
Xót người viễn-thú xa-xăm,
Chăn chiên tuyết lọt, trướng hùm sương in.
Mở phong chữ gấm dời thiên,
Bói tiền gieo lại nửa tin, nửa ngờ.
thẫn? Hoàng-hôn trước chái thẫn-thờ, 引→矧.
Trăng tròn, gối chiếc, lần mơ giấc hoè.
búi Biếng cài, búi, rối dường xe, 貝→還. ?
lẻo Xiêm nghê lỏng-lẻo, mình ve võ-vàng.

E

Khi nào chớp bể, mưa nguồn,
Xót tiếng hương cũ, sầu tuôn khói trầm. (炪烨)
Khi nào nước dẫy, sương xâm, 浸
Lại chuyên ba chén ngân-châm giải phiền. 銀針
Tương-tư từng đợt tuôn lên,
Đài oanh biếng ngắm, xiêm tiên biếng cài.
Biếng ca, biếng thốt, biếng cười;
Than thầm với nguyệt, thở dài cùng hoa.
Nguyệt hoa xao-lảng khéo là,
Hoa dàu-dàu ủ, nguyệt tà-tà xê. 錘
Lâm thình cầm chén giã-đề, 瀉 饅漠
Lẫn-thẩn luống những bàn-mê thêm sầu.
Khi chàng dạm liễu, ngàn dâu,
Thiếp sao chẳng hoá long-câu cho gần. 龍駒.
Khi chàng bể Sở, sông Tần,
Thiếp sao chẳng hoá làm thân con thuyền.
Biết đâu thần-thỉ ước-nguyện,
~~Biết~~ Có chẳng trận gió đưa duyên gác Đằng.

lẵng?

F

Êm-nềm rủ bức ~~rèm~~ mành tương,
Ngày mong tin thước, đêm nương bóng đèn.
Gắng làm quên, lại chẳng quên,
Mối sầu nằm diễn, mạch phiền bể khơi.
Đài gương gắng ngắm ~~càng~~ khi rồi,
Thờ-ơ trâm ngọc, đổi-hồi mặt duềnh. (頹灰)
Lò vàng gượng đốt đêm thanh,
~~Trên hồi~~ Hồn tiêu mấy giống ~~tranh~~ vấn-vanh khói trầm. 隕
Gượng buồn mong gẩy khúc cầm,
Phím loan lai-láng, tri âm, lại ~~dừng~~ đình. 淶潮:
Gượng buồn mong gẩy khúc tranh,
Nước non sầu nặng e mành dây uyên. 萌

E

Hoạ là may nhẽ nào chăng?
Kẻo người viễn-thú trông chừng còn khơi.
rỉ ? Ninh-ninh tại ~~đã~~ rĩ mấy lời.
Sao bây giờ khéo như người giỡ trêu. (ơi?)
Thuả ra, sương kết lưỡi ~~hâu~~ hiểu, (鴶鶚)
Trễ ngày hoa rước, oanh kêu hẹn về. 擂
Nào hay nắng đã sầu ve,
Ve tàn, ~~đã~~ lại thấy so-le cánh nhàn.
Mà Chàng còn cách trùng-quan,
Cánh nhàn chỉ thấy thư tàn một phong.
Phong-phong, mở mở chạnh lòng,
Mấy dòng chữ gấm, mấy dòng hột châu.
No-nao ai tát bể sầu,
Kẻo còn dưới gác, trên lầu luống trông.
Trông Chàng đỉnh mía, rừng thông (楅)
Sương rầy quẹn lá, nắng lồng ửá hoa.

F

Niềm riêng khôn mượn gió truyền,
Càng phen xúc cảnh, càng phen động lòng.
Chiều cổ-thụ, dọt hàn-song, 寒牕
Đã dương búa tuyết, lại đồng cửa mưa. 楊桐
Sương bay sớm, ác về trưa,
Dế kêu kẽ vách, kểnh đưa chái nhà.
Phất-phơ ngọn chuối bàn tả, 茷?→菱
Trướng mai gió lọt, thềm hoa nguyệt lồng.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng-trùng,
~~Xót~~ [Tủi] hoa, thẹn nguyệt tấc lòng đăm-đăm. 悴
Chiều ai biếng chỉ, biếng châm,
Biếng giồi, biếng điểm, biếng ngâm, biếng cười.

E

Trông chàng bể biếc, sông sa, (沙)
Chim khởi mây giắc, buồm xa gió kéo. 撓, 擂.
Nỗi lòng tây liễu, đông đào,
Mười hai giờ có ~~giờ~~ khắc nào là quên.
Riêng thấy chẳng xót (?) thuyền-quyên 貞 浩
Nhạn sa ghẹo sớm, hoa đèn thủ khuya.
Những đèn cùng nhện đối thề,
Biết bao giờ thấy phượng về vân-trung. 雲中
Thảo nào có kẻ nhớ chồng,
Đang tay cái khách ghẹo lòng thêm hoa. 鶴
Lần lần tháng lọn ngày qua,
Phận là mưa bụi, phận là gió bay.
Mưa mưa, gió gió, mây mây,
Một mình vò-võ cảnh chầy biết sao.
Tưởng Chàng còn lúc chiêm-bao,
Đêm đêm ~~ghẹo~~ kẻo có giấc nào là êm. (淹)
Mai khi mưa dịu, gió êm, (枚)(奄)
Muộn hồn hồ-điệp bay tìm non Đồng.

F

Nương song thỏ vấn ~~than~~ thở dài,
Như nung gan sắt, như mài lòng son.
Giấc nào thẳng, bữa nào ngon,
Hâm sầu làm thuốc, nấu buồn làm thang. 娘→焙
Chơi hoa, hoa cũng bẽ-bàng,
Dã-dề cùng rượu, rượu càng lạt hơi. 沲湜
Vì chàng chiếc bóng lẻ-loi,
Vì Chàng đũa ngọc đụt-đùi đôi nau.
Trướng Chàng, nào thiếp đến đâu,
Khăn Chàng, nào thiếp nhuốm-thâu đọt nào.

E

Đương còn say tỉnh mơ-màng,
Bỗng đâu một tiếng hàn-chung quấy người. 人→㝵人
Nửa ngừng, nửa cũng nực cười,
Nỗi-niềm chưa nhẽ mượn hơi gió truyền.
Nửa giường đôi-đôi biếng nhìn
Chăn loan biếng ngủ (?), gối tiên nửa mòng [illegible]
Xiết bao tủi phấn, thẹn hồng,
Đan thanh phỏng vẽ nên lòng ấy chăng?
Nguyệt trăng-an hé nửa vừng,
Mũi kim đã dựng, lại dừng áo thêu. [illegible]
Cảnh vắng tha-thướt buổi chiều, 他失
tình | Khú-lâu ~~tình~~ nặng, sầu ~~[illegible]~~ giờ nên mầu. 撩 膢
Dưới trăng lẩn-thẩn ôm cầm,
Non cao nước chảy, ngại tầm tri-âm.
Chiều thu ánh-ỏi hàn-trâm, (暎燦)寒砧
Khúc hồi-văn cũ buồn ngâm khắc dài.

F

Đêm đêm luống những chiêm-bao,
Ở ấn Lũng-thủy, ra vào Hàm-quan.
Say-sưa bên gối dưới màn,
Khi mê dường có, khi tàn lại không.
Tủi chăng còn một tấm lòng,
Đăm-đăm đã nhớ thì trông lần-lần.
diệu? | Trông Chàng diếu-vợi giang-tân, 妙末
Cỏ Yên xanh ngắt, dâu Tần lục om.
Cô-thôn khói tỏa đôi chòm,
So-le trận nhạn về nam tà-tà.
Trông Chàng dịch-lộ xa-xa,
Mây ~~trùm~~ tuôn non Thục, khói lòa bể Ngô. 扒→拴

E

Trông chừng lá rụng hoa rơi,
Rắp nhờ chân ngựa tếch vời Hà-dương. 河陽
Lại e ngựa đã đẻn vàng, (軟)
Biết là lặn suối trèo nương sao cùng.
Trông chừng triều dẫy, sóng chong? ([illegible]) (拎)
Rắp nhờ thuyền nhẹ ngược dòng nước xanh.
Lại e thuyền bé chông-chênh,
Biết là xuống thác lên ghềnh được chăng.
Đường đi lặn suối, pha rừng,
Xa-xôi chưa dễ thấu chừng Ngọc-quan.
Bây-giờ diệu-vợi, cách ngàn,
Biết ~~rừng~~ còn đoái phận hoa tàn nữa không.
Thế tình lạt lạt, nồng nồng,
Ấy lòng thiếp đấy, nào lòng chàng đâu?
Chênh-chênh vừng nguyệt xế đầu

F

Ngắt xanh đợi lúa mù-mù, (屹)
Dịch đâu lầu bắc, líu-lo thét dai. 口切
Trông Chàng cây quạnh lá rơi,
Bến khởi mai ngả, góc trời cò bay.
Ngàn đông quanh-quất khói xây,
Con chim bạt gió ấp cây kêu sầu. 吷 → 唫? = 口券
Trông Chàng sông uống dường cầu,
Về xa thấp-thoáng, ~~con~~ thuyền dâu hôm chèo.
Tùng, thu, mấy gốc dù-hừ,
Trời tây khách quạnh như trêu sầu người.
No ~~Kho~~ trông góc bể bên trời,
Ai du muôn dặm, biết vời là đâu. 榆
Gieo khăn chỉn cậy chước mầu,
Có đường khôn lọt, có cầu khôn thông.

E

Chẳng thương con thỏ nương lầu ngẩn-ngơ.
Xôn-xao trên ngựa, dưới cờ,
Hào thiêng sớm hiện xui ra quê rùa. 文
Xanh cao xin nhé giúp phù!
Thổi cơn gió mạnh mà xua ong đàn.
Kíp chầy ~~mưa~~ mây tạnh khói tan.
Kẻo niềm riêng những bàn-hoàn sự ai.
Kìa xem trên thẳm dưới khơi,
Dẫu loài cây-cỏ, dẫu loài muông chim;
Cây còn dan-díu cành thêm, 添
Chim còn chắp cánh hoà tìm lứa đôi.
Há rằng phận hẩm duyên hôi;
Lầu cao, gác ngắt đứng ngồi dở dang. (光)
Thương mày ~~cái~~ thay đoá hải-đường!
Giấc hoa sao cũng mơ-màng chưa say.

F

Non non nước nước trùng-trùng,
Nẫy lòng kẻ nhớ, nào lòng người xa.
Hướng dương, lòng thiếp dường hoa,
Lòng chàng lẩn-thẩn dễ tà bóng dương.
Bóng tà thấm-thoắt thoi vàng,
Đoá hoa nở để tuyết sương nên gầy.
Nhìn xem chuỗi Đẩu vần ~~xây~~ xoay, 王追
Duềnh Ngân mờ tỏ, đoá mây lạt nồng.
Càng năm, càng lạt má hồng,
Trượng-phu sao hãy long-đong quê người.
Khi sao hình ảnh chẳng rời,
Khi sao bỡ-ngỡ cách vời Sâm Thương.
Gió xuân phảng-phảng đưa hương, 滂
Duyên nào Ngụy-tử Điều-hoàng sánh nhau. 蕭-鷤

E

Sương lạc-đạc, tuyết long-lay,
Để phai nhan-sắc, để gầy hình-dong.
Thương mày thay đóa phù-dung!
Vườn xuân nỡ để gió chồng dập-dờ (?) (搖)芭茹
Ong chểnh-mảng, bướm thờ-ơ,
Lênh đênh mặt nước, phất-phơ đầu tường. 篭 → 埠
Giận mầy thay cái uyên-ương!
Vẫy-vùng cuối vững như dường mỉa-mai.
Phun ngọc nảy, hớp hoa trời, 噴玉扔, 吸花霄
Vô-tình, mà chẳng thấu nơi hữu-tình.
Giận mầy thay cái hoàng-anh!
Chào ai ~~giọt-giọt~~ réo-rắt ngoài mành thấp cao.
Khêu tơ liễu, giật bông đào,
Giai nhân, sao ~~khéo~~ lại liếng vào não nhân.
Sầu thu thôi lại sầu xuân,
M

F

Trăng thu vặc-vặc in lầu,
Phận nào ả Chức, chàng Ngâu lại vầy.
Phòng không lướng phụ đời ngay,
Phiền xuân chưa vợi, lại đầy sầu thu.
Sầu nên một mối tơ vò,
~~Rũ-rượi~~ Rỉ-rả, thêm tiếc phận bồ thiết-tha.
Tiếc xuân-xanh nỡ để qua,
Gái tơ mấy phút sẩy ra nạ dòng.
Tưởng khi cầm-sắt vui chung,
Gác son cột phấn, lầu hồng chiệu hương. 照
Vì đâu nên nỗi đa-mang,
Nghĩ mình bao-ná, thương chàng bấy-nhiêu. 那

E

Mười phần thấy cảnh mười phần động lòng.
Thăm chờ tin điễn lân hồng, 麐鴻
Thanh xây khúc nhớ, bể đong dọt phiền. 拎
dầu? Xiết đâu tài phận, hồn duyên,
Chàng ngay thờ chúa, thiếp chuyên thờ chồng
Xanh-xanh chẳng phụ anh-hùng,
Anh-hùng ắt chẳng phụ lòng thuyền quyên.
Nghĩ cho công-nghĩa vẹn-tuyền,
Hãy xin hai chữ tình-duyên gác ngoài.
Miễn chàng nắng-nọ chí trai;
Miễn chàng phụ nước vực đời đảm-đang.
Non đông, đầy đỏ, áo vàng, 𧿨
Nắng mưa chẳng chuyển, tuyết sương chẳng sờn.
Mở-mang tấm cỏi giang-sơn,
Vuốt nanh bổ thuở dưới đàn nảy-trao.

E

Kìa xem đôi yến dập-dìu,
Trọn mùa ríu-rít sương-sưu đầu rường. 啼吻 霜韶
Kìa xem hai cái uyên-ương,
Bãi Tần bay (chắp) cánh bay hàng với nhau 排
Đời thì thảo-mộc biết đâu,
Liền cành có liễu, liền đầu có sen.
Ước sao như vậy bằng nguyền;
Được vẫy cánh nọ, được liền cánh kia. 囲
Thôi thôi ấm lạnh quản gì,
Thế-tình khi hợp, khi li sự thường.
Khuyên chàng sum-sấn tuyết sương, 赤趁
Khuyên chàng hai chữ cần-vương vẹn tròn.
Biển vàng chói-chói đề son,
Chàng nên danh-giá, thiếp còn trẻ-trung.

E

Ơn trên mưa móc dồi-dào,
Yếu thơ phận thiếp liễu đào cũng vinh.
Rày mừng một trận quét thanh,
Rầy uy non thẳm, truyền danh nước ngoài.
Công nên, muôn đợi ơn trời,
Duềnh Ngân rửa bạc, non đoài treo cung.
Từ rày bể lặng sông trong,
Nội tan hơi cáo, đầm không tiếng nhàn.
Toàn quân lừng-lẫy khải-hoàn,
Công ghi thẻ bạc, danh ran gác vàng.
Quan cao, lộc nặng, quyền sang,
Chàng càng vinh-hiển, thiếp càng thanh-tao.
Vì chàng giải giáp, thay bào,
Vì chàng dâng chén rượu đào đầy vơi.
Thơm-tho phấn nước, hương trời,

F

Nay mừng trăm trận thu-công,
? Truyền tên ải bắc, treo cung non đoài
Khải-ca lừng-lẫy trong ngoài,
Tiệc dâng bệ Hán, thơ bài non Yên.
Đồng hưu rạng chép thẻ quyền, 同休
Danh thơm gác Phượng, dấu truyền đền Lân.
Chàng đã gặp hội phong-vân,
Phận vinh thiếp cũng được nhuần ơn sang.
Vì Chàng, cởi áo vội-vàng,
Vì chàng, lần chuốc chén vàng vơi-vơi.
Vì Chàng, trang điểm tốt-tươi,
rũ ? Vì Chàng, chải chuốt, rũ hơi phong-trần.
Trước sau mấy nỗi ân-cần,
~~Giả~~ Dã lòng cựu-thoại, hoán niềm tân-thanh: 瀉換

E

Vì Chàng, thầy-thẩy rũ hơi phong-trần,
        Chàng đã gặp hội phong-vân,
Lửa hương duyên thiếp nghìn xuân còn dài.
        Bõ cơn Chàng dặm cõi ngoài,
Bõ cơn thiếp những trông trời đăm-đăm   忱 → 耽
        Đã mừng loan-phượng trăm năm,
Lại mừng gia-thất quan-trâm đời truyền.
        Đã mừng nước trị, nhà ~~yên~~ nên,
Lại ~~truyền~~ mừng đời đức Bề trên vô-cùng.
        Mừng lâu "hưu dữ quốc đồng", 休哄国同
Trở non Nam, chúc Thánh-cung trị trường.

F

mải?   Bõ khi Chàng mải công-danh,
Bõ khi thiếp hướng một mình đêm thâu.
        Đã mừng duyên sánh bạc đầu,
Lại mừng gia-nghiệp cơ-cầu y-quan.
        Đã mừng trên đời đức Càn,
Lại mừng nước trị, nhà an đời đời.

Tiếng cổ (bản B)

Ắp	308
Bác	105
Bãi	227
Bao nả	149
Bão-hao	415
Băng	53
Bẵng	31
Bặt	376
Bề-bề	253
Bêu	470
Bóng trơn	240
Bõi	489
Bui	411
Cật	319
Cong	29, 92, 282, 284
Cột	383
Kẽn	450
Kềnh	486
Chác	264
Chặp	284
Chầu chan	314
Chuễn	274
Chỉn	331
cf. Chống	312
Chỗn	80
Chút chui	34
Dạm	468
Dan	491
Dặn nghỉn	266, 367
Dẫy	164

Dập	256, 262
Dâu	279
Diễn	267, 373
Dỗi-dỗi	68, 92
Dở-dói	480
Dường	108
Đạc	420
Đảng-đảng	284
Đành-hanh	319
Đành-rành	306
Đất-đa	410
Đoái	217
Đời	113, 169, 217, 334, 386
Đòng	107, 468
Đỗi	322
Êm ?	289
Êu	28
Gẫm-gật	170
Gẫy-gọc	238
Ghẽ	61, 141
Giang	308
Giềm	156, 220
Giống giả	25
Giống quẩn	238
Giống việc	121
Giỡn muá	350
Hãi-hùng	98
Hanh	216, 453
Hãy	399
Hoà	37, 494
Hồng	239

Hồ	116
Hum	79
Kham	139, 184, 414, 442
Khêu	48
Khong	466
Khuây	183, 319
Khúc nhôi	249
Khứng	266
Lảng	36
Lâm	303
Lẳng (xa)	274
Lẫn	114, 466
Le (vắng)	374
Thơm thỗm	234
Lồ-lộ	54, 344
Lõng	100, 101
Lờn (xanh)	33
Mảy	434
Mang-mể	13
Mảng	220
Miễn	44
Mịt-mùng	63
Móc	273
Mong	96
Mống	334, 345, 347
Mộ lồng	332
Mướt	477
Mướt-mượt	35
Nảy	10
Nường long	90
Ngây-ngáy	30
Ngẫm-ngợi	170

- Nghênh 84
- Ngợ 228
- Nhấp 82
- Nhẫn 59
- Nhẩn ngừng 163
- Nhởn nhởn 260
- Ỏng ỏng 16
- Phẩy 336
- Quải bay 428
- Quang 78, 349, 364
- Quạnh 292
- Quện 479
- Rây 89, 270
- Rỉ 142
- Rỗi 283, 287
- Rời-rạc 168
- Rữa 150
- Rừng 6
- Sẳng 465
- Sảng sảy 47
- Sẫy
- *Sò-le 342
- Sục
- Sục-sục 107
- Sình sờ 490
- Tây 102
- Tếch ngán 40
- Toan 133
- Tư 173
- Tường 270
- Thắc thỏm 334
- Thẩm 177, 195
- Thậm hả 180
- Thiết 154
- Thiết-tha 17
- Thốt 290
- Trắng băng 110
- Trấy 13, 147, 367
- Trổi 307
- Trích-trích 432
- Vấp vập 483
- Vóc 86
- Vời-vợi 101
- Xiên 124
- Xoang 261, 346
- Xót-xa 180, 398
- Yểm-yểm 259

ắt 157

c

C

Bác	79	Dau dau	~~149~~ 153	Giại	~~57~~ 105, 361
Bần (đơn)	404	Dậy	~~44~~ 41	Giạm	109
Bẳng lẳng	364	Dặt-dìu	267	Giong	252
Bát ngát	290	Dẫy	~~158~~ 162	Giồi (phấn)	271
Bẵng	40	Dềnh-dềnh	345	Hầu	~~147~~ 185, 284
Bẵng hình	65	Diễn	331, 354, 356	Hẩy	261
Bẵng	337, 369	Dìu vời	393	Hẽm	96 — Heo-heo 215
Bẩng đẩng	300	Dìu-dặt	370	Hin	277
Bẵng	88	Dò	78	Hoà	77
Bẫn	345	Dợi-dợi	157	Ỷ khôn	~~127~~ 131
Beo	226	Dợi		Khêu	24, 119
Bịn rịn	390	Dõn-dõi	341	Khong	412
Bíu-ríu	184	Dở-dói	18	Khởi	~~186~~ 191
Bon bon	256	Dù nhàu	231	Khiến	107
Bong (nhẹ)	26	Dường	~~108~~ 112	Khu (chiếu)	~~76~~ 80
Bùi thủi	305	Đăng-đẳng	248	Khuấy	12
Bùng	225	Đặn-đặn	~~78~~ 82	Khúc nhôi	~~119~~ 123, 224
Buồn muồn	275	Dè chừng	308	Lắng (lặn)	278
Bửng-tửng	~~147~~ 151	Đềm êm	396	Lắm	96
Cốc	325	Đìu hiu	359	Lấn (lớp)	~~76~~ 80
Chải chuốt	274	Điểm đồi	114	Lệ	338
Chạnh	354	Đời	54, 175	Lồng	~~79~~ 83
Chếch	~~197~~ 202	Đồng bác	106	Lẽ (sạch)	409
Chếch mác	292	Đồng đanh	258	Mảng	109
Chiềng	362	Đỗi	76	Mày	406
Chỉn	125, 232	Đồng dạng	146	Mơn mác	~~88~~ 92
Chong	230	Đỗ đần	79	Mó	420
Chớ khi	91 ~~82~~, 115	Đọt	7	Mòng lẻo	322
Chua tai	259	Đượm	294	Mộ nhân	~~124~~ 128
Chừng	285	Đượm nhuần	291	Mường tượng	382
Chước chi	188	Eo-óc	156	Nàn	78
Dan	299	Ghê	~~56~~ 60	Nàu	~~56~~ 60
Dạn	77	Gội	270	Nắp nổ	405

Dẫu.. Dãi 61

110 c

Neo	1, 29, 50	Tha ra	236
Nẹp	210	Thâm lênh	96 100
No	434	Thân	296
Nom	315	Thấp thập ít	256 trụp trụp
Nỗi nước	230	Thất thểu	254
Nội	150, 314, 387	Thấu	47, 251, 263
Ngàn	313	Thì	247
Ngây ngây / Ngất	30, 67	Thiết	95
Ngóng mong	178 182	thoi thót	324
Ngọ	218	Thoảng thoảng	303
Ngừng (nhẫn 143)		Trát	46, 81, 144
Ngừng ngắt	153	Trắng băng	87
Nhẫn	141, 156 160	Trảy	73, 274, 365
Nhịn ngừng	240	Trời	222
Nhỡn-nha	436	Trời	320
Phân sơ	14	Ua	340
Phê phê	428	Vả	19, 422
Qua lửa	360	Vảo (mặt)	47 51 vảy! 126
Quải	239	Vân mông	69
Quải bảy	8	Veó von	316
Quyến	147, 389	Vẹn-vang	400
Rã	265	Vảy	316
Rán	58	Vô ngần	279
Rết	6	Vợi	17, 66 Vơi
Rối-rít	225	Vờn	42
Rột-rã / Rật	55, 375	Xa-xác	276
Rụng	262	Xách-mé	222
Sá	424	Xót	15, 191, 212, 216, 286
Sùi	271	Xuyến	5
Sột soạt	57		
Sủa trăng	166		
Tửng-bửng	416, 427		
Tưởng	165		

CHINH-PHỤ NGÂM (G)

~~Phiên âm theo bản (B 93) của B.N (Collection Pelliot)~~

8 Trời đất một vùng, Bắc nam hai ngả.
7 Phận hồng-nhan buồn-bã xiết lo.
6 Chàng từ bể Sở, sông Ngô.
8 Lấy ai coi-sóc sớm trưa việc thường.
6 Chàng từ vâng mệnh quân vương,
1b 8 Cờ tinh thẳng trỏ lên đường ruổi ngay.
6 Bến chừng bến Liễu đường mây, 惜戀溇→淩
8 Càng trông càng vắng một ngày xa khơi.
Chàng đi góc bể bên trời
Đi thì lặn suối, đi thì trèo non [Sót]
Gươm là vợ, giáo là con,
Nâng-niu chẳng quản, ôm hôn chẳng dời.
Khôi đi bể, lại vào ngòi,
? Sông sâu cũng gội, nón tời cũng đeo. 蹌燃懴朕招
Ăn thì thất-thểu ít nhiều,
a Cảm thương cha mẹ, nhớ điều vợ con.
Đường trường cách trở nước-non,
Mẹ già đầu bạc, thiếp còn xuân-xanh.
Giang sơn thiếp gánh một mình,
Chẳng hay chàng có thấu tình thiếp chăng?

4029

~~Chẳng hay chàng có thảo tình~~

Lũng-sa 隴沙. châu lệ đôi hàng,
Chàng đi bỏ vắng lạnh-lùng phòng hương.
Trơ-trơ một thiếp một đèn,
Trông chừng thấp-thoáng (胱) ở bên ngõ chàng.
Ai làm nam bắc đôi đường,
Phòng hương luống chực nửa giường nửa chăn.
Trời cao có thấu tình chăng
Một ngày đằng-đẵng xem bằng ba thu.
Ruột tằm bối-rối vò tơ
Gan vàng sao khéo thờ-ơ dạ vàng.
Từ ngày thiếp tới cửa chàng,
Sum? Bướm ong xum-họp, phượng-hoàng no đôi.
Chỉ thề trên thẳm dưới khơi,
Phòng khi lở đất long trời cậy nhau.
Bây-giờ chim lưới cá câu,
Bơ-vơ ai biết ai đâu mà tìm.
Bác mẹ chàng phơi-phới đầu,
Trẻ (治) con chàng còn trứng nước thơ ngây
Chẳng hay chàng ở đâu nay
Thiếp xin mượn cánh chắp bay tìm chàng.
Chữ rằng đồng tịch, đồng sàng,
Đồng sinh, đồng tử, cùng-mang đồng-lần.

p

Chàng từ vâng mệnh quân-thân,
Thiếp nay vẹn chữ Tấn Tần hợp duyên.
Nửa mai bóng chếch cài hiên,
Bóng trăng thấp-quáng (洸), ngọn đèn mờ xanh.
Nào khi chăn; ấm chiếu êm,
Bây giờ gối đất nằm thềm Tấn-dương.
Ở đời chinh-phạt Vũ Thang,
Cho nên thiếp phải chịu đường đắng cay.
Thôi tưởng gió, lại trông mây,
Phượng-hoàng bao lại tới cây ngô-đồng?
Chàng đi kể đã mấy đông,
Cho loan đón gió, (cho) trông hầu đợi mưa.
Gan vàng dạ sắt ngẩn-ngơ,
Lấy ai khuyên-~~[illegible]~~ dỗ con thơ cho chàng.
Vì duyên cho thiếp vỡ vàng,
Vì chàng tư-lự hoa tàn nhụy phai.
Cực lòng thiếp lắm chàng ơi!
Biết rằng trên ngược, dưới xuôi đường nào.
Tưởng khi đồng liễu tây đào,
Khi ra vườn hạnh, khi vào phòng hương.
Bây giờ đôi ngả Sâm Thương,
Chiếu chăn chếch-mác, thiếp chẳng ~~đời~~ bơ-vơ.

[illegible]

4b Nửa may gặp hội Đường Ngu.
Để chàng nghỉ tức, nghỉ du mặc lòng. 宜息宜遊.
Kẻo còn kẻ bắc người đông,
Mặt hoa, mày liễu, má hồng kém tươi.
Ở đời ngẫm (嘌→噤) nghĩ sự đời,
Cho nên thiếp phải gửi lời thở-than.
Đầu thu sớm tuyết hoa tàn,
Tấc lòng nỡ để đá vàng nghìn thu.
5a Chàng thì quyết chí lập thân,
Nửa mai (玫→枚) gặp hội phong-vân kịp người.
Ấy là hạnh-phúc muôn đời,
Hoa (華)-phong (封) tam chúc mấy lời thiếp dâng.

(Thiên tử vạn vạn niên)

Bản khắc cũ, có lẽ đời Tự Đức. Những chữ 時 không húy.
Văn cũng có lẽ đời Tự-Đức: (Văn thời?
Nôm mới: 𫜵 làm, 𠬠 một

Ý không có gì đặc biệt. Lắp đi lắp lại. Không rõ mạch lạc.
Lời văn thì sáo. ~~xa~~
Có lẽ tác-giả chỉ là một văn-nhân tầm thường, thuộc nôm nhiều, rồi ghép những lời bóng bẩy mà làm ra bài trên.

chinhphu ngâm (E)

Anh ơi?	159
Bác	52, 226
Bàn-hoàn	182
Bàn-mê	104
Bao-nả	88
Bưng	94
Cắm-giường	40
? Cỗ sói	44
Chạnh	121
Chập-choạng	70
Chếch	65
Chểnh mảng	195
Chong	52, 69, 165, 194
Chông chênh	167
Chuyền (trả)	96
Chuyền (chính)	210
Dằn-dàu	102
Dắng	41
Dẫy (nước)	95
Dẫy-(~~đò~~)	5
Dẫy dờ	194
Diễn	84, 207, 239
Diệu-vợi	171
Dõi-dõi	149
Dõi-truyền	242
Dũng kim	79, 154
Đai (đại)	73
Đăm đăm	240
Điều	26
Đong	208
Đống	7
Gót đầu	35
Giả-dễ	103
Giáo	10
Hồ (then)	49
Kéo	128
Khâm 襟	42
Lần thần	104
Lẩy chẩy	74
Lọn	137
Mai khi	143
Man mác	28
~~Mây~~ tần	82
Mòng	145, 150
Nao	37, 95,
Nảy ~~trao~~ (rồi)	199
Nẩy trao	220
Nắng nỏ	215
Ninh-ninh	113
No-nao	123, ~~[illegible]~~
Nội	39, 228
Ngọn đào	9
Ngút	188
Ngừng	62, 147
Nhụi ngừng	91, 17
Pha	169
Phen (so)	50
Quen	126
Rạch	47
Rây	126
Rậy	224
Sa (nước)	127
Sá chi	39
Sai nao	37
Săm săm	43
So-le	118
Sửa nguyệt	67
Tần	82
Teo	70
Tếch vời	162
Tươm-tiếp	57
Thác (nem)	71
Thân thể	109
Thất-thơ	24
Thênh	20
Thon chon	47
Thốt	99
Trỗ	53
Má	126
Vẩn	8
Vực	216
Xao lãng	101
Xăm	95
Xê	102

Chinh-phụ ngâm (F)

Anh-ỏi 㖡	54
Âm hao	31
Bác	34
Bài	184
Ban tã	99
Bao ná	166
Bắng	18,38
Bẵng	173
Bồn	10
Buả	14
Chan	55
chăm chắm	17
Chếch mác	70
Chiện	51,164
chửi	139
Giã	194
Dã-dề	110
Dặm nghìn	17
Dẫy (nước)	62
Dây xe	3
Dàu dàu	21
Drễn	31,84
Diệu vợi	121
Duềnh	86
Dường	133
Dập dìu	167
Đăm đắm	102,120
Đinh ninh	52
Đời	75, 112, 123, 157, 171
Đong	30
Đòng	14
Đòi hỏi	86
Đũa ngọc	112
Êm-đềm	81
Giời	104
Giữ-giàng	66
Hầu	36
Hoa	46
Khóm	29
Khôn	140
Líu lo	128
Lọn	60,63
Mành	92
Nạ dòng	162
Nau	112
Nảy	3
Nắng-nổ	4
No	137
Ngọn đào	39
Ngóng	26
Ngừng	26
Om (xanh)	122
Quạnh	136
Quện	16
Rậm-rầu	7
Rì-rì	160
Rối (rời)	85
So-le	124
Săm-sắn	177
Sửa	2
Sương-sùa	168
Tấc niềm	25
Tư	60
Thể quyên	185
Thì (lại)	120
Thít	128
Vẩn quanh	88
Vẩy	156,174
Vời	138
Vợi	158
Xuyên	16

Scarabée

Chinh phụ ngâm

— . —

Thuở giời đất nổi cơn gió bụi
Khách má hồng nhiều nỗi chuân chiên
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này
Trống trường thành lung lay bóng nguyệt
rít Lửa Cam-toàn rực-rỡ thức mây
Chín lần gươm báu chống tay
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh
Nước thanh bình ba trăm năm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây
Sứ giời sớm dục đường mây
Phép công là trọng niềm tây sá nào
Đường ~~Chàng~~ rong ruổi lưng đeo cung tiễn
Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa
Bóng cờ tiếng trống xa xa
Sầu lên ngọn ải oán ra cửa phòng
Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt
Gác bút nghiên theo việc đao cung
Thành liền mong tiến bệ rồng
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời
Chí làm trai dặm ngàn da ngựa

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao
Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi Kiều-Vị ào ào gió thu
Ngòi — Ngoài đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa thủy khôn bằng thuyền
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây
nhủ — Dặn rồi dặn lại cầm tay
Bước đi một bước giây giây lại dừng
Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi
Lòng chàng toan bằng cõi non Thiên
Rượu thôi múa còn Long-toàn
Khí ngang ngọn giáo vào ngàn hang
Chân Lâu-lan rắp theo Giới-tử
Tới Man-Khê bàn sự phục ba
Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in
Tiếng nhạc ngựa lần xen tiếng trống
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay
Hà-Lương chia rẽ đường này
Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi

gần
Quân trước đã tới ngoài Doanh liễu
ngất
Kỵ sau còn khuất nẻo Trường · dương
Quân đưa chàng ruổi lên đường
Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chăng
Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng
Hàng cờ bay trông bóng phất - phơ
Dấu chàng theo lớp mây đưa
rặng
Thiếp nhìn nhũng núi ngẩn ngơ nỗi nhà
Thì đi Chàng tùi đi cõi xa mưa gió
Thì về Thiếp về nhà phòng cũ chiếu chăn
Đoái trông nhau đã cách ngăn
phới hàn ... Tuôn màu mây biếc rạch ngàn non xanh
Chốn Ham - Kinh chàng còn ngoảnh lại
Nhìn Tiêu - tương thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu - tương cách Ham - dương
Cây Ham - dương cách Tiêu - tương mấy trùng
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai
Chàng từ đi vào nơi gió cát
nơi Đêm trăng này nghỉ mát phương nào
Xưa nay chiến địa dường bao

Nỗi không muôn dặm xiết bao dài d

Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn
bon chồn — Giòng nước sâu ngựa nản chân ch
Ôm yên gối trống đã mòn
Nằm vùng cát trắng ngủ cồn rêu xanh
Nay Hán xuống Bạch-thành đóng lại
dồn — Mai Hồ vào Thanh-Hải dạo qua
Hình khe thế núi gần xa
Đứt thôi lại nối thấp đà lại cao
gội — Sương đầu núi buổi chiều như giộ
lội — Nước lòng khe nẻo suối còn sâu
13→17 — Những người áo giáp bấy lâu
Lòng khuê qua đó mặt sầu chăng khu
Trên trướng gấm thấu hay chăng n
Trạng chinh phu ai vẽ cho nên.
Tưởng chàng rong ruổi mấy niên
Chẳng nơi Hán-Hải thời miền Tiêu-qua
Đã trắc trở đôi ngàn xà hổ
Lại lạnh lùng những chỗ sương ph
Lên cao trông thức mây rồng
Lòng nào là chẳng động lòng bi th
Chàng từ sang đông nam khơi nẻ
Biết chàng nay tiến thảo nơi đâu

Những người chinh chiến bấy lâu
Nhẹ xem tính mệnh [như] ra màu cỏ cây
Nức hơi mạnh ôn đây từ trước
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu
Non Kỳ quạnh quẻ giăng treo
Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò
Hồn Thính tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu giăng dõi dõi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn
Dấu binh lửa nước non như cũ
Khách hành nhân qua đó chạnh thương
Phận giai [già] rủi chốn chiến trường
Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về
Tướng chàng trai nhiều bề nặng nổ
Ba thước gươm một cỗ nhung an
Xông pha gió bãi trăng ngàn
Mây reo Gươm treo đầu ngựa giáo dàn mặt thành
Áng công danh trăm đường giục [rộn] rã
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi
Nỗi niềm biết ngỏ cùng ai
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây
Trong cửa này đã đành phận thiếp

Ngoài mây lửa há liều chàng vậy
Những mong cá nước xum vầy
mấy Bao ngờ đôi ngả nước (non) cách vời
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh (14
tủ Chàng há (rằng) học lũ vương tôn
Có sao cách trở nước non
Khiến người thôi sớm thôi hôm những
Phết phong lưu đương chừng niên
Sánh nhau cùng dan díu chữ duyên
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên
Quan san để cách hàn huyên bao đành
Thuở lâm hành oanh chưa gần giỡn liễu
Hỏi ngày về ước mùa quyên ca
Nay quyên đã giục oanh già
Ý nhi lại gáy trước nhà líu lo
Thuở đăng đồ mai chưa dạn gió
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông
Nay đào đã quyến gió đông
ba-sòa Phù dung lại (nữa) bên sông bơ phờ
Hẹn cùng ta Lũng Tây (nham) ấy
Sớm đã mong nào thấy hơi tăm
Ngập ngừng lá rụng cành trâm
(Thôn) trước nghe dậy tiếng cầm (xôn)-xao

Hẹn — Hẹn (mới) mây nào Hán-dương cầu nọ
Chiều lại tâm nào có tiêu hao
Ngập (khẽ) ngừng gió thổi áo bào
149 Dẫy — Bãi hôm tuôn (rẽ) nước triều mênh mông
x — Tin thường lại người (Không) chửa thấy lại
Gốc — (Cõi) hoa tàn đã trải rêu xanh
Rêu xanh mấy lớp (xoay) quanh
Sân — (Khua) đi một bước trăm tình ngẩn ngơ
Thư thường tới người chưa thấy tới
giãi — Bức rèm thưa lần dãi bóng dương
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang
Nhời sao mười hẹn chín thường đơn sai
Thư tình lại đến khơi ngày ấy
150 — Biến sen này đã mấy (lá) ba
Xót người lần lữa ải xa
Xót người nương chốn hoàng hoa dặm dài
Tình gia thất nào ai chẳng có
Kìa lão thân khuê phụ nhớ thương
mẹ — (Tóc) già phơ phất mái sương
Con thơ măng sữa và đương bù trì
buồn — Lòng lão thân (phòng) khi tựa cửa
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam

Rèn Luyện con đèn sách thiếp làm phụ t

x Thân — Nay một mình nuôi già dạy trẻ

6 — Nỗi quan hoài mang mể xiết bao

Nhớ sướng — Từ chàng trải mấy thu sao

tưng, xa — Xuân chưng đổi mới mấy đông nào còn dư

Kể năm đã ba từ cách rán

rời lòng — Mối sầu thêm ngàn vạn ngổn ngang

Ước đi gần gũi tấc gang

dỗ — Giải niềm cay đắng để chàng tỏ ha

Soạn cung hàn của ngày xuất giá

Gương lâu tàn dấu đã soi chung

Cậy ai mà gửi tới cùng

Để chàng thấu hết nỗi tấm lòng tương tư

Nhẫn đeo tay mọi khi ngẫm ngh

buồn — Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi

Cậy ai mà gửi tới nơi

Để chàng trân trọng dấu người tương thân

Trải mấy xuân tin đi tin lại

Tới xuân này tin hãy vắng không

Thấy nhạn luống tưởng thư phong

Nghe hơi sương sắm áo bông sẵn sàng

Gió may tây nổi không đường hồng tiện

Xót nỗi chàng tuyết quyến mưa sa

cõi ngoài

Màn mưa trướng tuyết xông pha
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài
185 Đề chữ cẩm phong thôi lại (thì) mở
Gieo quẻ tiền tin dở còn ngờ
cửa Giời hôm đứng (mãi) ngẩn ngơ
Trăng khuya tựa (nương) gối bơ phờ tóc mây (mai)
Hà như ai hồn say bóng (bung) lẫn (lẩn)
Bỗng thờ thờ thẫn thẫn hư không
Trâm cài lược (xiêm) dắt thẹn thùng
Lệch làn tóc rối lỏng (vòng) bòng lưng eo
đan chiếu Dạo hiên vắng (thầm gieo) từng bước
dủ thác Ngồi rèm thưa (rủ thác) đòi phen
Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng
Đèn có biết dường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi
Buồn rầu nói chẳng nên lời
Hoa đèn kia với bóng người khá thương
Gà eo óc gáy sương năm trống
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên
Khắc chờ (Tấc) giờ đằng đẵng như niên
Mối sầu dằng dặc như (bầy) miền bể xa
Hương ~~càng~~ (gượng) đốt hồn đà mê mải

Gương gàng (gượng) soi lệ lại chứa (châu) - chan

Sắt cầm gàng (gượng) gảy ngón đàn

Giây loan (uyên) kinh đứt phím loan ngại trùng

Lòng này gửi gió đông có tiện

Nghìn vàng xin gửi đến non yên

Non yên dù chẳng tới miền

Nhớ chàng đằng (thăm) đẵng (thẳm) đường lên bằng giời

Giời thăm thẳm xa vời khôn thấu

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong

Cảnh buồn người thiết tha lòng

Cành (Hình) cây sương đượm tiếng trùng (ång) mưa phun

Sương như búa bổ mòn gốc liễu

Mưa nhường cưa xẻ héo cành ngô

Giọt (chim) mưa (tuyết) phủ bụi chim gù

Sầu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi

Ngoài (và) tiếng dế nguyệt soi (rây) trước ốc

Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên

Lá màn lay ngọn gió xuyên

Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm

Hoa lọt (giãi) nguyệt nguyệt in một tấm

Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông

Nguyệt hoa hoa nguyệt não nùng (trùng trùng)

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu

Bao (Đâu) xiết kể muôn sầu nghìn não
Từ nữ công phụ xảo đều ngơi
Biếng cầm kim biếng đưa thoi
Oanh đôi thẹn dệt bướm đôi ngại thùa
Mặt biếng tô miệng càng biếng nói
Sớm lại chiều dòi dõi nương song
Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai
Biếng trang hồng (điểm) lòng người sầu tủi
Xót nỗi chàng ngoài cõi giảng băng
Khác chi ả Chức chị Hằng
Bến Ngân lùi thùi (sùi-sụt) cung giăng chốc mòng
Sầu ôm nặng ai chằng làm gối
Muộn chứa đầy ai thổi làm cơm
Rượu cùng hoa nhạt tả đàm
Sầu làm rượu nhạt muộn làm hoa ôi
Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay
Xót người hành dịch bấy nay
Dặm xa thêm mỏi khúc đây lại vời
Nước mắt rơi vì ca uyển dọng
Lá gan mềm bởi trống tiêu khua
Võ vàng đổi khác hình thù

(Nỗi khuê ly biệt mười chưa nhường này
Nếu chưa vay tấm lòng mới tỏ
Chưa vay này há có vì ai
Vì chàng lệ thiếp rủ (nhỏ) đôi
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề
Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng
chút Lệ thiếp nào giọt vương lên khăn
Bui còn hồn mộng được gần
Đêm đêm thường tới giang tân tìm người
chầy Tìm tới thuở Dương-đài lối cũ
chầy Gặp gỡ đây (nơi) (1/c) Tương-phố bến xưa
Xum vầy mấy lúc tình cờ
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân
chẳng Thiếp ~ giận thân lại không bằng mộng
Được gần chàng bãi Lũng thành quan
Khi mơ những tiếc khi tàn
Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không
Bui Buồn có một tấm lòng không dứt
Đôi theo chàng giờ khắc nào nguôi
Lòng theo song chẳng thấy người
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
Khúc [Bến mọc che ngọn tóc rửa mười
Xem cỏ xanh dâu lục nhỏ xa
xem?

Nam thôn gió bụi mấy nhà
Đan hy? lộ đứng bình sa buổi chiều
Đường dặp-dìu thảo-đình mấy ~~nhạn~~ nóc
Xem cây ngô mủi thước bên mây
~~xa~~ Bãi? Bạn-thanh ngọn lúa chen dầy
Địch kèn lầu thổi, nửa ~~thưa~~ xây, thét dài
Non đông thấy lá rơi đầy đồng
Trĩ ~~Lệ~~ dặp-dìu mai cũng nhởn nhơ
Ngàn khơi khói toả mịt mờ
Con chim bạt gió bờ-khơ than nheo
Giòng Tây thấy nước triều uốn khúc
Nhận cảnh không ~~lòng~~ sông đục thuyền câu
Ngàn thông chen-chúc khóm lau
Cách bờ thấp thoáng người đâu đi về
tri. Trông bốn bề chân giời mặt đất
Lên xuống lầu thâm thoắt ~~đổi~~ nổi ~~nao~~ phen
Lớp mây ngừng mặt khôn nhìn
Biết đâu bờ cõi là miền ngọc-môn
gậy Nghĩ rút đất hiểm khôn học chước
Khuân giao cầu nào được ~~phép~~ thể tiên
Lòng này hoá đá cũng nên
khôn Ở nhời bể ngọc mà lên trông lầu
Ngoảnh mặt lại ngắm màu dương liễu
xúi ngoảnh

thư Khuyến

Đấy như chàng đứng chịu trước phong

Chẳng hay muôn dặm ruổi rong

(300). Lòng chàng cũng có như lòng thiếp ch

vì có Lòng chàng ví cũng bằng như thế

Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa

Hướng dương lòng thiếp như hoa

Lòng chàng lẩn thẩn e tà bóng dương

Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái

Hoa để vàng cũng tại bóng dương

Hoa vàng hoa rụng quanh tường

Trải xem hoa rụng xem (đêm) sương mấy lần

chồi Mầm lan nở trước sân đã hái

Ngọn tần kia bên bãi đưa hương

Sửa điềm đạo (sao) bước tiền đường

Ngửa trông xem vẻ Thiên-đường thần th

Bóng Ngân-Hà khi mờ, khi tỏ

Độ Khuê-triền buổi có, buổi không

Thức mây đôi lúc nhạt-nồng,

Ngôi sao Bắc đẩu thôi đông lại đoài

một Mối năm một nhạt mùi son phấn

thờ thẩn Trượng phu còn nhớ-nhỡn miền khơ

Xưa sao hình ảnh chẳng rời

Bây giờ nỡ để cách vời Sâm Thương

Chàng rong ngựa dặm trường mây phủ
Thiếp dạo (nảo) hài lầu cũ rêu in
Gió xuân ngày một vắng tin
Khá thương lỡ bóng (hết) mây phun lướng-thôi
Tủy — Sẽ nhớ khi cảnh đào (Điều) đoá ngụy
Trước gió xuân hoàng (vàng) tử (tía) sánh nhau
Nọ thời ả Chức chàng Ngâu
Tới giăng thu lại bắc cầu qua sông
Thiết — Tuế một kẻ phòng không luống giữ
Thời tiết lành lần-lữa theo qua (đổi nan)
Thoi đưa ngày tháng tới (ruổi) nào (mau)
Người đời thấm thoát qua màu xuân xanh
Xuân thu để giận quanh ở đa
Hợp ly đành buồn quá khi vui
Dạn sầu nhiều nỗi tủi bai (tơi-bời)
Ngoài (Vai) bồ liễu dễ ấp mái triều (chiều) xuân
Kìa Văn-quân mỹ-miều khi (thuở) trước
Khi — Ở đến chiều đầu bạc mà thương
Mặt hoa nọ ả Phan-lương
(S3) khi mái tóc pha sương cùng ngừng
ngẫm — Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở
Tiếc quang âm lần lữa chèo (gieo) qua
ngẫm — Nghĩ mình (mệnh) bạc, tích niên hoa

(Phỉ phải viết trầm như P.h. Chiểu bảo)

Gái tơ mấy chốc sảy ra nạ dòng
Gái tưởng nọ nhớ mong về mặt
Lầu hoa kia phảng phất hơi hương
Trách giời sao đi nhỡ nhàng
Thiếp dù thiếp lại dù chàng chẳng qua
Chàng chẳng thấy chim loan ở nội
Cam cùng nhau nghỉ nơi phần trú
[chữ xấu chim] Lại chẳng thấy yến trên rường
Bạc đầu nào nỡ trên đường quên nhau
[bị chuỗi sau] Cánh chim loan đập dù cùng liền
Chân côn trùng lưỡng lượn đều đi
Liễu đường sen vững hết dù
Màn khi cũng nhánh hoa khi cũng
Ấy vật loại tình duyên còn thế
Sao kiếp người nỡ để đấy đây
Thiếp xin muôn kiếp duyên này
Như chim liền cánh như cây liền cành
Đành muôn kiếp chữ tình thà vậy
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu
Thiếp thời giữ mãi lấy màu trẻ trung
Xin làm bóng theo cùng chàng vậy
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên

~~Thiếp~~ Chàng nặng vàng nhật phụ nguyện
Mối bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn
Lòng lửa quốc thâm sơn ngăn-ngặt
Sức tỳ dân cũng sắt trơ trơ
Máu ~~Đạn~~ (Thuần) vu quắc ~~nguyệt~~ (Nhục-Chi) ~~để~~
Ấy thời buổi uống ấy thời buổi ăn
Mũi đồng bắc đòi phiên (lần) hăm-hở
~~Nỗ~~ Dạ lòng gìn giữ người trung
Hổ chàng trăm trận nên công
Buổi Đêm tên ai bắc treo cung non Đoài
Bóng cờ ai rẩy (thiếu) ngoài quan ải
Tiếng khải ca trở lại thần kinh
Non yên bia đá để danh
Triều thiên vào trước cung đình dâng công
Nước ngân (thiên) hán việt đồng rửa sạch
Khúc nhạc-từ dìu dặt khương khiên
Bài sơ Tần Hoạt ven trọn (tấu)
Tên ghi gái khói tưởng truyền đài lân
Nền luân tưởng đai cân dải vẻ
Chữ đồng hưu bia thể nghìn đông
Ấn liền (tiền) tử ấm thê phong
Phần vinh thiếp cũng đượm chung hưởng trời
Thiếp chẳng dại như người tô phụ

khôn

Chàng hẳn không như lữ lạc. dưới

Khi về đeo quả ấn vàng

Trên lưng cởi dám dễ dàng làm cao

~~Thiếp xin~~ Xin vì chàng thay bào đổi cởi giáp

~~Thiếp xin~~ Xin vì chàng rũ lớp sương phong

Vì chàng tay tuốc chén vàng

Vì chàng điểm phấn đeo hương nào nừng

Dỗ ~~Giữ~~ vấn lệ chàng trông, từng tấm

Đọc thơ sầu chàng thấm từng vần

bởi Câu vui đổi hết câu sầu

Rượu khà vừa uống kể trước sau mới nhớ

Lễ thấy Hề thấy sập với lần lần đổi chén

Lễ Hề thấy ca dần ren rén đổi liền

Liền ngâm đổi ấm đổi phen

Cùng chàng lại kết mối duyên tân gia

Cho bỏ lúc sầu ~~xa~~ cách trở nhớ

Giữ gìn nhau vui thuở thanh ninh

Ngâm nga mong gửi chữ tình

Những này âu hẳn tài lành trượng phu

130

TABLE DE MULTIPLICATION

2 fois 1 font 2	5 fois 1 font 5	8 fois 1 font 8	11 fois 1 font 11
2 — 2 — 4	5 — 2 — 10	8 — 2 — 16	11 — 2 — 22
2 — 3 — 6	5 — 3 — 15	8 — 3 — 24	11 — 3 — 33
2 — 4 — 8	5 — 4 — 20	8 — 4 — 32	11 — 4 — 44
2 — 5 — 10	5 — 5 — 25	8 — 5 — 40	11 — 5 — 55
2 — 6 — 12	5 — 6 — 30	8 — 6 — 48	11 — 6 — 66
2 — 7 — 14	5 — 7 — 35	8 — 7 — 56	11 — 7 — 77
2 — 8 — 16	5 — 8 — 40	8 — 8 — 64	11 — 8 — 88
2 — 9 — 18	5 — 9 — 45	8 — 9 — 72	11 — 9 — 99
2 — 10 — 20	5 — 10 — 50	8 — 10 — 80	11 — 10 — 110
2 — 11 — 22	5 — 11 — 55	8 — 11 — 88	11 — 11 — 121
2 — 12 — 24	5 — 12 — 60	8 — 12 — 96	11 — 12 — 132

3 fois 1 font 3	6 fois 1 font 6	9 fois 1 font 9	12 fois 1 font 12
3 — 2 — 6	6 — 2 — 12	9 — 2 — 18	12 — 2 — 24
3 — 3 — 9	6 — 3 — 18	9 — 3 — 27	12 — 3 — 36
3 — 4 — 12	6 — 4 — 24	9 — 4 — 36	12 — 4 — 48
3 — 5 — 15	6 — 5 — 30	9 — 5 — 45	12 — 5 — 60
3 — 6 — 18	6 — 6 — 36	9 — 6 — 54	12 — 6 — 72
3 — 7 — 21	6 — 7 — 42	9 — 7 — 63	12 — 7 — 84
3 — 8 — 24	6 — 8 — 48	9 — 8 — 72	12 — 8 — 96
3 — 9 — 27	6 — 9 — 54	9 — 9 — 81	12 — 9 — 108
3 — 10 — 30	6 — 10 — 60	9 — 10 — 90	12 — 10 — 120
3 — 11 — 33	6 — 11 — 66	9 — 11 — 99	12 — 11 — 132
3 — 12 — 36	6 — 12 — 72	9 — 12 — 108	12 — 12 — 144

4 fois 1 font 4	7 fois 1 font 7	10 fois 1 font 10	13 fois 1 font 13
4 — 2 — 8	7 — 2 — 14	10 — 2 — 20	13 — 2 — 26
4 — 3 — 12	7 — 3 — 21	10 — 3 — 30	13 — 3 — 39
4 — 4 — 16	7 — 4 — 28	10 — 4 — 40	13 — 4 — 52
4 — 5 — 20	7 — 5 — 35	10 — 5 — 50	13 — 5 — 65
4 — 6 — 24	7 — 6 — 42	10 — 6 — 60	13 — 6 — 78
4 — 7 — 28	7 — 7 — 49	10 — 7 — 70	13 — 7 — 91
4 — 8 — 32	7 — 8 — 56	10 — 8 — 80	13 — 8 — 104
4 — 9 — 36	7 — 9 — 63	10 — 9 — 90	13 — 9 — 117
4 — 10 — 40	7 — 10 — 70	10 — 10 — 100	13 — 10 — 130
4 — 11 — 44	7 — 11 — 77	10 — 11 — 110	13 — 11 — 143
4 — 12 — 48	7 — 12 — 84	10 — 12 — 120	13 — 12 — 156

Signes employés en arithmétique : + plus, — moins, = égalité, × multiplié par
: divisé par, < plus petit, > plus grand, √ racine de, % pour 100.

PALMARÈS

劉纏饑惶讒陰寧吟咏情振党情畫尾歐罕人僚大夫

歐

買衹毕衹中吁也膝跷共扛丕扛趋光共覽妥边扛損
單、月嬰顛每皮忠孝妥吁院論慕訪國審輪艮岜、餝庛
(370)
民閉是鈌、知又錦單手𢧐月民意思時眠注意思時眠哎鎢銅
摶隊屋歆許、色慕丕纏評影、忠扛原陣鋨功摑莧
𨻶比撩考巖免膝頭幟啫外詞𨻶啫凱歇接神京嶺
巖碑殘居名朝天包轄宮庭燈功落溜錢銅沼涎曲樂辭
唱噴嗜嗜才揚秦靂院金路籠詞鳳像傳臺麟壞動
將帶中𢢀隊家同休碑條光新冬恩達子陰妻封夫榮
(390)
淒拱隊後恩丕妄来幟如影蘇婦扛罕堂如屢洛陽
歎衛招葉印鑛達宮緞敵杷楊也高吁寫扛捲袍拾甲
吁寫扛揄堂鳳霜寫扛𦙶祝幟鑛寫扛点粉扐會惱濃
拱中度扛壁曹艙讀詩愁扛審曾句句恒对貝句愁
醋啊共計耀難每咥仕棹滂咨又隊幟仕歌寅練又隊𦗟
聦吟对飲曾當共扛吏結繡緣鯝糙来補聦愁賒隨牧

蕉印臉春影從永信可傷侶歡余當衰時仕妝欺模桃
孚椰魏轉春鑛紫鍾饒怒時娴織払半細腰秋吏比棣
戈淹切從几房空淹穿時郎冷怫侶隊兇棱邊影腦躡
毛影花潘淳戈年春撑春秋底恨意拾胞合雜停搵
邊欺搵怨愁鬆眼總鏾纘蒲椰易押索朝春箕亥惹
義苗課轉哀細欺頭泊麻傷楣花怒娴潘郎情歎廣邊
坡霜扶泻指顏色當澄花妾情兇陰吝呂指戈指歸撑
惜年花娪綠余祝麻巫娜娟海香怒睇朦鮮楣樓花箕
彷彿啼香責丞牢底呂郎意油妾吏妝払庄帽払庄覓
鴛鴦指肉共習超庄信分襲庄聘鴿蕪達標頭泊空女
推塘技饒箕類螻壚頭扶鍾怒類鵲絨翅共戀椰蓮
羅鞋校堆花共舊雄校共連意類物情緣群世年叔影
女底帝低妾吁詞叔緣尾如鴿連翅如校連梗停詞叔
敎情時压曉叔尾欣覓叔黏妾吁払渚泊頭妾時穿

边坼湄傩犹當嗟啼边楼崴東鑑蘿鎂擾揀難習花梅英
拂披戀攏霞宜岂岸涧琨鸠拔臉落顏叫傷滝西鑑滘
篆撓曲雁娴空涛喙遊船鍧岸橋鐘祝笠華瀾運灑備影
覺毯衛鐘罟皮頭丕稻堪蓮帶樓審平隊番笙運浴落
窗穗別覺坡燮羅瑪玉调揺捧壇倚坤学跡巾招抹節持
鑑仙身尼化移揹贼喉空庭赴麻蓮鐘樓眼曝吏襟年楊
椰時勸払傳鄭舞封庄咍澗驕騐惹払固特如惹妄庄惹
払意揣革如世惹妾覺啟指斷縣向陽惹妾篆花惹払
吞錫喉斜勝陽勝陽度花鐄庄兑花底鐄揕在勝陽花
鐄花用墻畦貼花用賠霜余吞梅蘭女睇塌色擒蔬顏
摸边孋送香撕祐蹅跳前堂賭鐘貼縣天章踪勝饌
裹孀歎訴度奎纏員圓員空式還隊眠讌濃縣鍟比斗傩
東吏兑没翻没鍊味輪粉丈夫鮮瞳認呵涧初穿形影庒
移戀縣女底彌滿参商払騐驗騤長撫妾蹅跬樓罄

(4)

埃恨粗点恙歎愁癖性由払盤埃江氷恪之娥織婦媳渡滝
涑滨宮膝视蔓愁搞碍埃重也捡词翦艾落埃退也钳酶芬
花洄性寫談愁也酥濂洄也花喂搬筌玉命回空唱搞弹
篆命泣移骄性歎行役词飯骙除添露篦落更漓到鵤
嗡也涑滬相妆樵搬知空鏈胖哼鑛对惱香韻骙離罢别
享酸恙敵尼喰味醭榛恙贾訴味醭尼呵因為埃斎払
渡妄流堆彦払身妄禮雷沒皮身妄庄斯摸蔕幔淀妄
吊尖柱边巾擅群戚邊特贱瑶又恒細江津尋歎彝払諜
湯棠墙蹦返払尼湘浦渡習森田命眠情期庄戈達捡没
躁邊眷恨妄身吏庄芊邊特贱払边滝城詞欺瞞仍惜欺
戕情齣戚邊阔新共空擅田没榛恙庄感本繞払躁刻
吊褪恙繞叔渚凟覓歎達高命眠齣望溜軸車齣望渡南墻紛
樋渃韓碧犢櫻撻舉撐茄歎臉蓓終征没弾鸚鸞鞨嫁
制歎齣墻比隊筥嚚容蜜邏鄙校撑寔岿嶽穆城僅辛

1212
簾疎揄托隊畨𡐙簾鵲撫囕嘻鍾簾蕂園花畑别
㽵畑園别蕂𠀧㽵别恚妾𥙷愁切麻催慍詞吶㽵鐵嗟
200
花畑筫買膝影可傷鶄哾喔嘅霜𩂟鞁槐拂披𦟐弄
果边刻𠄼除𪀄又如年緬愁戈似訝彼𠁑香𢏣灶䰟定迷廣𡎝
弹𨤵淚吏𢭸滇琵琴𢏣撥莸弹續弹𪀄驚組𨀈鳶𥒥重恚
尼撥𦟐東園便𢢲鐄吁撥𥚂嫩燕𥠄燕油㽵細訝妝払𣳔
𤀖𡑝蓮𠀧吝吝涞𤀖𢵸𣳔坤透𡛔妝払油𢢆節衝畧慍
影切他恚𣈜模霜溪嘈𡎢湄嘖霜如錦劇𠶋格梛𢷀蕂
𨭉𨆢𢯏梗𣘛𥪞雪撫𡀳𪁗柏𡢐墻吲永鍾廚𠾕𡈺𨂔
(rây)
𠲝𨁪月涞𨆝屋沒行蕉𨁪涞外軒蘿𩜠抹莸𨁪穿膝花殘
膝月蓮𨆝簾花㩡月又淹沒𤎕月簾竜花又𨢟𡗶庵月花又
月重又𨆝花帶月鍾恚𠦳𠓀又𠦳計閣愁𢢲㦖自女工
𧸝 (230)
婦巧𧦕𦗏𡅳拎針吶這𠀧𪀄堆憎緘之堆𥒥繐𥿁吶蘇𠯹
强吶𥉩嚴吏朝唯又𢯢𥨨𢯢𥨨淹𠸥魚恚咏払点糚粉紅員

影根唯黄花𪸹賤情家堂常埃座固冀老親謹婦妝傷歲
嵬披拂屋霜跳踈梃跛屘當扶持惡老親愮欺撐钔
咀孩児除曬吃餠叭裴妾色孝男鍊猑烟毋妾也父親尾
没身餒嵬吠雉安闹恨慌慏别色妆払陡佘霜蹕眷睯
捹買冬常群餘計鮮色跁罾彇演安惡添斦萬滚邱
約方斯淦鼎嬰拱念嘆噔底払訴咍鈘宫漢賠䶧出嫁簕楼
秦踊𩫆熻銘愢埃庥搬细典吁払透歇䁖惡相思鈤拎𦍒每
欺𦗟瞍王棋頭課誦慍邀愢埃庥搬細尼底払珍重踊
影相親硬佘眷信鼗信吏細眷尼信騃永窒傏覓雁隴想
書封聴啼霜熾袂崑産床𨑱西淒窒塘鴻便性壡外雪
眷渭沙慢渭幔雪衡坡拐添淦泀凡墨壡外題數錦封
肆翔招𩲡錢吋信揕群号丕曷歡譯膝艮魚腠曷鸖摬祫芭
踪遂鬆尠如埃魂酺膝吞膝睞又剝又廉霊䀿棋祒
扶憘惓歷摑𨖍綹篈安騣腰縒軒汞䘪招曾跳盤

(110)

色拐宜因念別吁共埃妾尌翹劉扒外顛還尌劉尾色
停分妾外還冀尌叔扒爲仍憐駢落恒回色𡗶雄我落
還隔漏妾底想蒌影征婦扒嶺曾學屠王孫攄年隔
阻落嶽遣影饒嚴夜歇仍油燈風流當年年少𩼀饒共
摑採字緣女吊唯侶少年調山巖隔寒膽色停課臨行驚
渚鳩椰晦𣇜衛約鳥報鵑歌孩鵑色遊鶯蘿鵑𪀄吏既
轜茄吋爐課登途梅渚悼𨄹晦𣇜衛指度桃罨孩桃色春
𨄹東英蓉蓉吏拖边淹芭㳘限共此隱西岩意歇色𧡊
吊覔𠰳𣈜山岌𡮍蘿用梗警郎臚瞻眊啫鴦𠰳嘀𠰳限尾吊
漢陽梂姈䏧尋吊固渚耗岌𡮍𨄹遏戰𧙕𡑝歇源泥落
瀾潠瀟信恒吏影雲傍覔吏榕花殘色騃蓼撑蓼撑夋
箕絡饒𡓇没跳窒情艮魚書常吏影渚傍覔細幅篭
踈吝𧘇滕陽滕陽夋貝穿昂𡁞牢進恨拎恒單羞此
併吏演㵢𩄲意錢蓮荷色芍墨𨁪惱影吝吝溢𦖻惱

(150)

(2) ×

90

烛哮飑玲影愁糆碑循涪潑虢踬跨揩鞍衿騃色瘠雄

逢吉皇聆堪蕖撑屉汉鼋自城棟吏枚胡飢青海造戈

硌溪势齿账赊组催吏鑁劄色吏高霜颈齿员朝如玲湛

悉溪裊滂群溇忰影袄甲闭数悉闺戈姑糆愁庄骚

连帐锦透咍庄理状征夫换蹬米铖想影容骆余年

庄尾灏海良馮笔阔色溷阻雄岸踈虎吏玲涛仍墙霜

风逢高鳢式逻悉常罗庄动悉闭伤伺褪郎连东

南涧凫别屉扎进讨尾揽仍影征战余数珥贴性命如牟

鞊梜嚜啼猛恩铧伺鳔破准兢巌特色饶巘衍向递堠

腰撩溲淝飑嗯调嚣余堰魂死士飑啮又嗯糆征夫腰唯又

熠征夫死士余影常埃摸糆常埃哙魂颈兵焰湛嫩如翻

几衍人戈戕郑伤分鹞嶤盏战场扎超逻色卤霜買衛

想扎硖鼗度瞡婺跎搜镰浞棋戎鞍衡披飑壢腰岸

镅嘹颞驭鄹揀糆城盏功吝夏䶮墉遒奇仍瘆普疆帝

𣶒塘边橋鞊木群嫩逡扒惡戈又恰步坤竿敦水坤竿
船淀囡沚庥熕摳濕鞊囡蔶庥胣庄𢣷嘞来嘞吏扲䌷
跳踐淀跳綫又吏踍惡妾似膝腰蹺唯扒愁睽尋攃天山楳
鐮醽餞諸殘指昂莌緑飠岸醅䶨皖樓䜌蹺合字細
蜜渼盘事使波袄扒赤觀縴坡敦扒色皇如羅雷郎嗜樂敦
吞饇嗜皺佐糰来一俸蚡䌷河梁蚡被塘尼边塘鲤蘿蹟
𧄌愧又軍糧色細外营椰騎䶨群屋袅長楊軍逡扒蹓
蓮塘椰楊别妾断腸尼庄嗜留逷𨃵澄回望行蹟𧄌鲤膝
拂披躡扒蹺鯉𨗁逡妾聰屡肖艮鱼安茄扒時趁撥賒湄䁱
妾吏衛房䶨詔稹免鲤蹺色陽垠𣶒竿𥫻逡𡘩痕肖撑
淮咸京扒群𤘺吏𦻆蒲湘妾騣鲤𨙸瑰洋湘陽咸陽
梜咸陽陽洋湘仝重共鲤吏庥共庄儔覓儔覓撑又騎仝山岸
𣘿岸𣘿撑峣淀年惡扒意妾埃愁攸埃扒佃𥚃飠尼𨻶吉
𦡂腠尼拷洡帘覓𧮳𦣛戰地篡色𩩍堂𩩱𨁈𢶍擎色燐

(1)

太平願歲還君然此後妾何處相会相期相寄信嗟乎

丈夫當如是

畢

征婦演國音

課吞坦浽𩙻𡏧客𩈘紅𡗉餒迍邅撐箕深審層𨑗為埃𢲫
𥩯朱𢧚餒尼皷長城竜揉𩃳月熄甘泉𣻆𣻆式𩄲𠃩吝鐮
宝投緬姅𡖵傳檄定𣈜出征渃清平巴𤾓𢆥𡳰襖戎揮官
武自低使吞𣋽逐塘𩄲法公羅重念西詑吊塘容驪䏾扔
弓箭貝餞迻𢚸蹂妻孥𩃳旗嗜皷賒又愁達阮隘怨壘
𨷯房払歲稚本涧豪傑攝筆硯跳役刀弓城連懞進陛
龍尺鐮㐌决拯容賊吞志払𤳆𨤮𠦳䏧馭招泰山拜女鴻
毛啫茹扔幅戰袍叱檑橋渭嗷又颱秋外頭橋渃𤁘如

君護國心如丹願君施民力如鐵既來君下月氐頭還
來歇下筆手血何章題訂鋒刃中老天著意許英雄護
英雄百戰功長驅駟馬靜謁東謁南謁北休傳箭山尾山
頭單掛兮捷色強旗辭塞月凱歌將士背边風勒詩
兮燕然石敲鐵兮來央宮來央宮兮向天朝挽天河洗兮刀鋒
人刪下年淮頌樂府歌傳入漢謠凌煙圖兮秦此玉麒麟臺
兮霍嫖姚天長地久茅苴券子蔭妻封福祿標有心兮
此日得意兮來時妾涨蘇家弱女婦君亦為陽好男兒
為來倚佩黃金印背学當年不下机願為君兮辭征衣
願為君捧霞巵為君梳洗雲鬟鬟為君輕点玉臙脂
取君看兮滿處帛新君唱兮滿情辭滿情辭兮換新聯
講新詞嘗兮酒盃前淺酌兮慢又低唱兮連又酌不酌兮
渭城釀唱不唱兮縈篇願醒唱双聯與君登顛滿姻
緣愛頭成双到老天償兮功為離别日相憐相守太平年

容易過，況復是書詞來隨愁恨續，況復是合歡更又別，愁
多別愁秋恨兩相磨，蒲椰青又酤幾何，空嘆惜，恨咨嗟，
只恐白到文君頭，空嘆惜，恨咨嗟，只恐花到潘郎鬢，興恨咨
嗟，嘆惜何以為色顏猶紅如嫩花，咨嗟何以為光陰一擲
無回過，咨命薄，惜年花紛紛，少婦幾滅要香閨重恨陰，
笑除花樓尚記鮮魚羅，恨天不與人方便，事到今成坎
坷，坎坷坎坷奈君何，為妾嗟兮為君嗟，君不見野外
雙鴛鴦，甘心不忍信分張，又不見樑頭雙燕，又白首何曾
忘繾綣，鴟也無情，此翼相隨過一生，想也無知，並驅到
老不相離，路椰曾傳連理處，枝蓮亦有並頭時，歡娛兮
驅驢拖羅兮兜綠，何人生之相逢，嗟稍頻之如斯，安得在
天為比翼鳥，在地為連理枝，寧甘死相別，不忍生相離，離
然死相見，曷若生相隨，安得君無老日，妾恒少年顏，為
影兮隨君，君遊君有行兮影不返，君復光兮妾亦顧又

君何所見江水曲如鉤長空數点雁迭浦一每每西去松
楸漸蕪行人微沒隔滄洲望君吳頭又地頭來自登樓又
下樓凍雲阻君相思眼何處玉關征戰取恨無長房縮地
術恨無仙子擲巾符有心識化石無渡可登樓回首長堤楊柳
色悔教夫婿覓封侯不識離家千里外君心有似妾心不君心倘
與妾心似妾亦於君何驚惑危妾心如花恒向陽只怕君心如
流光流光一去不復照花為流光黃又黃花黃更向誰邊笑
流光不皆一回照黃花都為流光老花黃老兮落滿墻花
落如兮更幾霜庭蘭兮已摘紅蕙兮又芳擕衣步前堂仰
目覓天章河水翻明滅金纏牛現藏織雲時彷彿北斗忽
低昂日照兮我床風吹兮我牆玉顏隨身削丈夫猶他方昔
為形與影兮為參與商君邊雲擁青驄騎妾處苔生響
蝶鄰桃黃鄉紫燕東陽良時節織女牽牛會明月可憐望
兒守一空房年又過君良時節良時節蕙如梭人世青春

代作九泉雖識琮瑩兮不成鄉音抱鳳箏兮不忍彈思遠
塞兮行路難念征夫兮囊橐單鵑聲啼落調情浸樵鼓
敲殘帶憶肝不勝憔悴形骸瘦始覺睽離滋味酸滋味酸
兮辛酸端的為良人為良人兮隻妾淚為良人兮隻妾
身妾身不到君征幰妾淚不到君征巾惟有夢魂無
不到尋君但又到江津尋君兮陽臺路念君兮湘水
濱記得幾番歡會延無那一枕夢中春此身反恨不如夢
覺子撞詞與子親夢去每留驚更斷夢回又惡幻那真
惟有寸心真不斷未嘗頃刻少離君心不離兮來見君任
高幾度望征輪望君何所見江上滿白蘋漢草披青萎秦
桑染綠雲南來井邑半風塵落日平沙路一群望君
何所見官路短長亭雲迴吳樹碧天際蜀山青比來黍
半荒城微雨紅樓笛一聲望君何所見空山葉做堆個影寂
野雉個雨滿江梅東去烽煙慘不聞西風飄落鳥聲哀望

槐陰度八磚愁似海刻如年强燃香花魂消檀柱下强臨玉（鏡）

筯篴箋花前强撥琴指下驚停鸞鳳柱强琵曲中愁遏

鸚鵡綰此意春風君消（皆）傳千金借力寄燕燕（燕燕）來消（皆）傳憶

君超（超）又路天天遠來易通憶君悠又思何窮愁人處傷心膈

樹葉青霜裡恐（蛩）聲細雨中霜斧殘兮楊柳雨鋸損兮梧桐

鳥反高巢露下低叢寒垣便蟲遠寺時鐘躁蹲放聲月

芭蕉一院風又烈裂衣紙窗穿幌簾月移花影上簾籠花

前月下月伺伺月下花詞花伺紅（月）花又月兮影重又花前月

下兮心中又千般懶萬事慵又女工錦軸恥拋鸞對偶慵婦

巧金針篋刺蝶雌雄慵粧道曉窗拖粉慵語終朝倚倚

窗倚窗復倚窗郎君去兮誰為容誰為容兮怨盡極郎

君去兮偏重調何處天常孫冷落銀江渚何處姮娥婦淒

涼坐廣寒宮藉愁兮為枕憂詞兮為餐歡將酒劃愁又重

酒無力歡將花鮮詞又壓花無顏愁詞總為愁悵詞愁

年妾情懷有幾千縷逐萬縷安得在君边訴妾斷腸苦
妾有漢宮鍬曾是嫁時將送来慿誰寄君子照妾冷孤湯淒
相思懷妾有秦樓鏡曾與郎初相对影慿誰寄君子照妾今
孤另妾有鈎指鐶手中時相親慿誰寄君子織物當殷懃
妾有檯頭玉嬰年年見所弄慿誰寄君子他鄉車珍重昔年
音信有来時今年音稀信亦稀見雁枉然思寄帛詞霜幔自
製衣綿衣西風欺寄無鴻便天外憐伊雨雪垂雪寒伊定虎
幔雨冷伊兮狼蕩幃寒冷般又遙天外可憐伊伊歸字題詩
封更展金小詞信还疑幾度黃昏時重軒人独立幾回明月
屆單枕與斜歡不調沉與醒懵又人似醉不調愚與情懵
懵意如痴簪斜委髻蓬無奈裙褪柔腰瘦不支晝沉又
年院行如墜夕悄又湘簾捲又垂簾外窺日出枝頭無鶴
振簾中吐屆来心事只燈知燈知君無知妾悲只自悲又又
悲兮更無言燈花人影總堪憐咿伊喔鷄鳴通五更披拂

君桃花紅花已逐東風去老梅江上又莫嗟與我約何所乃
約隴西岑日中守不來鄰葉覺我警待立空潯涇寬都
喧午倉與我約何所乃約陽漢橋日晚守不來眉風吹我袍
待立空潯注寒江起暮潮昔年寄信勸君回今年寄
信勸
君來信來人未來楊花冷落妾蒼苔蒼苔又蒼苔一步閨
庭百感催昔年回書訂妾期今年回書訂妾悔書悔人來
悔沙寬寂寞轉斜暉斜暉斜暉又斜暉十約佳期九度違識
將去日從頭數不覺荷錢已三疊最苦連年此紫塞人最苦
千里黃花戍紫塞人誰無堂上親黃花戍誰無閨中婦有
親安可暫相離有婦安能久相負君有老親鬢如霜君有
嬰兒年且穉老親守倚門嬰兒守待哺供親守妾爲男
課兒書守妾爲父供親課子此一身傷妾思君今幾度思
君昔年守已過思君今年守已暮君淹三年三年更四

不生愁自後別後東南撒東南知君戰何道古來征戰
人性命輕如草鋒刃下溫人挾纊主恩深時刻中歷人橫戈壯
夫天祈山首塚月從又浥水新墳風霜又風霜又空吹死士
魂月從又曾照征人貌征人貌誰丹青死士魂哀弔可憐爭
詞首山川行人隨此情多少古來征戰幾人還班超歸時鬢
已班料想良人馳驅外三尺劍一戎鞍秋風沙草明月關山
馬頭鳴鏑城上綠竿功名百惱裡勞苦來磨詞勞與詢
誰與言君在天涯妾倚门倚门固妾今生分天涯豈君平
生魂半生魂自信相隨魚水伴今生分那堪相隔水雲村妾
身不想為征婦君身豈学為王孫何事江南與江北今
人愁曉又愁昏一箇是風流少年客一箇是風流少年婚可
憐兩少年千里各寒暄憶昔與君相別時柳條猶未轉
黃鸝問君何日歸君約杜鵑啼杜鵑黃鸝老青柳樓前
語鸝鳴憶昔與君相別中雪梅猶未試東風問君何日歸

裡兮兮程兮程兮河梁兮細兮路旁路旁兮一望兮歸央又前
單比細柳後騎西長楊騎單相攤君臨塞楊柳那知妾斷
腸去又落梅声漸遠行又征歸色何茫望雲去兮郎別妾
望山夜兮妾思郎又去程兮濛雨外妾夜處兮昨夜房夜
去雨回顧雲月共山蒼郎顧妾兮咸陽妾顧郎兮瀟湘
瀟湘煙隔咸陽樹咸陽樹隔瀟湘江相顧不相見青青
陌上桑陌上桑陌上桑意妾君心誰短長同從別後風決
隴明月知君何處宿古來征戰場萬里無人屋風紫又打
得人顏憔悴又怯得馬歸促成夫枕鼓卧龍沙戰士抱
鞍眠虎陸令朝漢下白登城明月胡窺青海曲青山高復
低青山前青漢斷復續青山上雪濛頭青漢下水沒腹
可憐丈夫多鉄衣人思每當此愁顏感錦帳君王知也無恨
雖誰為畫征夫料想良人經歷処蕭關海瀚海陽霜村雨
居虎穴跪區風餐露宿雪臥冰監須登高望雲色安得

征婦吟曲

天地風塵紅顏多屯悠々彼蒼兮誰造鼓鼙声動長城月烽火
影照甘泉雲九重按劍起當席半夜飛檄傳將軍清平三百
年天下從此戎衣屬武臣星天门催曉發行人重法輕離別弓箭
兮在腰妻孥兮別袂猿々旗出塞愁喧々簫鼓辭家怨有
怨兮分攜有愁兮契闊良人二十吳门豪投筆硯兮事弓刀
直把連城献明聖願將尺劍斬驕丈夫千里志馬革泰山
一擲輕鴻毛便辭閨閫從征戰西風鳴鞭比渭橋々頭清水
溝清水边青草途送君処兮心悠々君登途妾恨不如駒君
臨流妾恨不如舟清々流水不洗妾心愁青々芳草不忘妾心
憂語復語兮執君手步々一步牽君襦妾心隨君似明月
君心萬里千山箭擲離杯兮舞龍泉横征槊兮指虎穴
云從介子擒樓蘭笑向溪談馬援君拂壯服紅如霞君
騎驕馬白如雪驍馬兮鸞鈴征鼓兮人行須臾兮対面頃刻

吟之偶鶴詩 仙境記荣羯常有双鵲表羽檄日互偶影翔集傳曰彼夫妇效百歲化成此鶴時人作詩曰樓岩偶鶴是何緣 吟鶴

詩之酌金罍連吟連酌適臺酌罍吟隨唱吟餘酌又催酌不酌之酒餞別吟不吟之詩感懷重賡賀律之酌歡杯與娘情勝之當和諧也覺青春必再來百年果遂青年約子之孫之際泰階遐泰階勉娘完一節不忘勸我保洪烈佳会重逢也定期緊斯真謂女豪傑

畢

合歡時合歡時可做佳期功成名遂早從海山窩亂崖山崖

馳驃驤海東海北趈鯨鯢年鸞不待傳之爵 薛仁貴詩契 / 毋寡發之矣勇

惧嘴降軍中歌曰將軍之爵定 / 天山將士長歌入漢調

退虜勞賦一詩 何 宋澂極歎名鄉 / 以章之文取任 勞卒𡨸

采薇曲記功露路布旗 周亞夫平七國記功乎布 / 旗謂之露布旗文也 露布旗𡨸敵龍庭

詞武庫𡨸藏甲兵金錯稱竜命 後漢末武陵侯作南征將軍賜金 / 錯刀一具賊之曰不用命斬之唐高祖

起義軍旗必以限兒符侵 / 將軍唐李光弼元功第一 独播元功千古美同休両字億年馨一

门大小連榮顯百福攸兼萬事成我念糟糠𡨸負義 宋 / 弘

对光武曰糟糠之 / 妻不可下堂 娘常巾櫛如常儀对娘到老長和合償娘

前日暫別離爲娘粧𡨸画蛾眉 鄭谷詩东樓女伴黄翠笑剪紅 / 花学画眉 剝趙女多画眉

爲眉寢𡨸双賦覆衣夾娘檀薰卧褥子 香炉名 長子巧護作乎 / 傳云香炉以檀薰兔被中

皆香故名褥子 / 出西京雜記 夾娘與協弄璋見和娘唱𡨸双鴛曲續娘

鼓琴鳥鳳舞鼕巴

鼓琴遶魚出咱 遹志念仙棊黑白 囲棋詩云縱横一 局囲黑白双交馳 濃情借

酒馨深淺重又交手争旬又穿逆𩵜 為鴛衾中花覺

蕟 宋人愛見衾衣中生兩爲蕾花 後又得嬌娘為之妻共之偕老 芙蓉帳裡朵双葉之粧𡨸石

精 東方朔傳云鏡者金之精荣石之精 表於日光裡於影星兩人对也相知此名 对吟𡨸歸屛何少時之好

念𠸨此事之难鳴安得皷琴為少年樣吟詩為少年

情君生無願遂不若尚冥又还爾天生我还我做來生

玉齡奏上帝詩 昔我未生時冥冥無所云天既生我生我復 何為無衣使我寒無食使我饑还爾天生我还我未生時 安得娘

生遂願我生荣君娘有願𡨸我同盟娘奇心𡨸共𢜝娘

學粧𡨸对我鏡勸娘節不結霜情 烈女清潔一 勸娘心不

波古井 古詩妾心古井水波瀾誓不起 打𨁪付𥫯日軍行 節無玷可磨 戍婦有述詩詞哭寒憲無 則譜打𨁪為付𥫯行軍

挹晃庭揞𥋴燈影 南島女子夫这戍 直他晃揞燈影 天也生人不𦀊離離時更有

Iz 7581

1	**F21**	26
2		25
3	LONDON TRANSPORT BUSES	24
4	Available to point indicated by the	23
5	punch-hole and shown on	22
6	demand NOT TRANSFERABLE.	21
7		20
8		19
9		18
10		17
11		16
12		15
13		14

(7)

流光変移難信彼蒼又奚 蒼又奚之出莊子書 況復是一信偶
真千憂假 出古詩 況復是百年恨短五更長 古詩人世百年猶恨短閑來無事怨更長
更長憂假兩傍俚情緒何堪貯一腔徒悔恨枉勞攘悔
恨將謂何此生不學作農商勞攘將謂何當年事事
舞刀鎗悔往事勞戰場白頭易換少年郎曉驛敲殘泉
韻切鄉心滴碎雨声驛聖君何覚边情苦不待龟形織縛
悩 罢一年作悵商詩 殘合他鄉已十霜故園每望樹蒼又杜陵还憶草堂上
酒今空鄰菊徑荒曉驛敲殘泉韻切鄉心滴碎雨声驛名驛利顧
何時辭寒暑推还甲子悩 倉今唱中之边将引聯防边僅十年其妻使
氏縛回文作龟形詩 諧阏進回聯離已是十年霜对鏡那堪更記粧調
雁絶回修尺素見霜更為製衣裳未回尺素先垂淚未製衣裳更斷
腸 縛織龟形獻天子顧赦行客早还鄉 王見詩召聯还
織悩織悩来獻王半為我兮半為娘 娘不記 樂與少年時
向花对月再吟詩又不記 逍遥少年日舞風逍遥双鼓琵琶 友趙

娘情眩共我相似我亦拾娘共援寒我情似鳥巢南枝

憶我詩越鳥巢南枝胡馬嘶北風

只恐娘情似葉影

只恐世態炎涼人情似葉影

葉影返往一

不復箬葉影不爲南枝箬南枝只爲葉影悉南枝悉

𡨸鳥不離鳥不離巢已幾時荷錢𡨸已鑄

古詩荷錢

鑄青錢

萬

花𡨸又稀

古人蓮詩云玉稀朵又寒冬冰潔

帶甲節窓影

出古詩

定愛獻多岐

出古詩

天籟敲雛雀胡笳亂子知栽浪潘襟雪

出古詩

梳頭滿

面綠濡堤他鄉客故國甚時反昔猶針拾今猶日照

葵娘在鸞房愁染慎我逢雁塞調縫幃

梁卅記北有雁塞山又有幃雁樓巢故因名又顧方号雁塞

幃中想到更田海

神仙傳麻姑謂王母平日自接待以來滄海之變為桑田書更移之速也

可惜難逢好机会曲鳴金鸞疊又彩好机会歌吟彩鳳双

双对征人蟬鬢未咸班

古人遠寄詩蟬鬢斑辰

眉乳鬢墨在無

蓮婦蛾眉𦋦

點黛可惜樵樓歷歲花秋又熱了好机会好机会逐

(6)

聞鐘声落鈔 夜半鐘声到客船

滴滴更 古詩雁鳴再嘆四千里 曼竜臺滴碎五更心 東橋流恨水 餞別詩第五橋東流恨水 水皇波岸北結愁亭

北岸結愁亭 春天玩草羞為情 餞別詩莫酒清波宴易 得緑波春草羞為情 行々

萬里重行々 古詩行々重行々與君生別離將去萬 里各在天一涯道路阻且長会面安可知 330 望家何所見

望家何所見 325 能望

馬影扶桑 東方朔十洲記云碧海中有桑長數千枝千餘圍兩幹同根扶日出 老驥豈標玉荷

池原路香夏日長思似歳長 古詩日長似歳長詞 335 行々幾字復行々寄边

將詩幾行意 字行々漏（涙） 望徹雲詞又水詞 惟雲黙（黙）水潺々又近一東流一

西飛繞臺頭何處是郷關 340 女得白雲乘以往 太真母大女有仙術時乘白雲往

逐回 海 安得青牛乘以还 封君 十歳者凡道路人有痛便以藥與之服應手皆愈 永娘百餘載乘青牛还郷里拾北之

不以性君示 人出仙傳 無書兼路遠 有夢更殘紅 早又知幾女年日 345 之公換

我布衣難 布衣指換之公 莫覚我情闊塞遠 娘情中曾居我盤桓

沙雁歡到怯悵兮 ~~新月~~ 新月似弧兮傷兮（兮鳥雀即占之）只有素娥邀月到

向東屋又自推窗向月兮潘室上（潘詩皎又寒中月 照我室南方端）望月兮院

帷中（阮詩屋中不能寢起坐呼嘈秋砧）帷中薄鑑明月清風吹我襟 掛想幾時相向望莫照素

娥相樂從（后羿妻嫦娥竊藥奔月 此月真色白因名素娥）笑到嫦娥恒謹我不來忽上

廣寒宮（天寶遺事明皇遊月宮見榜云廣寒清虛之府見素女皓衣乘白鸞）月現素娥曾對面月

隱素娥娥改容惟有面容恒望又望東望去望無窮我望

無窮來見逢登山問路望家量望家何處見岩嶺瘦梧

桐嘆又蟲鳴雁叢又叢敲風泝渚浪船無水 ~~通~~ 道（東坡詩 無情流）

（諸向東流載一 船離向川西）秋樓咱月鄉音丁東（宋詩得一桐作一樓榜云咱月樓時有木 去題詩云抛梭声極又砑桂鄉音丁又云）

（云公以女妻 云女居此樓）望家何所見山表照斜暉榆關雲寂又遠水雪重

垂（古錢別詩榆關雲路北來雁遠水雪鋪東渡船又引左輔答）楚山到處

邊信云良人去年戍遠水但得边來字画紙

有雲隨（李白白雲歌秦山楚山皆白雲處處長隨君又今送劉楚山）裹雲已隨君渡江水上女蘿衣白雲早臥早行君早起冬渚

蒼烟誰蒼姻兮泪幽情娘在家兮隔雲程何處桃源
郎重來思玉女 漁父因放船至桃源所見群仙圍棋仙以桃子與之食後每家再來不知所在 何異藍橋客
復到憶雲英 裴航遇趙襄夫人賜詩云一飲瓊漿百感生玄霜搗盡見雲英藍橋便是神仙窟何必崎嶇上玉京及至藍橋
遇雲英娶之後思念家室各處叩問老人曰我父 量慘兮為海
傳來有此姓名乃慘然而去復至藍橋已不見其處
樂愁兮為城將問月賦愁淡月姮娥影將呼天呼慘天運
織女星愁慘既為城海為愁慘不為月天鳴執黃戟兮
慵鼓舞操金戈兮懶縱橫憶梓里兮幾秋螢 古送別詩 百年双白
髮一別五秋螢 憶鄉園兮悉歸鸞還 田望能觀支正居 兵法田望門外設
支正居以覓処 驛路名曰短長亭 古送 詩宮郵
送在支遊躅作使 越山回顧短長亭 青又莫回顧短長亭是驛亭
巷牛夜愁笛鄉音幽梓鯨吼惱鐘声 童有九子一曰蒲牢其性好 鯨見吼則鳴化鐘声之上有
狀打之長声 蒲牢其梓作鯨鐘声惱兮情易濃情濃声惱為謝房為謝房
兮貼沙雁為謝房兮塞鴻塞鴻欲斷驚羅網鴻則羅之 詩云鱼網之設

時路塞飽窺兩又燕差池（毛詩燕燕于飛 差池其羽）甚得人生双翼

紛千里不返返鶯囬鶯囬音信稀憶娘耿又作纖愁

絲愁絲繞絲人憶娘悠又作憂君真懷邑里熱心神幾

似鴛鴦侶無知鹿豕群（孔叢子未子高逢趙返別故人各相流涕 子高曰人生有四方之志豈鹿豕哉而群）

娶乐留客住作小雨笑人愓作張雲（古錢別詩小雨有情留客住 張雲無語笑人忙）尺

照征輪霞落草裀暮山焚句朝樹煙薰霧橋波似箭

南浦草如裙（二句古錢詩也）（杜淹錢別賦 春草碧色春水綠波送君南浦傷如之何）雪染旌旗綸

白紛霜濡戰甲蹈紅塵甲冑霜中冑蹈旗衝雪裡

遶綸雪霜又雪作總紛又雪衝霜冑作心懲又經一白

陣唱三軍歡詞智囬旗棋懶打双紛馬馳馬双紛歡許（奕棋法單双）

咸求書蓋寫西交鄰（春秋左傳許咸是許和也錄 欽準詩西國交鄰蓋寫卞）歎行步長蓮

步懶歎望家遠椰眉嬋眉嬋又眉嬋娘在家作誰

(4)

愁声何莫收拳别恨何難描 舊伴侶古詩水闊山高頭中
趣水闊何山高天鵝有翅飛可信踟蹰莫驗更無聊幾飾燕
妬巢碧山顛引眉望幾時鷄報曙青山寄眼眺偶在碧紗窗
憶中織白紙 吳仁叔寄家書語織白紙妻王氏啓緘見之即寫詩復云碧紗窗下啓緘封一紙從頭徹尾空料想仙郎懷別恨憶人全在不言中
225 細看紙跡裁處婉金刀 裝說作寄邊衣詩好白云寒鳥声相喚紗窗只有剪相伴幾晨和人統了懶裁離腸愁逐
235 金刀斷晨紙無搜乾濕痕寒衣不嘗覺寬腰雪依又染啼痕潤
庭霞燭又浴鐵冰城朝 古征夫詩染啼痕城中留雪還白青鳥 閱庭浴鐵冰城朝 230
鬢描 古詩鳥鬢又只因朝雪白 城外寄霜染玄黃馬色彫 毛詩云陟彼高岡我馬玄黃 馬
彫瘦不彫我愁情似桃桃又何更語離 235 人情我馬瘦時飛
當年恨不爲舟子 橫陽德別離詩一自人君空從宮有此云從我萬里別射來幾年羈捲慢雪彈指詞兩柱掃眉恨不為舟
子去往不相離 去往相親不大離思輾轉夜低迷 240 時挑鉦散更催捷
更促時吹角回声慝出声遲時登樓懶看双又驚曉

憐是閨房望想中最憐是閨房居處裡莫匹望夫情想

望中莫匹每夫意望夫歡得免睽離每夫歡得速歡喜仕

我堂上有椿萱在我堂下有蘭桂椿萱𡨸爲蘭桂𡨸

受翠𡨸潤椿萱𡨸娘爲孫洒蘭桂𡨸娘爲水潤霖洒水𡢐

娘身愧我思娘今也幾思娘痕恨𡨸更長 懶有山詩多少金郎 魯斷不勝情祝恨更長

思娘日驚𡨸年年歷依边卒歲東征又西征致逾邁經年

夏至隨冬至安得早班師與娘踏鳳韻我有寄情琴 載達佳琴

贊云美人托玩遺德寄 情徽意爲彼感物悟人 曾是與娘唱和音安得每家早與娘挑我心

文君好音相如以琴挑之 文君遂與相如馳爲成都 我有相思曾是與娘双对寢安得每

家早與娘連我衽我有長青奴 色以竹爲之竹以冬夏長 青因名竹几爲長青奴 晨日

相甜思休安得每家早與娘詞坐趣昔年一別消魂橋 西伯陵东

有橋近來送去皆在 桃因名消魂橋 黃鸝幾度喚楊條志似鴒鴣啇的又心

如懸旆正搖又山牽別眼和腸斷水帶離声入夢消甞

南北各聯離中 昔當娘生我辜負 猶來採桃花 蹉跎子歲

娛娘訂而期我訂指及瓜 左傳管至父戍葵丘瓜時 即往及瓜即秋初也 西瓜既娛 桃花謝蹉跎

𨁈由堂已作窩 秋蹉𨁈在堂至冬已入 子系下作窩居之 憶昔當年娘驅我踩金龜祥來

住蓮茗 海陵有異草 葉於蓮葉之上 夏節蓮開即入蓮茗食其蕊 娛娘訂日還我訂菊花開 秋菊 花開

菊花既娛 蓮茗落 鴻雁從南已北來 冬節鴻北去 約娘識別日破

鏡大刀頭 毛詩藁今何在 是夫字 山上復有山 是出字 何當大刀頭 是還字 破鏡飛上天 是半月也 半月行來還還

彩照征身外心家望樓又上戍樓 娛娘相別後 癸字下由心双

炙行相思 古諺語 癸字 回癸 桃花娘云 木邊之目 田下之心 乃相思字也 清霜濕衣 金身外心家望妻

驛鈴音 家書見到去年春 家書見到今年春 書來覌人

枕頭早又噴 梅銀梅銀又梅銀 忘毋心 娛白雲 驛信回報昔

年秋驛信回報今年秋 圓信來圓歸 標強隨又掛帶蘆

秋後生花 帶蘆又帶蘆千字紅賤贏過碧石聯 字末中不止心中事 寄送詩紅賤浸有千計 去

日來曾屈指無慮十八更甲子 無慮勝計也 每年六甲子 三年十八 甲子 甚推 左傳绛縣人之語 最

青女穿窗眼 青女霜 神名 雲窗處處倚窗簾懶挂眼界頻眺望來

鴻寄書來自娘因時寄門限 門上為楣下為限 限以限其出入 白日眩共娘伴古來

征婦心九曲愁長絆過鏡臺守都懶向眉粧任花欄守自詞操

手玩彈琴 促 琴音鼓幽愁繚繞拍借人敲風怨繚拍借人敲怨恩繞

Chui Fu

桃墻 春日繚繞 拍借睛 彈琴促音鼓愁声 ~~薦~~ 棠 柳岸 柳岸葉眉堆桃墻花色

換可憐征婦望夫心草色花容徒飽看青睛可點躍天涯曾 引

由指天皇帝在竜不点睛 在借点之捨錢

放董語点一点隨躍天涯不知所在 多少人心畫得麼還想閨房袪

憐裡双硯一琵琶銀釭蠟撲玉座珠羅 銀釭 燈為 不覓掩把漢文記 果覓屏

也又伏思也几至內

思維故田覓也 歎桃逢斜 歪 念頭千段緒默靜莫堪歌默共歌

只自知娘在寒窗我聘馳聘馳 ~~園~~ 男兒獲已寒窗豈女

子 ~~許~~ 願為必是粧臺双對男兒獲已那堪漢 銀 兩相窺我心

不顧穿征甲娘豈學插征衣何事平生樂學還教見事又

違時娘素是良家俊俏女我亦是相門俊俏兒誰堪兩俊俏

我兮蕭湘我憶娘兮吾鄰吾鄰夜白蕭湘擷蕭湘風吹我

鄰壓相憶難相寄望又隴頭人（古詩云折梅逢驛使寄與隴頭人）隴頭人隴頭

人我情娘意誰態數（自娘回後憑恁几青燈莫照知娘意恁右）

東征婦情萬年幽愁萃（閨怨詩春風着人饋窗縣書字寄心曲）慵（細香翰宛旦菉中華幽愁盈萬斛）

擷鬘兮做得眉彩蓬懶粧代畫兮消得眉淡翠指針思促復

停針繡聲愁催隨綫聲（詩捲繡聲如双足附半月留未完官視頻催促安得織婦心化作法官眼）重封

錦字又重思半睡紗窗相半睡半掩窗半睡思如薰半睡時

半醒心復醉半睡裡為巫神（楚襄王遊高唐夢見巫山神女相会及覚使宋玉作賦）半醒詞為

蘇氏（竇滔妻蘇氏其夫壯伐登山望之後化為巫神有形影人謂之望夫山）可憐征婦望夫情遠水長山

何處是（閨怨詩魚來久寄無由達遠水長山不外闻）紫貂莫至覚風凄莫稿征夫剳

及妻邀相恁閨房消凋處抛鶯角纏兔絲（漢陽詩傳樹影碎鋪平地歸鶯）

樓捆向隨山青倦歸白娘掛壁（菓常生恒恒独味鄰人穿碎玉窺之生日白娘来往怪之即催门道入只見燈架一座）

詩倦緣兔絲羅

Vân hạc
Hồ phai 去

纓（崔生贈薛瓊之詩云羊生多此願又作樂中華得近玉人 纖手處裙主故嬌声夫婦合卺時結同心纓出據錄）墨又有老婦莫
照我微情（曰名老婦）魂又有女莫問我素扃（鳳名大女）面对面兮言不断于
交手兮步難停我心憶妾纏頭緒我郤山上安山行（去出毛詩西山）放河
纓兮拂龍蛇（唐楊貴妃被祿山摸亂有爪據痕乃作訶子乃出字也 結四纓以蔽之杜詩旌旗日影龍蛇動）結戰袍兮驅狐
亂（飛蛾 亂社）一從紫塞塵兮刀一向深閨半机杼憶娘半枕居霜侵憶
娘單衿慳月伺單衿兮淒霜半枕兮惱忙鵲橋渡兮牛女（秋七月秋交鵲橋）
（渡牛女出淮南子註）烏輪掛兮參商（參商二星名暮出朝見日東升則參星出日西降則商星見）慘怛兮草凋恍惝
兮行人行人一顧兮月頻又有定兮遲遲倒履有淚兮漣漣巾足淚相隨
娘步返履中那識我心神憶又欠枕難收路（費長房學仙術壺公以杖指千里收在目前）
藹又無中可渡津（崔生入山遇仙女為妻潛逐宮覺之再事 烏山至江津不有渡擲巾成五色橋可渡）娘思我兮
蕉青鳥（謂之青鳥 奴婢着青衣）我思娘兮望紅鱗娘返詞衬帳首我往處兮
旌鍼新往返双相憶暮雨兮朝雲（宋玉高唐賦朝為行雲暮為行雨朝朝又暮暮于陽臺之下）女娘憶

(4)

征夫吟曲

詞調作征夫吟，都誰明白。（刑部尚書洪[illegible]作[illegible]）

風雨晦冥英雄尚爭，輕又太虛兮誰橫戟（氣浮為天，輕又太虛），塞北有江能飲馬（胡馬飲江津），海南無地可沉鯨（海魚大為鯨，鯢鯨浪成雷，噴珠成雨，海外騷動），龍樓夢覺捷旗印，羽檄星馳大將營（凡兵事緊急必以羽檄，兵取其速之義也），緣地黃池奉甲兵（八荒我闥乾坤在，洞然八荒皆在我闥，出性理，言八荒皆我門戶也），皇城早進。

閒館使征人忙，國閫家事，旗鼓兮將兵，帳衾兮妻子，翻又旗鼓兮，拂新愁，萬又馬鈴兮鳴，昔思有思兮似桃，有愁兮似麥，細君年少，看訂帽（細君妻也，辰人賀楊忠詩：相公有女作訂帽），礼奠雁兮語儀度（六礼有納采迎婚奠雁，蓋取其清潔之義），合歡雙唱和鸞鳳（鸞鳳比夫婦和合），一夢連遂應廹罷懸，樣粧黛粉，渾詞事鬥，線蠶絲儘樂為話，鄉點檢肥家道（鄉禮記言夫婦和家道肥），王嬙海妻鏗（民曰）樓屬愛鄉玩以聲，肅將王師出帝畿，帝畿城金鼓聲，金鼓鳴兮戰士行（行兵之法以鼓進，以金止，金即鈴也），辭娘處兮心鄭鄭，娘彈指兮我恨不如箏，娘結腰兮我恨不[illegible]

LES MESURES FRANÇAISES ET ANGLAISES

TABLEAU DE CONVERSION DES MESURES

pour convertir :

LES MESURES FRANÇAISES EN MESURES ANGLAISES

. . . des	. . . en	. . . × par
mètres	inches	39,371
mètres	yards	1,0936
kilomètres	miles	0,62131
centim. carrés	square inches	0,155
décim. carrés	square inches	15,000
mètres carrés	square yards	1,1960
ares	square yards	119,60
kilom. carrés	square acres	247,105
kilom. carrés	square miles	0,3855
centim. cubes	cubic inches	0,0610
décim. cubes	cubic inches	61,024
mètres cubes	cubic yards	1,308
centilitres	gills	0,070
centilitres	pints	0,0176
litres	pints	1,75980
hectolitres	gals	22
hectolitres	bushels	2,75
grammes	grains	15,432
grammes	drams	0,564
kilogrammes	pounds	2,2046223
quintaux	hundredw.	1,968
quintaux	pounds	220.462
tonnes	tons	0,9842

. . . des degrés centigr. en degrés Fahrenheit

$$F = (C \times 1{,}8) + 32$$

LES MESURES ANGLAISES EN MESURES FRANÇAISES

. . . des	. . . en	. . . × par
inches	mètres	0,0254
yards	mètres	0,9144
miles	kilomètres	1,6093
square inches	centim. carrés	6,4515
square inches	décim. carrés	0,0645
square yards	mètres carrés	0,8361
square yards	ares	0,0083
square acres	kilom. carrés	0,0040
square miles	kilom. carrés	2,5898
cubic inches	centim. cubes	16,3870
cubic inches	décim. cubes	0,0163
cubic yards	mètres cubes	0,7645
gills	centilitres	142,061
pints	centilitres	568,245
pints	litres	0,5682
gals	hectolitres	0,0454
bushels	hectolitres	0,3536
grains	grammes	0,0647
drams	grammes	1,7718
pounds	kilogrammes	0,4535
hundredw.	quintaux	0,5080
pounds	quintaux	0,0045
tons	tonnes	1,0160

. . . des degrés Fahrenheit en degrés centigr.

$$C = (F - 32) \times 0{,}555$$

TABLE DE MULTIPLICATION

2 fois 1 font 2	5 fois 1 font 5	8 fois 1 font 8
2 — 2 — 4	5 — 2 — 10	8 — 2 — 16
2 — 3 — 6	5 — 3 — 15	8 — 3 — 24
2 — 4 — 8	5 — 4 — 20	8 — 4 — 32
2 — 5 — 10	5 — 5 — 25	8 — [illegible] — 40
2 — 6 — 12	5 — 6 — 30	8 — 6 — 48
2 — 7 — 14	5 — 7 — 35	8 — 7 — 56
2 — 8 — 16	5 — 8 — 40	8 — 8 — 64
2 — 9 — 18	5 — 9 — 45	8 — 9 — 72
2 — 10 — 20	5 — 10 — 50	8 — 10 — 80
3 fois 1 font 3	6 fois 1 font 6	9 fois 1 font 9
3 — 2 — 6	6 — 2 — 12	9 — 2 — 18
3 — 3 — 9	6 — 3 — 18	9 — 3 — 27
3 — 4 — 12	6 — 4 — 24	9 — 4 — 36
3 — 5 — 15	6 — 5 — 30	9 — 5 — 45
3 — 6 — 18	6 — 6 — 36	9 — 6 — 54
3 — 7 — 21	6 — 7 — 42	9 — 7 — 63
3 — 8 — 24	6 — 8 — 48	9 — 8 — 72
3 — 9 — 27	6 — 9 — 54	9 — 9 — 81
3 — 10 — 30	6 — 10 — 60	9 — 10 — 90
4 fois 1 font 4	7 fois 1 font 7	10 fois 10 font 100
4 — 2 — 8	7 — 2 — 14	10 — 11 — 110
4 — 3 — 12	7 — 3 — 21	10 — 12 — 120
4 — 4 — 16	7 — 4 — 28	10 — 13 — 130
4 — 5 — 20	7 — 5 — 35	10 — 14 — 140
4 — 6 — 24	7 — 6 — 42	10 — 15 — 150
4 — 7 — 28	7 — 7 — 49	10 — 16 — 160
4 — 8 — 32	7 — 8 — 56	10 — 17 — 170
4 — 9 — 36	7 — 9 — 63	10 — 18 — 180
4 — 10 — 40	7 — 10 — 70	10 — 19 — 190

LES SURFACES

CARRÉ	a = mesure de côté $S = a^2$
RECTANGLE	a = mesure du grand côté b = mesure du petit côté $S = ab$
PARALLÉLOGRAMME	b = mesure de la base h = mesure de la hauteur $S = bh$
TRIANGLE	b = mesure de la base h = mesure de la hauteur $S = \frac{1}{2} bh$
TRAPÈZE	a = mesure de la petite base b = mesure de la grande base h = mesure de la hauteur $S = \frac{1}{2}(a + b)h$
CERCLE	R = mesure du rayon $S = \pi RR = \pi R^2$
SECTEUR CIRCULAIRE	R = mesure du rayon a = mesure de l'angle au centre $S = \frac{\pi R^2 a}{360}$

征夫吟曲

Việt-Sinh

1

Hành-trạng cụ Phan-huy-Ích

(lược dịch theo Gia-phổ chữ Hán của họ Phan)

Cụ Phan-huy-Ích là con trai cụ Bình-chương phan-huy-Cẩn, nguyên quán tỉnh Nghệ-An, phủ Đức-quang(nay đổi Đức-thọ)thuộc HaTinh. huyện Thiên-lộc(nay đổi can-lộc)tổng canh-họac, xã Thu-họac, thôn Chi-phong(nay đổi Hữu-phương. Di-cư tại núi Sài, thuộc xã Thụy-khuê, phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-tây(Bắc-Hà) Cụ Phan-huy-Ích, tên tự là Chi-dụ-Thị, đổi ra là Khiêm-thụ-phủ, hiệu Dụ-Am.

Con trưởng cụ Phan-huy-Cẩn, đỗ Giải-nguyên, nam 33 tuổi đỗ Tiến-sĩ, làm quan Bình-chương(tức thủ-tướng) triều Lê. con Rể cụ Ngô-thời-Sỹ(tức thân-phụ cụ Ngô-thời-Nhiệm) nam 22 tuổi đỗ Giải-nguyên, 26 tuổi đỗ Tiến-sĩ.

Chúa Trịnh là Trịnh-vương, Trịnh-Sâm rất quí trọng.

Quan Trưởng-hiệu của Tây-sơn là Nguyễn-van-Nhạc(sau là Thái-dức-đế)cho Sứ-thần đến Phú-xuân cống hiến, xin hòa, vua Lê phái cụ vào Phú-xuân tiếp, khi đi, vua Lê giao cho mấy đạo sắc; lòng sắc còn để trống, tuy cụ đến nơi xem công việc ~~thếxnào~~ nên xử trí thế nào, cụ cứ tự tiện điền vào lòng sắc mà giao cho sứ giả của Tây-sơn.

Đến Phú-xuân, cụ tiếp hai sứ giả Tây-sơn, thu nhận cống-vật và làm việc giao-thiệp xong, cụ điền vào lòng sắc, phong cho Nguyễn-van-Nhạc làm cung quận-công, trấn-thủ Quảng-nam, còn hai sứ giả phong Lang-trung, và viên-ngoại, lại điền lòng sắc, ban cho kiếm vàng và chiêng vàng giao cho sứ giả mang về cho Tây-sơn.

công việc xong xuôi, cụ trở về được linh chức Trưng-phủ ở Tiên-Hưng, Đốc-đồng ở Thanh-Hóa, rồi được cử tiên sứ-thần về nước.

Cụ lại được cử hai lần đi chấm thi Hội.

Cụ ít tuổi, thi đỗ cao, vua yêu, được làm quan to, đồng thời cụ thân-sinh ra cụ là cụ Phan-huy-Cẩn, và Nhạc-phụ là cụ Ngô-thời-Sỹ cũng quan tước nhất nước, thực là hiếm có.

Sau gặp trong nước đảo-chính, Tây-sơn ra, vua Hiển-tôn bang hà, cụ thân-sinh và cụ về ở nhà quê, được ít lâu Tây-sơn về, lưu Nguyễn-hữu-Chỉnh ở lại Bắc-Hà, Nguyễn-hữu-Chỉnh phản Tây-sơn, lập vua Chiêu-Thống và chúa-Trịnh là Yến-đô-vương lên giữ Bắc-Hà.

Yến-đô-vương phong cụ làm Đốc-thị, trông coi quân-vụ ở Khánh-Hòa và Nghệ-An, quản lĩnh đội trung-tàu, gặp quân Địch ở Hào-môn, quân cụ tan vỡ, cụ về Kinh, khi ấy Yến-đô-vương bỏ chạy, vua Chiêu-Thống phong cho Nguyễn-Huệ làm Bình-Chương, và phong cụ làm Hàn-lâm-thừa-Chỉ, lại uỷ cụ chấm thi hội khoa Đinh-mùi.

Chẳng bao lâu tướng của Tây-sơn ra Bắc, Nguyễn-hữu-Chỉnh

Hành-trạng cụ Phan-huy-Ích

(lược dịch theo Gia-phả chữ Hán của họ Phan)

Cụ Phan-huy-Ích là con trai cụ Bình-chương phan-huy-Cẩn, nguyên quán tỉnh Nghệ-An, phủ Đức-quang(nay đổi Đức-thọ) thuộc HaTinh. huyện Thiên-lộc(nay đổi can-lộc) tổng canh-hoạch, xã Thu-hoạch, thôn Chi -phong(nay đổi Hữu-phương. Di-cư tại núi Sài, thuộc xã Thụy-khuê; phủ Quốc-Oai, tỉnh Sơn-tây(Bắc-Hà) Cụ Phan-huy-Ích, tên tự là Chi-dụ-Thị, đổi ra là Khiêm-thụ-phủ, hiệu Dụ-Am.

Con trưởng cụ Phan-huy-Cẩn, đỗ Giải-nguyên, năm 33 tuổi đỗ Tiến-sĩ, làm quan Bình-chương(tức thủ-tướng) triều Lê. con Rể cụ Ngô-thời-Sỹ(tức thân-phụ cụ Ngô-thời-Nhiệm) năm 22 tuổi đỗ Giải-nguyên, 26 tuổi đỗ Tiến-sĩ.

Chúa Trịnh là Trịnh-vương, Trịnh-Sâm rất quí trọng.

Quan Trưởng-hiệu của Tây-sơn là Nguyễn-van-Nhạc(sau là Thái-đức-đế) cho Sứ-thần đến Phú-xuân cống hiến, xin hòa, vua Lê phái cụ vào Phú-xuân tiếp, khi đi, vua Lê giao cho mấy đạo sắc; lòng sắc còn để trống, tùy cụ đến nơi xem công việc ~~thế nào~~ nên xử trí thế nào, cụ cứ tự tiện điền vào lòng sắc mà giao cho sứ giả của Tây-sơn.

Đến Phú-xuân, cụ tiếp hai sứ giả Tây-sơn, thu nhận cống-vật và làm việc giao-thiệp xong, cụ điền vào lòng sắc, phong cho Nguyễn-van-Nhạc làm cung quận-công, trấn-thủ Quảng-nam, còn hai sứ giả phong Lang-trung, và viên-ngoại, lại điền lòng sắc, ban cho kiếm vàng và chiếng vàng giao cho sứ giả mang về cho Tây-sơn.

Công việc xong xuôi, cụ trở về được lĩnh chức Trung-phủ ở Tiên-Hưng, Đốc-đồng ở Thanh-Hóa, rồi được cử tiến sứ-thần về nước.

Cụ lại được cử hai lần đi chấm thi Hội.

Cụ ít tuổi, thi đỗ cao, vua yêu, được làm quan to, đồng thời cụ thân-sinh ra cụ là cụ Phan-huy-Cẩn, và Nhạc-phụ là cụ Ngô-thời-Sỹ cũng quan tước nhất nước, thực là hiếm có.

Sau gặp trong nước đảo-chính, Tây-sơn ra, vua Hiển-tôn băng hà, cụ thân-sinh và cụ về ở nhà quê, được ít lâu Tây-sơn về, lưu Nguyễn-hữu-Chỉnh ở lại Bắc-Hà, Nguyễn-hữu-Chỉnh phản Tây-sơn, lập vua Chiêu-Thống và chúa-Trịnh là Yến-đô-vương lên giữ Bắc-Hà.

Yến-đô-vương phong cụ làm Đốc-thị, trông coi quân-vụ ở Thanh-Hóa và Nghệ-An, quản lĩnh đội trung-tàu, gặp quân Địch ở Hào-môn, quân cụ tan vỡ, cụ về Kinh, khi ấy Yến-đô-vương bỏ chạy, vua Chiêu-Thống phong cho Nguyễn-Huệ làm Bình-Chương, và phong cụ làm Hàn-lâm-thừa-Chỉ, lại ủy cụ chấm thi hội khoa Đinh-mùi.

Chẳng bao lâu tướng của Tây-sơn ra Bắc, Nguyễn-hữu-Chỉnh

thua chạy bị bắt, vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu, cụ về quê ở.

Vua Tây-sơn ra Bắc, có người bầy tôi thân là Trần-van-Kỷ, quán Thuận-Hóa, đỗ Cống-sỹ, trước có ra Bắc thi hội, quen cụ biết cụ là người tài giỏi, tâu với vua Tây-sơn, cho Sứ giả về quê mời cụ ra giúp việc nước, cụ từ chối không ra, bèn trốn ở làng bên cạnh, Tây-sơn nhờ cụ Cẩn mời hộ, không những mời lại đe dọa, cụ Cẩn khuyên cụ nên ra.

Cụ vâng lời gia-nghiêm, bảo: phải ra yết-kiến Tay-sơn, bổ làm Thừa-Chỉ, phong Tước Hầu.

Tây-sơn về dụ cụ cùng đi, nhưng đến Doanh-Cầu, cụ cáo bệnh ở lại.

Vua Chiêu-Thống ở Tàu về, cụ lẩn về ở nhà quê.

Khi vua Tây-sơn lại ra hạ được Thành Thang-long, mời cụ ra giúp việc Bang-giao với chính-phủ trung-hoa, khi ấy hai nước vừa mới đánh nhau xong, sự giao-thiệp rất khó, nhờ được van thư của cụ khéo léo hai nước chóng trở nên thân-thiện.

Cụ được cử lên Nam-quan, đón sứ-thần trung-Hoa sang phong vương. cụ Thân-phụ tạ-thế, cụ làm lễ tang xong, thời gạp khi vua tàu đón vua Tây-sơn sang chơi, vua Tây-sơn không đi, nhưng lại cho người làm giả-vương sang, nhờ cụ đi để ứng đáp hộ.

Theo lời biên-tập trong gia-phổ, thời ngày I5 tháng tư nam canh-tuất ra cửa ải Nam-quan, ngày II tháng 7 đến Nhiệt-Hà, vào bệ-kiến vua Càn-long, vua Càn-long làm thơ đưa cho vua Tây-sơn, cụ họa lại, vua Càn-long phê ''cũng hay'' sang ngày I4, vua Càn-long lại nhờ cụ vịnh thơ cái quạt, được thưởng một tấm đoạn, hai quyển hoa-tiên, hai hộp bút mực, sau lại được theo vua Càn-long duyêt thi van và thi võ ở Càn-nguyên, rồi kế tiếp được theo vua Càn-long đi xem các cung điện: điện Đạm-Bạc điện Kính-Thành, Tiên-điện và nhà Tứ-tri-ốc.

Khi cụ vào nhà Tứ-tri-Ốc (nhà bốn biết) trên biển đề 3 chữ Tứ-tri-Ốc, vua Càn-long liền hỏi cụ nghĩa là gì ? cụ đáp ngay: biết âm, biết dương, biết cương, biết nhu, tức là chữ lấy ở trong kinh Dịch. chứ không phải là lấy ở lời nói của Dương-trấn: trời biết, đất biết, ông biết, và tôi biết. vua Càn-long rất ngợi khen sự học rộng và nhớ sách của cụ.

Cụ lại được đi với vua tàu xem nhiều cung điện khác: như điện Càn-chính, gác thanh-âm, nhà ngũ-phúc, nhà ngũ-đại-đồng-đương, và công-quán viên-minh V...V.....

Cụ lại được dự yến, dự tiệc, xem hát của vua tàu luôn luôn, lại theo vua tàu đi xem núi vạn-tuế, ao côn-minh.

Đến ngày I3 tháng 8, cụ dự tiệc vạn-thọ xong, định ngày 20 về nước, lại được mời an yến ở điện quang-minh. vua Càn-long tay rót rượu vào chén ngọc, mời cụ uống. rồi vỗ vai cụ khen: các ông tốt, các ông đốt

Ngày 22 ở công-quán Tây-Uyển ra về nước, tháng II về tới Bắc-thành, bị ngã đau chân trái, xin phép ngỉ ở nhà dưỡng bệnh. sau được phong Dực-vận-công-thần.

Vua Nguyễn-Huệ bang hà, vua nguyễn-quang-Tỏan nối ngôi, cụ vẫn được trọng dụng như trước, gặp khi Tây-sơn mỗi nam một suy, thành Quy-Nhơn bị vây, triều-đình lưu ông quận-Diệu và ông quận-Dũng đóng án ngự ở Hà Nghĩa, đến khi thành Quy-Nhơn bị thất-thủ, ông Trần-van-Kỷ đổ ~~x~~ tội cho ông quận-Diệu, rồi giả làm tờ chiếu của vua, sai ông quận -Dũng bắt ông quận-Diệu dem giết, nhưng khi tiếp được tờ chiếu, ông quận-Dũng không những không giết ông quận-Diệu, lại còn đưa tờ chiếu ấy cho ông quận-Diêu xem, ông quận-Diệu nổi giận, liền kéo quân về đóng ở bờ sông phía nam sông Hương-giang, định kéo vào vào giết ông Trần-van-Kỷ.

Vua Cảnh-thịnh lo sợ, bèn nhờ cụ làm một bài dụ bằng chữ nôm, để dỗ bảo ông quận-Diệu, hơn 800 câu, lời lẽ rất uyển chuyển thông-thiết, đương đêm cụ phải thân hành mang đến dinh ông quận-Diệu, dỗ bảo khéo léo, ông quận-Diệu và ông quận-Dũng đều xin vâng lời. sáng hôm sau lại vào chầu vua, nước lại tạm yên.

Mùa hè nam canh-thìn, nước Diến-Điện đánh nhau với nước Xiêm-La, cho sứ giả đến cầu cứu, cụ được lệnh đón tiếp.

Nam Nhâm-tuất, quân của đức tiên-hoàng gia-long ra Bắc-hà, cụ trốn ra ngoại-thành, đến mùa thu cụ cùng anh vợ là Ngô-thời-Nhiệm và ông nguyễn-thế-Lịch là ba cựu-thần của Tây-sơn ra yết-kiến, các quan tâu xin trị tội, nhưng nhà vua phê tha.

Cụ về nhà dạy học, các học trò đỗ tiến-sĩ, đỗ củ-nhân, đỗ tú-tài rất nhiều.

Cụ soạn van thời có hai bộ: '<u>Ngâm-lục-van-tập</u>' và diễn âm quyển '<u>Chinh-phụ-ngâm-khúc</u>' rất hay, khắp nước truyền tụng.

Cụ tạ thế nam nhâm-ngọ, hưởng thọ 73 tuổi.

Cụ bà là con cụ Ngô-thời-sỹ, tên là ngô-thị-thục, quán xã Thanh-oai, I6 tuổi làm lễ thành-hôn, hưởng thọ 43 tuổi, sinh hạ được 6 con trai, và 8 con gái đều hiển-đạt cả.

[illegible] quang-minh.vua Càn-long tay rót rượu vào chén ngọc,mời cụ uống,rồi vỗ vai cụ khen: các ông tốt,các ông tốt

Ngày 22 ở công-quán Tây-Uyển ra về nước,tháng II về tới Bắc-thành,bị ngã đau chân trái,xin phép nghỉ ở nhà dưỡng bệnh.sau được văn phong phục-công-thần.

Vua Nguyễn-Huệ băng hà,vua Nguyễn-quang-Toản nối ngôi,cụ vẫn được trọng dụng như trước,gặp khi Tây-sơn mỗi năm một suy,thành Quy-Nhơn bị vây,triều-đình lưu ông quận-Diệu và ông quận-Dũng đóng ăn ngụ ở Hà Nghĩa, đến khi thành Quy-Nhơn bị thất-thủ,ông Trần-van-Kỷ đổ * tội cho ông quận-Diệu,rồi giả làm tờ chiếu của vua,sai ông quận-Dũng bắt ông quận-Diệu đem giết,nhưng khi tiếp được tờ chiếu,ông quận-Dũng không những không giết ông quận-Diệu,lại còn đưa tờ chiếu ấy cho ông quận-Diệu xem,ông quận-Diệu nổi giận,liền kéo quân về đóng ở bờ sông phía nam sông Hương-giang,định kéo vào giết ông Trần-van-Kỷ.

Vua Cảnh-thịnh lo sợ,bèn nhờ cụ làm một bài dụ bằng chữ nôm, để dỗ bảo ông quận-Diệu,hơn 800 câu,lời lẽ rất uyển chuyển thống-thiết,đương đêm cụ phải thân hành mang đến dinh ông quận-Diệu,dỗ bảo khéo léo,ông quận-Diệu và ông quận-Dũng đều xin vâng lời.sáng hôm sau lại vào chầu vua,nước lại tâm yên.

Mùa hè năm canh-thìn,nước Diến-Điện đánh nhau với nước Xiêm-La,cho sứ giả đến cầu cứu,cụ được lệnh đón tiếp.

Năm Nhâm-tuất,quân của đức tiên-hoàng gia-long ra Bắc-hà,cụ trốn ra ngoại-thành,đến mùa thu cụ cùng anh vợ là Ngô-thời-Nhiệm và ông Nguyễn-thế-Lịch là ba cựu-thần của Tây-sơn ra yết-kiến,các quan tâu xin trị tội,nhưng nhà vua phê tha.

Cụ về nhà dạy học,các học trò đỗ tiến-sĩ,đỗ cử-nhân,đỗ tú-tài rất nhiều.

Cụ soạn văn thơ có hai bộ: '<u>Ngâm-lục-van-tập</u>' và diễn âm quyển '<u>Chinh-phụ-ngâm-khúc</u>' rất hay,khắp nước truyền tụng.

Cụ tạ thế năm nhâm-ngọ,hưởng thọ 75 tuổi.

Cụ bà là con cụ Ngô-thời-Sỹ,tên là Ngô-thị-Thục,quán xã Thanh-oai,16 tuổi làm lễ thành-hôn,hưởng thọ 45 tuổi, sinh hạ được 6 con trai, và 8 con gái đều hiển-đạt cả.

在翰林耳蹇纳帶痁公支給廉饍率以為常待人寬
雅推誠雖居貴顯士夫皆樂忘勞尤喜獎拔後進惟惡
躁競嘗語兒輩曰我初登朝承先公來書云凡子當咱其
自然不可僥倖此宜奉為持身之寶天性坦夷垂厚歷閱世
故一遵義命得喪不入于胸中晚年雲遊設帳樂以忘疲
學者中舉人秀才者相接会試新科登進士者一次科之數
譯殆未可量也所撰有吟餘文集二部又嘗讀征婦吟曲合
為人文士以及閭里男婦無不傳誦云歿後本社追依遺愛
忌日里役具豬粢美酒詣祠堂展拜及今年為供之節
一共平章先公同公生下男六女八
璧瑞[illegible]洞湜堌洼清
璿瑤瓘珖洭滿瓌

及尊帳別遊器祭因物悲痛樊徽此度火災前各處尤為
凄楚仲夏本邑吳氏斷構草堂奉安列主仍遠諸門眷親
厚者俾資土木之費季夏買前宅一座開構左堂中營
造上堂臘底工竣尊帳安于正寢年來尊体漸居靜養攝
寢於常雖懶于言動每接眷屬必歡笑慰問壬午年二月
十七日夜忽輾轉欠豫遂沉臥連日夜絕湯飲而無所顧囑
親眷各支守護二十日看龍山堂其日戌牌壽終享年七
十三二十六日權殯辰次男三男並仕京官三月調訃北出
閏月初十日成服下旬調殯四月十一日寧厝于本社鳩壁
処本山丑向公平格巍然襟度宏横騎平居甚和易至於臨
莊厲慎密無意髮遺忽每值家廟尊祀饌品祭器必躬
前一夕致度檢察畢張諸位前之懽育婿孫三第復庵公

生謀諸務館乙亥春復就青梅故宮烟花再供眺詠爾子要因 1816
山適値總領務委員邀來城館教授諸公子城庸學徒經
门甚衆務公余辰就談論每有文書公務輒懸擬在城效
年親眷獲便趁候次男圭齋公畢年奉使去回均得趁領
館陪侯課見欣悅丁丑季冬山邑失火延及本家戊寅门生焰
補營構茅屋三座己卯公登七十壽臘初回城館回山誕日
闔邀稱慶事狀續編入慶壽集尊体因發有感風疲勞
起居稍倦是年秋又重感風神体愈覺衰憊慶礼既完
是孫請留山調養庚辰春委諸轄门辭郡城館是年奉
聖祖仁皇帝登尊比城官委邀就城詢訪告哀請了封事宜隨
時參即命書手紀之因曰古所謂包含意慈莫如是當之日又延
山夏孟下旬邑中失火延及本家及祠堂家眷悉奉神主

校唱講每夜初更半並集先評詩稿次講經義四更始罷率以
爲常城外士子亦唱入講鎮官執礼甚恭供給優厚至丁卯夏
閩在城有謗詖講館者遂辭返山戊辰夏武侯緣子廉留筆
橐公至念爾情公遂寓瑞璋以便省操伊坊紳長及士子
懇留設帳效月學廉弗繼適有石窟学徒邀回設帳于院
会之厘村重十赴館己巳入公登六旬兒孫討生備優稱慶
具載山堂慶壽集承尊教云我飽歷艱險之經歷來兒孫
環拜壽眉承娛晚況自此復號紫山遺老居厘館廉給
弗繼庚午中春先豐富川與青梅上下二村會詞來請其月
設館于下村館所園地頗亦爽適癸酉中冬偶感風症左体
筋脈廢痺醫治經旬未愈臘月回山甲戌孟春安朗天孫念文系孫
之方黃村以道邑請邀設館其秋伊疫作学徒解散上游諸

以備顧問仲秋朝謁以憑所指示遂康禁衛將指室延奉上諭
指還之季秋駕回當下禁衛司送三名先行至各抵京各就
軍案中各案咸刑部緣奏奉硃圈三名論令赦免令北城
委員遞充巴禮附奏三名應從重治癸亥詞奏上諭委員此 1803
三名已經從寬赦發委司赴城會同總鎮分處遂隨委員發
程抵城留前軍案三月接議釋遣出城徑瑞璋坊月底返山
鳳凰既岸蕭酒郎園踪食米宴畢如也季秋天朝冊使近關
城官僚報道候在城以備詢訪仍寓番司廨孟冬駕至總鎮
院司員守衙在奉鄉詢使務條件仍論屬邑仿六鄉凡調封使之
宜並查訪伊員計議取旨奉行又奉稿擬表東各道經奉
104 準同甲子春冊封禮完告謝回山乙丑季夏奉上鎮守武
候備礼委員邀就鎮說講帳為纂新館漫春秋經躬率將

將特公再至庚申春北發初緬甸使來一名大臺良典還構奉 1800
兵錄求無化求援
差董理伴送諸子件月餘宴饋遣回辛酉春公北城官招 81
撫烏體公諸富春助兵公奉往潤潢欵接中夏春京失守
駕幸北城公奉領刑部事尋兼礼部辰緬使再來仍奉欵
接並議國書回答贈遺金幣遣還秋中陞礼部尚書兼掌
樂正司鮮刑部公務冬初奉營建園丘于棟多級冬至奉陪
行郊天礼季冬扈駕南征壬戌元旦進逼紫壘尋邇北年讀 D 82
散遂還師其月郎宅延燒化一家書籍及累世留來文字無有
存遺西僧西渠引志高麥及准賜幣錢五百貫以供營造初夏奉擇
至行茹讀散被蔵
西湖擇地建方澤壇夏至陪侍祭地祇礼季夏今朝兵進至公
避住城外下回　高祖帝駕烏諸行在下詔凡西官降順並在舍
容初秋公與伯舅吴公丹个安隆院公世璧以文進謁首許扈直內城

慶賀部正使遼解制務尋北使提上遼詞寄城郎架蓮池蒼亭
扁曰蓀真覓晨夕燕息其間吟酌自適號蓀真道人宣陽小酌以詩呈大學士希
尹吳公更相唱和月廣集成菊秋詩陣凡百篇仲冬遼番回朝丁巳季秋景盛帝親政公奉欽 197
親政詔文于各屯鎮及北城到城很優撥郎第經歲頭詞已來遼 139
番進覲季夏海仁城被寇盜秋扈駕南征到茶曲江調城已陷沒
遼留耀郡勇郡按守和義界首西近中秋二帥兵諫事起峯
朝悵悵景盛帝信蔡文茂之言殺海仁首將蔡忠又陷胡公耀誣譖殺大傳阮文訓又陳曰績胡公耀陳文紀以海仁失守海還之耀繼詔令勇執
殺之勇以示耀耀大驚引兵回到紫香江南岸聲諫君側之賊公奉指諭張國音傳曉譬子耀
返蹕八百餘當夜詞進稿師令責張親來面諭遼軍艄直造軍
從大傳屏君將信來會談諸務且他各降心順命四更詣寢殿
後命明日二師入朝表請洗雪大傳訓綻領忠晉下依奏君

在家權續候爲季夏奉陞內閣侍中御史益秋西帝上寅中谷山
陵禮說嗣君差伯舅公亮來年告請正使乃爲公赴北城總理使
事癸 193 丑秋覲措夫人喪禮說中春赴闕上候爲交送使部初赴北闕
閱接得史使來信迅即回城仍派劉員闕使部進闕在城覲措月餘
驛館寢園一一安辦盈宴而北使乾城行賞封禮致日……
行節聘禮望日北發先是有旨一切使事唱得……、摘中
接至是又完下詔褒獎有司得北使路入衛…… 構碧
溝坊宅 景興己卯先相公建營宅子監行之右紀公重加修理伐 甚革始撤壞至是撤使座一座移留從加工遺作
後行 ……候爲迎使部責回敕即初冬營建山貫祠堂三座臘展工
面禮辰[illegible]護定內閣員台醫入侍每番六个月公爲第一番
94 甲寅中春進覲秋中春赴北城從事己卯 95 中春奉監督山南場
務秋中往闕上交送使部是冬嘉慶帝受內禪丙辰 96 春奉竟

珍玩外，日三次賜食，前後二次內品中，次盤品筆以為常，復自奉
御宴筵前樂送奏。初九日，駕幸萬歲山昆明池，奉賜扈游倚堂
登樓船上層遍覽，御座御製詩文既，抵山岸登山巔延壽寺，又山下畧
漢嵩燭行移，日出嵩奉賜珍饈，再歷覽亭榭。十三日，朝萬壽禮。二
十日，尚賜回國，賜宴正大光明殿，特宣至御座旁，親酌碧玉卮至臺
海賜之，奉御手撫背肩，稱係倒好教者。二十二日，自西苑公館發程回
國註志。中冬晦日，回軺過謁至京北鎮營，跌墜傷左足，表請暫留調養
1191 腊底回山。辛亥，初壽邑中失火，延及本居宅，尋復來城受家屬，再
構華舍以備歲時回住。秋中，詔敘敦道皇子節制公，特入公卿疾來
痊，賞賫訂扁，公爲築邸于城內，并賜藤杖，俾便入講。初冬，奉賜瑚
璉。公以季冬改折筆墳于鳳鳴村校旁，延壬山丙向。劉公橫罹非命，人皆指先；去年公被足疾，後二字寵
墳不吉，初冬五第右寵公在家貫
舉業數事，公危篤，乃擇期卜吉移厝。
92 壬子初夏，奉召回京，其月大人捐館

(1790)

八旬慶礼藩邦悉会仍先馳諭本國王親臨祝嘏多方推阻弗從
遂擇員冒稱國王入覲然公為陪臣隨宜酬應因地訂四月望啓
詞其月上旬公自職回山預行祭堂小祥礼忙赴使程星行進熱河返
燕京遂宸光而章寵渥皇華奇遇前古未聞具見星槎紀行集註
庚戌四月十五日出關七月十一日抵熱河陛見乾隆帝御賜國王詩
奉旨進和　硃批詩亦嘉獎十四日奉頒國王與陪臣御詩題扇蔘
和進呈蒙賞大緞二卷箋紙二卷筆墨各一匣十五日奉侍御詞
文武遂在朝元閣說奉特召入內覽看經澹泊敬誠殿八便殿諧四
知屋（全末四知說蓋取易繫知陰知陽知柔知剛之義㴱楊寢四知之謂）十六日侍宴清音閣奉特賜入內經勤
政殿諧五福五代同堂二十日奉旨先回圓明公廨待駕二十九日駕
回候迎道左八月初一日至初十日連日侍宴看戲每日四更趋候朝
房卯刻奉御陞寶座使部接班侍坐未刻看戲畢隨賞遺賚

加中使責問先相公具以威猛怵之公不得已返田山堂請命遵尊
意許爲親屬遂勉隨君赴城别討自日奉敬仍承旨或加侯爵西
君返餘令繼行進侍到營桃告痛請留本貫調養初秋旨授扎起營
桃兵進送回京不免奪請應系抵京奉護進尊大札其冬陞授刑
部左侍郎進給收穫社另兵十六率隨侯乾北城應答北朝文書
令北兵出謁黎帝復國公避居郡野己酉春西君提兵復出進克
昇竜入城數日即遣使催君公赴朝奉敕給廉祿官田三十畝加給
瑞車里社另兵十五率冬初駕回進公留北城公務是月丁憂表乞
留家守制期年冬初春北兵敗返新朝以邦交爲大案要特委公
室封礼西君 假他人受之 與伯舅吳公同領其事既而詞章往復動中窾會述成
兩國之好中秋奉往南關候接北朝冊使陪侍宣封大礼中冬陞
90 考山西鄉試庚戌孟春先相公葬礼完遣有北使之命扈乾隆帝

招募入衛皇家方招兵于文安署武成道黎文安集補福鄉貢生字惠後言命西山是年引西兵起變西兵遁遠憂家

旨罷本貫招兵入衛晏都王檢欽公文安督視僕中儲隊兼贊理清乂軍務前

往討賊詞九月進赴清華之巨慶寓所傳留璧餉軍需招募義勇

四百人初冬進巨岩海門屯札辰維亂紛人情解散本屬十七奇号並

逃回不赴聞武成道已擱出黃梅仍據興督鎮備郡公進攀至高門遇

敵前軍驚潰備郡陣沒公單騎尋路上京數日敵將追及廉于楊舍

軍寨月餘璧引兵進京晏都王出奔嗣皇親政以璧平章軍國重事公回寓璧裝綫發臘月抵

京入謁丁未春除山南處行參政尋陞正四品翰林承旨賦稽庭香臺 187

恩府均需初冬欽差公試場監考第四公中三場公以栽格大團殿試欽差讀卷未

幾西山大將武文任提兵北出阮璧進攀于青溪江師潰奔逐中

冬皇加駕出奔至洽海山西兵追及皇駕先遁脫璧涵浜追沒被獲檻送京都戮之公奉尊帳回山戌申春築

宅于山半洪廠處追西軍來城西山政臣陳文紀素識公勸西君召用紀憤化貢

士盛王晚年赴京會試當与公欵叙甚見敬服至點為西山政臣初夏遣員鮮賣諭旨來山公備應學邑再

謁還鎮癸卯夏因感恙來京請留調養秋奉差山南場左監試中
冬先相公自高平奉旨召回甲 84 辰春奉敎陪從趍庭稱慶倍所感
焉自新王即政伯舅吳公 壬纘庚子案辭遞匿 主幹之款 公有預謀 公亦以風影招議
去夏啓乞辭休歲餘不报至是始放仍令督促就道遂乘舟而來不
復赴鎮耶仍於江津連結船筏爲房屋岸上構廂解駄頓兵仗文案
悰行省駁但寄與雲水洞中冬奉董理多筆山陵事再盛王碑礼
奉監題列聖位已 85 巳夏解令來京秋除清華憲察重陽後發舟
上官搜訪當景處於椰山洞設龜頭崗崗之前俯瞰江流構起小
庵名双樂覓山旁建立廂耶夏屋迴廊景致盡佳丙 86 午春工竣遂
扎舟船赴京候迎先相公致仕錦旋夏至憲所歡奉鍾自尊駕由
陸還鄉夏季先相國富春有警奉駕北匙公邀留晨夕舉調京
變遂移寓村洞秋中陪先相公欽迎顯宗梓宮于江津仍隨侍山陵礼
事竣回寓賃輕舟奉尊駕隨聖帛船進京朝謁時沉痾受密旨

欽敕命并各物件交伊委員賚回 如寫欽敕命院交與為廣南鎮守恭郡公集人工部郎中吴外等联并寫旨諭詞與
御賜金緞金鈕等項 經自後事乘搬遊覽季冬回朝奉准放先與徽撫公
交委員領回
以新進荷殊知顧為當路所不悅丁酉季夏出為清華督同 78 主諭令暫行補外加練政
術乃向憲使督同條高豐政臣對督同
有巡司之利遂命公出督清華 尋充清華場提調己亥秋滿回京中 79
秋奉往諒上候命接領北使回國時守峯公督鎮諒山又得就便貼謁
中冬奉差公試同考第三公預中三場 80 庚子春止庵公登第錦旋先相公自
公以裁格出園
同海陽回謙慶公亦請回貫省親與止庵公偕行月餘進京仍以翰林奉
侍特准再入添差知刑番秋再准先與徽撫辛丑春先相公蒙冒順化 81
返命抽回署理兵部時公在番僚次公官給合聯纏朝着當世榮之
初冬奉兼內閣修撰壬寅秋奉准清華督同諭令暫回假歲月引導新 82
員當復寵召 辰王命新擢武員省署留守旨揮督同廉幹一員委以鎮務政臣累次討請與不允特以命公 公登朝以來四度廷
舉唯刑番清督兩衛亦仕路之一奇話也是冬端王 楷又 名輸斷政公進京拜

大比擢會元閏月殿試賜同進士第七辰年十六全年序齒高
小傳省元少傳譚臘月錦旋就海鎮留陪先相公賞節丙申春初回鄉
世科同朝慶溢門閭向鄉會並維魁元此有科目以來所未見中
春進京應制頒第一奉賞青錢十緡准初授翰林院校討尋署清
華道監察御史嘗奉事經帷講對盛王森深加獎異中秋尋遷署
知刑番季秋西山長校院文岳德帝後祿泰委員詣富春表進方物求
通款其情僞許多隱曲奉旨遴差安幹文臣同本道官區処边
務時先相公按戎同海府僚講以應邊鄉肇改命云諭云此事須
面受机宜事完復回面陳且許便道省親尤爲兩安於是累次召公面
侍指授方略年啟敕令控紙各道準許便宜処置還月底起行公繞入番
係即蒙重委遠程旌節人皆羨少年寵命之奇到閩海歡陪尊帳
及抵富春大將以下帶將兵象出城迎接入城安住公因規措仍奉

潘家世譜

第八世祖

黎朝乙未科進士歷受翊運功臣特進榮上大夫禮部尚書兼掌樂
正司瑞岩侯号裕菴謚文憲潘相公
諱益字之裕氏晚改謙受甫号裕菴 幼名潘寔諱公憲字之和氏号穗軒及再應会試避王府正宮鄭
民国音 諱改避宗章公長子也景興十一年庚午十二月十二日辰時生公幼警
敏殊常讀書經眼成誦先承庭訓後從先岳吳年峯公肄業俊才
艷思馳譽士林辛卯年二十二鄉試領優中解元壬辰應監課四仲
考獨領選春期第二夏秋並第一冬獨中 辰掌深器之会試中三場癸巳政府特
準四仲考賞一次擢山南処承司左廣秋就任學告回京與諸親友課
四興忠勤院公瓊海安殷元俊左青威潘輝瑎為友 甲午復就南司承差典考東調縣乙未十月

172

阮翥 1740 擢都御史

征婦

848

征婦吟 一卷 鄉貢鄭陳琨撰。因景興初兵起。征戍別離。感時而作。大畧采古樂府及李清融会成篇。辭意悽惋俊逸。膾炙人口

出歷朝憲章 文籍志 卷四十四

BULAC

1900
1660

Bibliographie Annam. Gaspardon 120/121 fuM

× Thi-luyện 96 fo17b 1740 tri phủ Thanh-oai

× Un copie ms AB 361 reproduit aussi le texte chinois annoté et une traduction en Chữ-nôm différente et peut-être meilleure avec une notice de l'auteur (3 [illegible]).

阮翔 vu hiệu du [illegible] 周易國音解義

([illegible]) 1950

419

續侶奇 一卷 女學士阮氏點撰。記述靈異会遇諸事：曰碧溝奇遇、海口靈祠、雲葛神女。横山仙局、安邑烈女、夏太居猫。凡六侶。文辭華贍，但氣格差弱，猶遜前書。

出 LTHC 卷四十五

BULAC

fu 10

雲山先生詩集 一卷 笠峯居士阮石泱撰

BULAC

居士雲山月澳人。少領鄉解，任清江縣。景興中棄官歸隱千伊山之五年城。研究理學。時稱為雲山先生。諸詩留清雅曉洒，理趣從容。蓋有得之言。非騷人吟客比也。集中共百篇餘。有先生弁言。

○其營寨自述云：「南河有庵者，住近六年城。三面石為壁，四圍山作屏。農圃優閒趣，煙霞隱遁情。蓮花風月在。時與二三生。龍隱市中韓路。峯如萬馬迴。山寮今日壘，地失故時臺。草色經燒碧，泉聲入夜哀。孤雲城上角，為爾賦歸來。」

○其登笠峯云：千仞山青江水蓋。小園西峯上庵名蒲庵。

fo4

英雄方略識胡北。皇祖威界旗海南。草暗石城秋瀑布。風高漁島夕陽帆。古來虎豹逢皆天定。俯仰過人也窺探。

○蔥葉龍勞接南溟。千仞山青水共青。萬馬峯迴臨路塞。從虹泉水咽隔溪城。六年弓劍英雄事。一枕烟霞隱遁情。適逢英自來多意必。廣居珍重前頭銘。

語皆清高飄逸。真趣逸出而自不涉陳腐。

fu3

升
升

fv5

Thụy Khuê 30 juin 1952

Kính gửi ông Thiện.

Tôi đã tìm được bài thơ của cụ Dư-âm làm sau lúc dịch bài chinh-phụ. bài thơ này ở quyển Dư âm ngâm-lục quyển Dư-âm ngâm-lục này đã nát chỉ còn có mấy mẩu toàn là thơ cả không có bài nôm nào; chính là tay cụ viết ra đã lâu lắm nát lắm vậy tôi sao lục thơ này ra để chú bảo chú Tâm viết thêm vào sau bài chinh phụ tự điển nôm hôm nọ tôi đã viết:

Bài thơ chữ nho.

仁睦先生征婦吟
高情逸調播詞林
近來膾炙相傳誦
多有推敲為演音
韻律曷窮文脈粹
篇章須向樂聲尋
閒中翻譯成新曲
自信推明作者心

Thân-mục tiên-sinh chinh-phụ ngâm.
Cao tình dật ~~tung~~ điệu bá từ lâm.
Cận lai khoái chá tương truyền tụng.
Đa hữu ~~xuy~~ thôi xao vi diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy.
Thiên chương tu hướng ~~lạc~~ nhạc* thanh tầm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc.
Tự tín suy minh tác-giả tâm

Nay thư

[signature]

BULAC

406

BULAC

Hanoi 23 . 6 . 52

Kính gửi

ông Hoàng-X-Hãn

Thưa ông:

Khiêm đã đến cảm ơn cụ Phan-huy-Chiểm về bức ảnh cụ Dụ-Am, còn về bức ảnh ấy thời cụ Chiểm bảo là hồi cụ Dụ Am đi sứ Tàu rồi sứ-thần tàu tặng bức ảnh đó.

Lại ông gửi thư mượn cụ quyển 征婦吟 bằng Hán văn và bản nôm thời cụ giả lời là bởi loạn nên đang thất lạc cụ đã mời họ đến họp để hỏi, do tìm mà cũng chưa thấy, còn bản quốc Ngữ gửi sang hôm trước là người trong họ cụ nhớ miệng sao hộ cho, song vì nhớ miệng không khỏi sai lầm, nhưng cụ Chiểm bảo: chính bản ấy mới đúng là bản của cụ Dụ-Am dịch.

Địa-chỉ cụ Phan-huy-Chiểm 128 Đại lộ Trần-nhật-Duật-Hanoi.

Lại việc ông phiền cụ Trần-văn Tấn tìm ở Viễn-đông bác-cổ quyển

gia-phổ 阮趨 A 1603. hôm đó tìm fiche thời quyển ấy ông Tây mượn, hôm nay cụ Tấn đòi lại quyển sách đúng như số ông gửi về là A 1603 thời quyển 天南四至路圖書. Cụ Tấn bảo như thế là ông biên lầm số. cụ đã tìm cả số 1608 và số 603 cũng không thấy.

Lại quyển tự vị của P. Hue hay Tây-Dương, Thiển đã tìm kỹ rồi, mà không thấy, ông nhớ lại có cho ai mượn không? Còn quyển gia-phổ họ Phan Thiển đang sao, đã gần xong.

Tất cả nhân viên hiện thuộc kính gửi lời sang chúc ông và quý quyến ở bên ấy đều được bình an và thâu lượm được nhiều kết quả mỹ mạn.

nay Kính thư

Lim-trần-Thiển

潘家世譜

第八世祖、

黎朝乙未科進士歷受翊運功臣特進紫上大夫礼部尚書兼掌樂
正司瑞岩侯号裕庵謚文憲潘相公
諱蓋字之裕氏晚改謙受甫号裕庵
幼名潘宴諱公憲字之和氏号穗
軒又再應會試避王府正宮鄭
民同音
諱改避第章公長子也景興十一年庚午十二月十二日辰時生公幼驚
敏殊常讀書經眼成誦先承庭訓後從先岳吳年峯公肄業俊才
艷恩馳譽士林辛卯年二十二鄉試顧優中解元壬辰應監課四仲
考独顧選
春期第二夏秋並第一
冬独中
辰掌深器之會試中三場癸巳改府拷
進四仲考賞一次擢山南処承司左廣秋就任學吾國字與諸親友課
四
興忠勤阮公瑝海安段元俊
左青威潘輝璿爲友
甲午復就南司承差典孝東調縣乙未十月